

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẪNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Ed Jones / AFP

Kính Mừng Phật Đản

LẦN THỨ 2641

PHẬT LỊCH 2561 / DL. 2017

66

THÁNG 05.2017



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Ed Jones / AFP

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG BACH PHẬT ĐẢN PL. 2561 - 2017** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **LỜI CHÚC MỪNG PHẬT ĐẢN** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **Ý NGHĨA ĐẢN SANH QUA CÁI NHÌN LỤC CĂN** (Thích Phước Mỹ), trang 10
- ♦ **HOA CƯỜI MỪNG ĐÓN ĐẢN SANH** (thơ ĐNT. Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ **LẠC CẢNH, GIỌT TUỆ, HỒN TRÂM** (thơ Phù Du), trang 14
- ♦ **KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN ĐỨNG NGHĨA** (Thích Viên Thành), trang 15
- ♦ **TRỞ LẠI CON ĐƯỜNG, HƯƠNG LÒNG MÙA PHẬT ĐẢN** (thơ Tánh Thiện), tr. 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **VUI THAY MỘNG ĐẸP, RẼM THÁNG TƯ PHẬT RA ĐỜI** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 18
- ♦ **TỪ HIỆN SINH ĐẾN ĐẢN SINH** (Huỳnh Kim Quang), trang 19
- ♦ **TAM BIỆT SÔNG HÀNG** (thơ Trần Trung Đạo), trang 21
- ♦ **ĐIỂM BẠCH SỐ 2 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 22
- ♦ **SỨC MẠNH CỦA SỰ THA THỨ** (Diệu Liên Lý Thu Linh dịch), trang 24
- ♦ **AN VỊ PHẬT, AN VỊ TA...** (Uyên Nguyên), trang 25
- ♦ **NHỮNG NĂM ANH ĐI, MỘT BÓNG TRĂNG GÂY** (thơ Tuệ Sỹ), trang 27
- ♦ **EDWARD JOSEPH THOMAS** (HT. Thích Trí Chơn), trang 28
- ♦ **MẸ, BA, CHÙA, THỜI GIAN, NÓN BÀI THƠ** (thơ Phan Văn Quân), trang 29
- ♦ **CẢM NGHĨ NGÀY PHẬT ĐẢN** (Tuệ Như), trang 30
- ♦ **MỪNG PHẬT ĐẢN** (thơ Vũ Hoàng Chương), trang 31
- ♦ **KÊ ẠC HẠI NGƯỜI HIỀN, QUÝ LỜI NÓI PHẢI** - Câu chuyện dưới cờ (Thị Ngô Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **VUA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TRÚC LÂM YÊN TỬ** - Lá thư đầu tuần (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 33
- ♦ **NẮNG VÀ HOA SEN** (thơ Huệ Trân), tr. 31
- ♦ **ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI NHO HỌC ĐỘC TÔN**, t.t. (Nguyễn Lang), tr. 35
- ♦ **NGẮN NGỦI** (thơ Lê Ngọc Huế), tr. 38
- ♦ **THIỆN VÀ NHAN SẮC** (Nguyễn Giác), trang 39
- ♦ **THÁNG TƯ MỪNG PHẬT ĐẢN SINH** (thơ Đồng Thiện), trang 41
- ♦ **PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 44
- ♦ **PHIẾU BẢO TRỢ QUỸ CHUYÊN PHÁP LUÂN - YẾM TRỢ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 45
- ♦ **CÁI TÔI LÀ GÌ?** (Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 47
- ♦ **CÒN VẠN KHÓI TÌNH** (thơ Mặc Phương Tử), trang 49
- ♦ **CÂU CHUYỆN VỀ TÂM PHẬT** (Thích Quảng An), trang 50
- ♦ **TRỜI BUỘC TỪ ĐÂU?** (Huệ Trân), trang 52
- ♦ **GÓA PHỤ** (thơ Tô Thùy Yên), trang 53
- ♦ **ĐƯỜNG VÀ CHẤT NGỌT** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ♦ **NGƯỜI ĐI, CON ĐƯỜNG, SÁM HÔI** (thơ Lê Minh Hiền), trang 55
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRÂM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: CẢNH SEN DƯỠNG SINH** (Xinh Xinh), trang 57
- ♦ **HOA VÔ ƯU, HOA ƯU ĐẸM** (thơ Trần Kim Chi), trang 58
- ♦ **VỊ "ANH HÙNG AN DANH" ĐẰNG SAU CÔNG CUỘC CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THẾ GIỚI** (Jo Confino - Lăng Mai dịch), trang 59
- ♦ **CHƠN TÂM, VỌNG NIỆM, ĐỌC TỤNG KINH VĂN** (thơ Chúc Hiền), trang 61
- ♦ **TRUYỆN CON CHÓ ĐÓI** (Thích Minh Chiếu soạn), trang 62
- ♦ **NÔI LÒNG VÀ HẠNH NGUYỆN CỦA DI MẪU** (TN Hạnh Tâm), trang 64
- ♦ **STORY OF A MAN WHOSE WIFE COMMITTED ADULTERY** (Daw Mya Tin), trang 67
- ♦ **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN: ĐÔNG, TRANG NGHIÊM, RỰC RỠ** (Việt Báo), tr. 69
- ♦ **HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN CỦA CỘNG ĐỒNG PGVN NĂM CALIFORNIA** (Dzũng Nguyễn), trang 72
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG** - chương 15 (Vĩnh Hào), trang 74

Báo Chánh Pháp số 65, tháng 04.2017, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BƯỚC SƠ TÂM

Bước sơ tâm là bước đi như thế nào, vào lúc nào?

Là khi tâm rộng mở một phương trời, khởi động cho bước chân ban đầu. (1)

Bước chân ban đầu vì thế, là bước chận vừa chận động đại địa, vừa rung chuyển thiên không.

Bước chân ban đầu là bước chân quan trọng, khi chân vừa dậm cất lên, chưa đặt xuống; khi đất trời lay chuyển quần tụ vào một điểm, chờ đợi nâng bàn chân; khi đóa sen cung kính trần trong, không muốn bàn chân thanh khiết phải chạm vào thực tế ô nhiễm của trần gian.

Bước chân ban đầu là bước chân khai mở con đường vượt thoát những phiền não, ràng buộc của kiếp sống; giải trừ những vọng chấp đảo điên từng chìm đắm thể nhân trong khổ lụy.

Bước chân ban đầu là bước chân định hình cảnh giới ly sinh-diệt (2), tịch lặng vô vi, không đến không đi, không tăng không giảm, không dơ không sạch... Nhờ vậy, bước chân sẽ chạm vào cõi đời năm trước (3) mà không nhiễm, đi qua cõi sinh-diệt mà không sinh-diệt, đến với trần gian mà không hề đến, lìa khỏi trần gian mà không hề đi... (4)

Ai có thể cất được bước chân như thế? — Đức Phật, và tất cả chúng sinh; vì chúng sinh là Phật sẽ thành. Có điều, Đức Phật có thể thị hiện trọn vẹn bảy bước dài qua bảy chi phần của giác ngộ (5); còn chúng sinh, hay những người xuất gia ban sơ phát tâm bồ-đề, vẫn thường bị lung lay ngay sau bước chân ban đầu. Những bậc tuệ căn thượng thừa thì bước xa hơn, nhưng vẫn cứ bị khập khiễng, lừng khừng ở bước thứ sáu, không làm sao bước qua được bước thứ bảy. Con đường cao đẹp từ đó chỉ phản ảnh những mộng tưởng, được sơn phết bằng màu sắc và thanh âm rỗng tuếch, vô vị của cõi đời uế trước. Hệ lụy nhân sinh từ thiên môn hay thế trần, nào khác nhau chi mấy.

Trần gian có lắm con đường. Sinh ra ở đời này, cũng phải bước đi thôi. Không thể nói "đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một" (6). Quan trọng là bước chân ban sơ, đã quyết định, chọn lựa như thế nào. Giờ

này, chân đã đi, và đi quanh đã nhiều. "Bụi đường dài gót mọi đi quanh" (7). Có thể nào trở về chốn cũ để cất lại bước chân ban đầu không? Có thể lắm. Nhưng chốn cũ là chốn nào? Thực ra không có thời gian và nơi chốn nào thực sự hiện hữu như là thời điểm và địa điểm ban đầu, ban sơ. Không có sự dừng nghỉ của thời gian và nơi chốn. Không có vị trí cũ, thời gian cũ. Những gì vừa thoáng sinh, đã thoáng diệt. Đừng mong cầu một cái gì cố định, dù là thời gian hay không gian.

Chỉ có thể lặng tâm, ngay nơi khoảnh khắc hiện tiền này, buông xả tất cả — tức là hãy khởi sự bước đi bằng bước chân thứ bảy: xả! Hãy đánh sập, đánh đổ, vứt bỏ hết những con đường, những phương thức, những thành tựu hay thất bại, những vẻ vang rạng rỡ nào đó của danh vọng từng làm mình hãnh diện, những sai lầm nào đó từng làm mình ê chề xấu hổ... Hãy trút bỏ hết, và ngồi yên, trong tịch lặng.

Và rồi, nào, hãy hồn nhiên như trẻ thơ, vô tư như một chú tiểu: hãy cất bước chân đi như một vị Phật sơ sinh.

(1) "Phát túc siêu phương," cất bước thì muốn vượt tới phương trời cao rộng (Quy Sơn Cảnh Sách Văn - HT. Thích Trí Quang dịch).

(2) "Thế gian ly sinh-diệt," thế gian vốn chẳng sinh-diệt (Kinh Lăng Già).

(3) Cõi đời có năm điều uế trước: 1. Kiếp trước: đời sống đầy tai ương, tật bệnh. 2. Phiền não trước: đời sống đầy tham, sân, si, nhiều phiền não. 3. Kiến trước: con người đầy những tà kiến, biên kiến, nhận thức sai lầm, điên đảo. 4. Chúng sinh trước: chúng sinh mọi loại sống trong vô minh, bản năng, thù oán, tổn hại lẫn nhau. 5. Mạng trước: phước kém, đời sống ngắn ngủi.

(4) "Như lai già, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai," nghĩa Như Lai ấy là không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, nên gọi là Như Lai (Kim Kim Cang, đoạn 29, Uy nghi tịch tĩnh).

(5) Thất Giác Chí, hay Thất Bồ Đề Phần: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, và xả.

(6) Một câu trong "Một Cõi Đi Về," nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn.

(7) Một câu trong bài "Không Đều," thơ Tuệ Sỹ.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ANH QUỐC: Ni sư người Úc viếng Crewkerne trong chuyến hoằng pháp quốc tế

Vào ngày 22-3-2017, Ni sư người Úc Robino Courtin sẽ có buổi nói chuyện đặc biệt tại thị trấn Crewkerne (hạt Somerset, Anh Quốc).

Ni sư đã tu tập và đi khắp thế giới để giảng pháp trong gần 40 năm qua. Sau khi viếng Phần Lan và Latvia, bà hiện đang hoàn thành chuyến hoằng pháp vòng quanh Anh Quốc.

Ni sư Robino Courtin sinh năm 1944 tại Melbourne, Úc, trong một gia đình Công giáo. Bà đã tham gia phong trào nữ quyền và quyền của tù nhân trong 2 thập kỷ 1960s – 70s.

Vào năm 1974 bà bắt đầu học võ thuật và được truyền giới thành nữ tu sĩ Phật giáo.

Một phần quan trọng trong công việc của ni sư là gặp gỡ các tử tù ở Hoa Kỳ, là điều dẫn đến Dự án Nhà tù Tự do (LPP) mà bà điều hành cho đến năm 2009. LPP cung cấp lời tư vấn về tâm linh và giáo lý, cũng như sách vở và tài liệu cho các tù nhân có quan tâm đến việc tìm hiểu và học tập Phật giáo. Kể từ năm 1996 dự án này đã hỗ trợ cho việc thực hành Phật giáo của hơn 20,000 tù nhân.

(NewsNow – March 9, 2017)



Ni sư Robino Courtin
Photo: NewsNow

HÀN QUỐC: Tượng Phật cổ được phát hiện tại Buyeo

Một tượng Phật bằng đồng mạ vàng được cho là có niên đại từ giữa thế kỷ thứ 6 đã được tìm thấy tại thành phố du lịch Buyeo cổ xưa.

Buyeo là thủ phủ của vương quốc Baekje

(thế kỷ 18 B.C. – 660 A.D), vốn cai trị miền tây nam Bán đảo Triều Tiên trong nhiều thế kỷ cho đến khi nó bị chinh phục bởi nước Silla láng giềng vào năm 660.

Pho tượng Bồ tát nói trên được tìm thấy tại phần phía bắc của tường thành pháo đài thời Baekje, cách Seoul 195 km. Tượng cao 6.3 cm và bề ngang 2.4 cm, có phong cách nghệ thuật độc đáo của thời Baekje, với ảnh hưởng từ các triều đại miền nam Trung Hoa vào giữa thế kỷ thứ 6.

“Tượng Bồ tát bằng đồng mạ vàng này rất hiếm có”, một quan chức chính quyền Quận Buyeo nói. “Chúng tôi sẽ lập kế hoạch cho một cuộc khai quật toàn diện vào khu vực tiếp giáp sau khi tham khảo ý kiến với các chuyên gia”.

(Yonhap – March 12, 2017)



Tượng Phật Triều Tiên (bên phải) được phát hiện tại Buyeo và tượng Phật Trung Hoa (bên trái) cùng thời kỳ - giữa thế kỷ thứ 6—Photo: Yonhap

NEPAL: Quốc hội Hoa Kỳ công nhận sự trao quyền cho phụ nữ của vị lãnh đạo Phật giáo

Ngày 5-3-2017 tại Kathmandu, Nepal, Đức Gyalwang Drukpa thứ 12, vị lãnh đạo Phật giáo và là nhà hoạt động về môi trường, đã được Quốc hội Hoa Kỳ trao một nghị quyết về việc trao quyền cho phụ nữ ở vùng Hi Mã Lạp Sơn và sự hỗ trợ các sáng kiến cho môi trường của ngài.

Đức Gyalwang Drukpa đã được nữ dân biểu

Hoa Kỳ Carolyn Maloney trao bản nghị quyết, công nhận ngài là một nhà hoạt động nhân đạo và môi trường nổi tiếng thế giới, và là nhà vô địch về bình đẳng giới, cũng như công nhận các nỗ lực của ngài để cung cấp công tác cứu trợ cho hàng ngàn người tại vùng Hi Mã Lạp Sơn sau trận động đất tàn phá tại Nepal vào năm 2015.

Nghị quyết đã đề cập đến các sáng kiến của Đức Gyalwang Drukpa về ngăn chặn xói mòn đất và tạo không khí trong lành thông qua dự án 1 triệu cây xanh của ngài, cũng như việc trao quyền, giáo dục, bảo vệ và truyền cảm hứng cho nữ giới tại vùng Hi Mã Lạp Sơn và trên khắp thế giới.

(tipitaka.net – March 12, 2017)



SCOTLAND: Chiếu ra mắt phim tài liệu về vị lãnh đạo Phật giáo Akong Tulku Rinpoche

Ngày 15-3-2017, bộ phim tài liệu dài về cuộc đời của Akong Tulku Rinpoche - người đồng sáng lập tu viện Phật giáo đầu tiên của Âu châu cách đây khoảng 60 năm - đã được chiếu ra mắt tại trung tâm Tây Tạng Kagyu Samye Ling ở tây nam Scotland.

Được các nhà làm phim mô tả như là một "thông điệp của hy vọng", bộ phim 'Akong – Một cuộc đời phi thường' tường thuật về thời niên thiếu tại Tây Tạng của vị cố lãnh đạo Phật giáo Akong cho đến vụ ám sát ông tại Trung Quốc vào năm 2013.

Sinh năm 1939, Akong được xác định là hóa thân của Dolma Lhakang và ông đã đăng quang khi mới 4 tuổi.

Sau cuộc nổi dậy của Tây Tạng chống lại sự chiếm đóng của Trung Quốc vào năm 1959, Akong đã tham gia cuộc đi bộ gian khổ vượt Hi Mã Lạp Sơn để đến Ấn Độ.

Cuối cùng ông đến Scotland, nơi ông đã cùng Chogyam Trungpa Rinpoche thành lập tu viện Samye Ling ở Langholm, cách Dumfries 30 dặm về phía đông. Các nhạc sĩ quá cố David Bowie và Leonard Cohen từng là học viên tại tu viện Phật giáo đầu tiên ở châu Âu này.

(The Scotsman – March 16, 2017)



Tu viện Phật giáo Tây Tạng Samye Ling (Scotland) Photo: AFP



Akong Tulku Rinpoche tại Tu viện Samye Ling Photo: Wikipedia

AFGHANISTAN: Tượng Phật cổ gần như còn nguyên vẹn sẽ được trưng bày tại Bảo tàng Kabul

Kabul, Afghanistan – Được phục hồi và chuyển khỏi một trong những vùng nguy hiểm nhất của Afghanistan, một pho tượng Phật thật đẹp sẽ ra mắt công chúng tại bảo tàng quốc gia Kabul.

Tượng này đã bị chôn vùi dưới những lớp đất và bùn từ khoảng giữa thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 5.

Ermano Carbonara, một chuyên gia về phục chế người Ý, nói rằng điều hiếm có là tượng vẫn còn đầu và hầu như nguyên vẹn khi được tìm thấy.

Tượng được đặt ở giữa một hốc tường có vẽ hoa trang trí, nằm giữa trung tâm một chánh điện.

Pho tượng được bảo quản đặc biệt tốt này, với màu sắc vẫn còn sống động, đã được phát hiện vào năm 2012 tại di tích Mes Aynak cách đông nam Kabul 40 km, thuộc tỉnh Logar vốn đang bị Taliban quấy nhiễu.

(Channel NewsAsia – March 17, 2017)



Tượng Phật cổ gần như còn nguyên vẹn được phát hiện tại Mes Aynak, Afghanistan
Photo: AFP



TÍCH LAN: Tổ chức Phật giáo 20R (Úc) hỗ trợ Bảo tàng Polonnaruwa và Đại học Phật giáo Quốc tế của Tích Lan

Ngày 17-3-2017, một phái đoàn của Tổ chức Từ thiện Phật giáo 20R của Úc Đại Lợi đã viếng thăm Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena tại Văn phòng Tổng thống.

Người dẫn đầu phái đoàn là Thạc sĩ Jun Hong Lu, Chủ tịch của hặng Phát thanh và Truyền hình Đông phương (Úc), cho biết tổ chức từ thiện của ông liên kết với hơn 50 hội từ thiện Phật giáo trên toàn thế giới và muốn đóng góp cho việc truyền bá Phật giáo và chuyển tải thông điệp của Đức Phật đến thế hệ trẻ.

Ông nói tổ chức của ông đã quyên góp để xây dựng Bảo tàng Polonnaruwa của Tích Lan, và ông muốn được Tổng thống tư vấn về các lĩnh vực tài trợ tương lai.

Khi Tổng thống cho biết chính phủ Tích Lan sẽ thành lập một trường Đại học Phật giáo Quốc tế trong các lễ kỷ niệm Ngày Vesak Quốc tế vào tháng 5 năm nay, ông Jun Hong Lu nói tổ chức của ông sẽ đóng góp cho trường Đại học này.

(NewsNow – March 18, 2017)



Thạc sĩ Jun Hong Lu (bên trái), Trưởng phái đoàn Tổ chức Từ thiện Phật giáo 20R (Úc), và Tổng thống Maithripala Sirisena
Photo: CT WEB

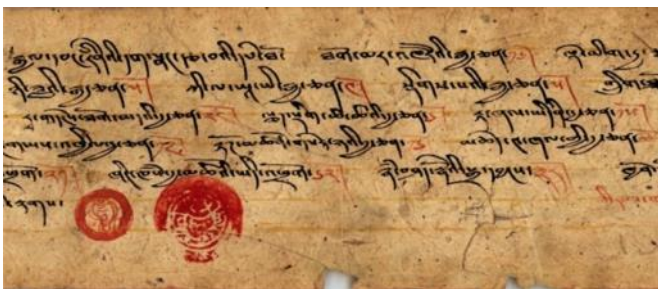
HỒNG KÔNG: Trung tâm Tài liệu Kỹ thuật số Phật giáo với nhiệm vụ mới

Trung tâm Phật giáo Tây Tạng đã chính thức đổi tên thành Trung tâm Tài liệu Kỹ thuật số Phật giáo (BDRC). Được thành lập với mục tiêu giữ gìn, biên mục, số hóa và phổ biến văn học Phật giáo Tây Tạng, năm nay BDRC sẽ bắt đầu số hóa việc bảo tồn và tạo các văn bản và các truyền thống Phật giáo để tiếp cận bằng các ngôn ngữ khác, bao gồm tiếng Hán, Pali và Phạn.

Phạm vi mở rộng của BDRC sẽ tập trung vào các nguồn văn bản từ vùng Trung, Đông và Đông Nam châu Á – vốn có nguy cơ bị biến mất trong kỷ nguyên của sự bất ổn về kinh tế-xã hội, chính trị và môi trường này.

Dự án đã thu được một bộ sưu tập vô giá các văn bản kỹ thuật số trải dài trên 1,300 năm. Nó bao gồm các luận án triết học và tôn giáo, tiểu sử cũng như tác phẩm về giả kim, hội họa, chiêm tinh học, thiên văn học, văn hóa dân gian, địa lý, văn phạm, lịch sử, thi ca và y học cổ truyền.

(Buddhistdoor Global – March 17, 2017)



Ảnh trên: Một bản quét từ cuốn tự truyện của Đạt lai Lạt ma thứ 5, Ngawang Lobzang Gyatso (1617-1682)

Ảnh dưới: Quét tài liệu tại nơi lưu trữ của một ngôi chùa — Photos: BDRC

ẤN ĐỘ: “Phật giáo thích ứng trong kỷ nguyên của thời nay”, Tổng thống Ấn Độ phát biểu

Ngày 19-3-2017, phát biểu trong lễ bế mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế 3-ngày tại thành phố Rajgir (quận Nalanda, bang Bihar), Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee nói rằng triết học Phật giáo thích ứng hơn bao giờ hết trong kỷ nguyên của bạo lực ngày nay, “nhất là khi thế giới phải chống chọi với những vấn đề phức tạp khó kiểm soát được”.

“Không vùng nào của thế giới ngày nay thoát khỏi những áp bức của bạo lực...sự khủng hoảng này lan tỏa mọi nơi”, Tổng thống nói, và ông nhấn mạnh rằng “Phật giáo đã có một sự ảnh hưởng sâu sắc đối với nền văn minh nhân loại”.

Được tổ chức bởi Đại Tịnh xá Nava Nalanda, hội nghị về “Phật giáo trong thế kỷ 21 – những triển vọng và phản ứng đối với Các Thách thức và Khủng hoảng Toàn cầu” có sự tham dự của hàng trăm học giả Phật giáo, chư tăng và đại biểu từ 35 quốc gia, với bài phát biểu đặc biệt của Đức Đạt lai Lạt ma vào ngày 18-3.

(The Hindu – March 20, 2017)

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): “Lễ hội phép màu” tại chùa trung tâm của Kalmykia

Từ ngày 12 đến 14-3-2017, “Lễ hội Phép màu” (tiếng Tây Tạng là Chotrul Duchon) đã được tổ chức tại ngôi chùa trung tâm của nước Cộng hòa Kalmykia, vùng duy nhất tại châu Âu mà Phật giáo Tây Tạng là tôn giáo chính. Lễ hội bao gồm một nghi thức đặc biệt, được tổ chức để tưởng niệm đại sư Tây Tạng Geshe Tenzin Dugda, người đã viên tịch tại Kalmykia vào ngày 13-3-2012.

Lễ hội Phép màu là một trong 4 lễ hội Phật giáo quan trọng được tổ chức tại Kalmykia. Sự kiện này, diễn ra trong suốt ngày trăng tròn của tháng đầu tiên trong lịch Tây Tạng, để kỷ niệm những phép màu từ Đức Phật Thích Ca



Mâu Ni. Lễ hội kéo dài 3 ngày tại chùa trung tâm, diễn ra cùng với Đại lễ Cầu nguyện (Monlam Chenmo).

Theo truyền thống, Đại lễ Cầu nguyện được tổ chức tại các tu viện vào tháng giêng âm lịch. Truyền thống này tại Kalmykia đã được phục hồi cách đây vài năm nhờ những nỗ lực của Telo Tulku Rinpoche, trưởng Lạt ma của Kalmykia. (Buddhist Door – March 22, 2017)



Ngôi chùa trung tâm của nước Cộng hòa Kalmykia — Photo: Lyudmila Klasanova

PAKISTAN: Pakistan sẽ tham gia lễ Vesak tại Colombo, Tích Lan

Pakistan sẽ tham gia và trưng bày di tích di sản của Phật giáo và Gandhara trong lễ Vesak 3-ngày tại Colombo, Tích Lan.

Năm nay, lần đầu tiên Tích Lan tổ chức lễ Vesak Liên Hiệp Quốc, diễn ra từ ngày 12 đến 14-5. Lễ hội sẽ được tổ chức tại Khu Vesak Liên Hiệp Quốc đặc biệt xung quanh tòa nhà Quốc hội Tích Lan.

Pakistan sẽ tham gia lễ hội và trưng bày các di tích di sản Phật giáo và Gandhara thông qua một gian hàng để đại diện cho di sản lịch sử và văn hóa của nước này.

Năm nay Pakistan cũng sẽ mời một phái



đoàn Tích Lan dự lễ hội Vesak, được tổ chức tại Pakistan vào tuần lễ cuối của tháng 5.
(nation.com.lk – March 23, 2017)

MÔNG CỔ: Biểu tượng văn hóa Phật giáo cổ xưa của Mông Cổ sẽ hoàn thành vào mùa hè 2017

Ulaanbaatar, Mông Cổ - Vào mùa hè năm 2017, người Mông Cổ sẽ khôi phục một phần quan trọng của di sản Phật giáo cổ xưa của họ: Một tượng Phật lịch sử - từng được thiết kế bởi nhà lãnh đạo thiêng liêng đầu tiên của Phật giáo Mông Cổ - sẽ đặt tại Thung lũng Uguumur, nằm ngay bên ngoài thủ đô Ulaanbaatar của Mông Cổ.

Vào thời kỳ các lực lượng Sô Viết chiếm đóng, hầu hết tất cả 1,000 tu viện Phật giáo cùng với các tượng Phật đã bị phá hủy, chỉ còn lại duy nhất pho tượng Phật lịch sử nói trên. Nay Dự án Đại Di Lặc đang hoan hỉ lên kế hoạch để mang pho tượng Phật quan trọng này về với Đạo pháp Mông Cổ.

Dự án sẽ kết thúc Giai đoạn Một với việc hoàn thành tượng Phật lịch sử cao 15 feet, đã được mô phỏng, thiết kế và bây giờ sẵn sàng để xây dựng đầy đủ.

Dự án đang gây quỹ để hoàn thành việc xây pho tượng Phật này vào tháng 9-2017. Giai đoạn Hai sẽ bắt đầu vào năm 2018 và bao gồm việc xây xong pho tượng Di Lặc Bồ tát cao 177 feet - vốn đến nay đã xây được 40% - tại ngọn đồi trung tâm của Thung lũng Uguumur,
(buddhistchannel.tv – March 27, 2017)



*Đồ họa tượng Di Lặc Bồ Tát đang xây dựng tại Thung lũng Uguumur (Kalmykia)
Photo: buddhistchannel.tv*

ẤN ĐỘ: Họa sĩ MR Pimpure, người làm hồi sinh các tranh Phật giáo của hang động Ajanta

Các hang động Ajanta (huyện Aurangabad, bang Maharashtra) trong dãy núi đá là nơi có nhiều tranh Phật giáo được vẽ rất tỉ mỉ.

Nhưng trong thực tế, di tích lịch sử Ajanta của UNESCO này hiện đang bị đổ nát, mà ngay cả những nỗ lực không ngừng của chính phủ

cũng vẫn chưa đủ.

Trong tình trạng đó, họa sĩ MR Pimpure đã cống hiến cuộc đời mình để phục chế từng bức tranh của Ajanta một cách tinh tế. Từ nửa thế kỷ qua, công việc quanh năm của ông bắt đầu bằng việc quan sát nhiều giờ liền trong hang, với những bức vẽ lớn, và việc thu thập những màu sắc đặc đạo cho phù hợp những nguyên bản vốn cần đến nỗ lực phi thường.

Kỳ công của việc phục chế tranh hang động mà Pimpure thực hiện là nhằm mục đích bảo tồn và giới thiệu với thế giới vẻ đẹp thật sự của di sản Ajanta của Ấn Độ. Mỗi bức tranh đòi hỏi việc nghiên cứu, tham khảo sách vở có niên đại hàng trăm năm. Với 350 tranh có chiều dài từ 1 foot đến 65 feet, việc phục chế từng tranh một đã thực hiện thật tỉ mỉ.

(The Buddhist Channel – March 28, 2017)

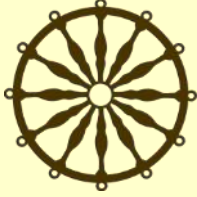


Họa sĩ MR Pimpure (mặc áo trắng) trình tranh phục chế của mình với vị Đạo sư tinh thần Ấn Độ. Tranh hang động Ajanta nguyên bản (ảnh trên) và tranh phục chế của MR Pimpure (ảnh dưới) --



Photos: Facebook





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHÂM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2561

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Giáo phâm, chư tôn Thiên đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ Phật tử,

May mắn thay, chúng ta đang sống trên một đất nước thịnh vượng, đa chủng, dân chủ và tự do. Cộng đồng Việt và Phật giáo Việt đã đem đến vùng đất Bắc Mỹ một nền văn hóa mới trong một châu lục đa văn hóa. Ngày lễ hôm nay đã nói lên điều đó. Giáo pháp của Phật về tương tức, tương duyên và tương sanh đã mang lại sự hiểu hòa và trách nhiệm của dân tộc Việt trải ngàn năm qua. Do vậy, dù sống ở đâu người con Phật cũng thường quán niệm rằng, tôi có mặt trong một dân tộc và dân tộc đó có mặt của tôi. Sự an bình của tôi là sự an bình của một cộng đồng và ngược lại. Đến Đạo Phật để tìm sự sống của an lạc và hòa bình cho chính mình và nơi chốn mình đang sống.

Trong nhiều năm qua, hàng trăm khóa tu học thường xuyên do các trung tâm, tự viện của Phật giáo tổ chức đã góp phần không nhỏ trong cuộc sống an lành của cộng đồng Việt và người bản xứ. Sự tu tập này là hương hoa cao quý nhất, chúng con xin dâng lên cúng dường Đức Phật trong ngày Đản Sanh. Chúng con cũng thệ nguyện rằng, mỗi tự thân người đệ tử, nguyện là đuốc, là nước, là hương hoa của pháp Phật để tưới lên vùng đất Bắc Mỹ này. Do vậy, tổ chức lễ Phật Đản, chỉ hình thức trang lệ không thôi, chưa đủ, cần phải làm rực sáng tâm thức Phật qua đời sống hàng ngày của người đệ tử.

Một ai trở thành người đệ tử Phật là trở thành một cỗ xe đẹp trên đường chúng ta cùng đi. Ai thực tập giáo pháp và hoằng truyền giáo pháp thì cỗ xe đó chở đầy hoa quý. Hương này sẽ tỏa khắp mọi nơi. Đạo Phật là một tôn giáo mới đối với người dân Bắc Mỹ. Tinh thần độc lập, nhân bản và khám phá đã mang họ đến gần với Đạo Phật hơn bao giờ hết. Bao thập niên qua, chư Tăng Ni và quý Cư Sĩ, Thiện Tín đã góp phần lớn lao trong việc giới thiệu Đạo Phật và hướng dẫn họ sự tu học. Bắc Mỹ sẽ là đất Phật an lành đây hứa hẹn trong mai sau. Xin tất cả chúng ta hãy lên đường xây dựng châu lục này thành Phật địa.

Trong mùa Phật Đản, xin hướng tâm về quê hương nguyện cầu cho dân tộc. Người đói được no, người bệnh được thuốc, người nghèo được việc, không ai hà hiếp ai. Non sông và lãnh hải gấm vóc Việt Nam là của con dân Việt từ bao đời, xin được che chở bởi hồn thiêng sông núi tổ tiên.

Hội Đồng Giáo Phâm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhất tâm đánh lễ Chư tôn Thiên Đức Tăng Ni đã phụng hiến đời mình vì hòa bình, an lạc mà hoằng truyền Phật Đạo nơi châu lục Bắc Mỹ. Giáo hội cũng xin tán thán công đức của tất cả chư thiện tín đã có đời sống Đạo và hoằng Đạo nơi quê hương này.

Cầu xin chư Phật, chư Tổ độ trì cho thế giới hòa bình và chúng sinh an lạc.

California ngày 08 tháng 04 năm 2017
T.M. Hội Đồng Giáo Phâm GHPGVNTN HK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

Vietnamese American United Buddhist Congregation

CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI

BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2561

Buddha's Birthday Festival Celebration-Buddhist Year 2561

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 Tel.: (714) 571-0473 (562) 338-2990

LỜI CHÚC MỪNG

của Đại diện GHPGVNTN Hoa Kỳ nhân ngày Đại Lễ Phật Đản

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng Ni hiện tiền;

Kính thưa quý vị đại diện các tôn giáo bạn; quý vị quan khách, các cấp chính quyền liên bang, tiểu bang; quý vị đại diện các cơ quan truyền thông đại chúng; quý vị thân hào nhân sĩ Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ;

Kính thưa chư thiện tín nam nữ Phật-tử các sắc tộc/quốc gia cùng toàn thể đồng hương hiện diện trong Đại lễ Phật Đản lần thứ 2641 hôm nay.

Đức Phật đã sinh ra trong một thế giới đầy dẫy bất công, phân biệt giai cấp, để từ đó, Ngài nêu ra quan điểm về phẩm tánh cao quý vốn sẵn có trong tất cả mọi người, đặt nền tảng cho quyền làm người và bình đẳng xã hội của gần ba thiên kỷ qua, cho đến thời đại chúng ta hiện nay, trên khắp địa cầu.

Đức Phật đã sinh ra trong thế giới tràn ngập tham lam, sân hận, si mê—là căn nguyên gây nên chiến tranh xâu xé giữa con người và các lãnh thổ, quốc gia; để từ đó thể hiện tâm từ bi, lòng khoan dung tha thứ, nối kết tình người gần lại với nhau, hầu tạo cuộc sống chung trong hòa bình, an lạc.

Đức Phật đã sinh ra trong thế giới này như một nhà cách mạng xã hội, một nhà đại giáo dục, và trên tất cả, như là bậc đạo sư, vị thầy dẫn đường kỳ vĩ của nhân loại với giáo lý và phương thức thực tiễn mà ai nỗ lực thực hành đều có thể giải trừ khổ đau, phiền não, hướng đến cảnh giới an vui tuyệt đối.

Hôm nay chúng ta cùng có mặt nơi đây là để tưởng nhớ và tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với sự cống hiến vô tiền khoáng hậu của Đức Phật trong việc chuyển hóa tâm linh, kiến tạo hạnh phúc và an bình trong đời sống thực tiễn của con người, của xã hội, và của toàn hành tinh này.

Và để tưởng nhớ, tri ân, không gì bằng tự thân mỗi chúng ta luôn nỗ lực thực hành đúng đắn lời dạy của Đức Phật hầu lợi mình, lợi người; phụng sự con người và chúng sanh với lòng từ bi vô lượng.

Thay mặt GHPGVNTNHNK, chúng tôi xin đón chào toàn thể quý liệt vị, đồng thời kính chúc tất cả, nhân ngày kỷ niệm Đản Sanh của Đức Phật, được thâm nhuần và tỏa chiếu phẩm tính ưu việt của bậc Đại Giác Thế Tôn.

Nam mô Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản Sanh, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

TM. Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Chủ tịch,

Sa môn Thích Tín Nghĩa

Ý NGHĨA ĐẢN SANH QUA CÁI NHÌN LỤC CĂN

Thích Phước Mỹ



Một sự kiện lịch sử, cách đây trên 2500 năm. Giờ đây, nó luôn vẫn là một vấn đề còn sôi động, thâm sâu, mầu nhiệm và hữu ích. Đó là lịch sử Đản Sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong sự tu tập hằng ngày của chúng ta luôn lấy lịch sử của đời ngài làm mục tiêu hướng thượng. Vì vậy, hình ảnh sơ sanh của ngài trở thành lời dạy quý báu chứ không phải hoàn toàn mang tính chất lịch sử và cũng không phải chỉ đơn thuần là lễ kỷ niệm vui mừng như một đại nhạc hội. Sự ra đời của Đức Phật không một cử chỉ nào mà không hàm súc vấn đề thực tiễn trong đời sống hằng ngày trên tiến trình qua giải thoát giác ngộ. Đó là điều mà chúng ta cần phải đào sâu tìm hiểu để mở một kho tàng quý báu mà trong mỗi chúng ta đã có và đang có. Ta thử tìm hiểu kho tàng ấy: Từ hình ảnh Đản Sanh qua cái nhìn về Lục Căn sẽ như thế nào?

Trước hết chúng ta tìm hiểu sơ lược về lịch sử Đản Sanh của ngài.

A. Sự kiện lịch sử.

Cách đây 2561 năm, tính chính xác năm Đản sanh là 2561+80 (tuổi thọ ngài) = 2641, tại phía tây bắc Ấn Độ, dưới chân núi Hy-Mã-Lạp, trong thành Ca-Tỳ-La-Vệ, có đức vua Tịnh-Phạn và hoàng hậu Ma-Đa, nhân một ngày tu hạnh Bát-Quan-Trai và bố thí làm phước nên đêm ấy bà mộng thấy con voi trắng sáu ngà chui vào bụng của bà. Từ ấy, bà bắt đầu mang thai, đức vua, triều thần và nhân dân hay tin đều vui mừng chờ ngày Thái Tử ra đời.

Một ngày bình minh rất đẹp 08-04-ÂL, nơi vườn Lâm-Tỳ-Ni, hoa Vô-Uy bắt đầu hé nở nụ cười như đã biết một việc gì... và tỏa ra hương thơm dịu dàng, ngào ngạt hòa quyện vào với những tiếng chim kêu thanh thoát, cùng với những khúc nhạc trời vang vọng lời cúng dường... Lúc ấy, hoàng hậu Ma-Đa cùng với người tùy tùng đang từng bước đi thiền hành. Rồi chợt thấy, Hoàng hậu mỉm cười đưa tay vịn vào đóa hoa Vô-Uy màu trắng toát. Rồi chợt nhiên, Trái đất chuyển mình rung động, Thái Tử nhẹ nhàng bước ra chào đời từ hông nách của mẹ hiền. Ôi! Hân hoan ba ngàn thế giới hòa reo cùng theo nhịp bầy bước hoa sen, một tay chỉ lên và một tay chỉ xuống, miệng tuyên

lời tối hậu: "**Trên trời dưới trời, ta là tối tôn.**"

Vua Tịnh Phạn hay tin vui, thái tử đã ra đời và đặt tên cho con là Tất-Đạt-Đa.

B- Ý nghĩa Đản Sanh.

Sự kiện lịch sử Đản Sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được rất nhiều vị giải thích khác nhau đôi chút, về 3 điểm chính đó là:

- Làm việc phước thí và điềm mộng của hoàng hậu Ma Gia.

- Bày đóa hoa sen nở.

- Lời tuyên ngôn của Đức Phật lúc đản sanh.

Đây là 3 điểm chánh căn tìm hiểu trong hình ảnh tiêu biểu lúc đản sanh của đức Phật. Bởi 3 phần đó là nói lên 3 giai đoạn: khởi nguyên, vận hành và kết quả; phát nguyện, tu tập và thành tựu, v.v... Theo phần này, chúng ta có thể nói một cách đơn giản: nếu chúng ta phát nguyện hay là bắt đầu làm việc gì tốt, thì cứ mãi mãi thực hiện liên tục không ngừng nghỉ và không thay đổi như đóa hoa sen nở đều từng bước đi của chúng ta, thì chắc chắn một ngày ta sẽ thành tựu thiên quả của nó. Thiên quả này không phải do trời hay do đất ban tặng, mà chính ở nơi ta. Vậy ở trong ta có cái gì đáng quý mà trời đất không thể có. Giá trị biểu tượng đản sanh của Đức Phật muốn nói ở điểm này. Đây là điểm then chốt, mà chúng ta phải tôn vinh, phải dành lễ hướng về để cầu nguyện... Đó chính là hướng đi đích thực trở về với chân trời giác ngộ. Điểm này các bậc thầy tổ đã chỉ dạy và đã làm những gì cho chúng ta mãi đến hôm nay. Và các vị tiền bối, đã khéo léo dùng ngòi bút của mình vẽ lên nhiều màu sắc trong bức phong của ý nghĩa này, làm cho bức phong đản sanh trở nên phong phú và giá trị.

1. Ý nghĩa đản sanh qua sự học hỏi và tìm hiểu:

Điềm mộng con voi trắng sáu ngà, tức là chỉ về lục độ bồ tát, vì Ngài là bậc bồ tát thị hiện ra nơi đời thực hiện tâm hạnh vị tha cứu khổ độ sanh, với tâm toàn tịnh không chút ô nhiễm (bạch tịnh thức) là biểu trưng màu trắng tinh khiết.

Bày đóa hoa sen là biểu tượng 7 vị Phật thị hiện ở cảnh giới này, ngài là vị thứ bảy; hoặc

biểu tượng cho 7 phương hướng: đông, tây, nam, bắc, trên, dưới và ở giữa; hoặc chỉ cho 7 đại (kinh Lăng Nghiêm): địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến và thức; hoặc có chỗ cho rằng: đó là con 'số tốt đẹp nhất' theo quan niệm của thời bấy giờ tại xứ Ấn Độ, cũng có nghĩa ngài tùy thuận chúng sanh mà thị hiện ra nơi đời, v.v...

"Trên trời dưới trời chỉ có ta là tôn quý nhất" (ta là duy nhất). Lời tuyên ngôn này làm cho ngày đàn sanh càng sinh động và nhiều người, nhiều giới quan tâm hơn. Có một số thì đưa ra nghi vấn, một số mỉa mai, một số bào chữa, phân tích, giải thích, nghiên cứu. v.v... đều tựu trung vào chữ "TA" (Ngã). Để giải thích điểm này, các vị phải tốn rất nhiều giấy bút để luận bàn.

Đây là một đề tài khá phong phú, sâu xa và mẫu nhiệm. Bởi lẽ chưa ai, thực chứng điều này, ngoại trừ đức Phật với chư Phật; còn chúng ta chỉ là đứng một góc độ để nhìn vào vật thể vừa quá xa, vừa vĩ đại. Có lẽ, chữ "ngã" ở đây đức Phật muốn chỉ cho chúng sanh



thấy cái quý ở trong ta đang có mà trời đất không thể có. Do đó, trong tất cả kinh điển cùng những tông phái và chư tổ đều có cái nhìn tựu trung vào điểm này: như kinh Pháp Hoa diễn tả là Phật-Tánh; kinh Bát Nhã là Chân-Không; Kinh Lăng Nghiêm là Như-Lai-Tạng; Kinh Viên Giác là Viên Giác Diệu Tâm; Duy Thức Tông là Nhứt Thiết Chủng Trí, Đại Viên Cảnh Trí; Tổ Huệ Năng gọi là Bản Lai Diện Mục; Trần Thái Tông là Phật trong nhà; gần đây HT. Thích Thanh Từ gọi là Ông Chủ, v.v... Đồng thời, có những lời dẫn chứng, giải thích chữ ngã, như là Chân Ngã, Thật Ngã, Vô Ngã, Đại Ngã, Tối Thắng Ngã, v.v... Nói chung đều là sự diễn đạt về đích của Ngã như thế này hay như thế khác. Không một ai có thể diễn đạt một cách cụ thể hoàn hảo. Cũng dễ hiểu, bởi ngôn ngữ trần gian còn quá giới hạn ngay những việc trên đời này, còn diễn tả chưa thấu đáo, huống gì là ngã của chân trời giác ngộ; chẳng hạn như: tôi ăn một thứ, rồi tôi nói "ngon quá." Người khác hỏi tôi: ngon như thế nào? Tôi bâng khuâng không biết tả như thế nào cho rốt ráo! Tôi chỉ nói: "Ăn rồi sẽ biết." Vì vậy, dù ai có diễn đạt cách mấy cung chỉ là diễn đạt một phần cái vỏ của chữ Ngã mà thôi. Nhưng nhờ nhiều sự diễn đạt làm cho hành giả

HOA CƯỜI MỪNG ĐÓN ĐÀN SANH

*Xuân về hoa lá sum sê,
Đỏ xanh vàng tím tư bề khoe nhau.
Cúc vàng khoe sắc vàng au,
Cành mai đông đến hòa màu vàng tươi.
Xuân đào mồm mỉm nụ cười,
Lựu kia chuẩn bị đón mời hè sang.
Những đàn bướm trắng nhẹ nhàng,
Vờn quanh hương sắc trắng ngần hoa lê.
Hoa đào, hoa sứ rù rê,
Nhụy vàng viền trắng mân mê ánh hồng.
Xuân về tiễn biệt gió đông,
Đón mừng hương sắc hoa hồng cười duyên.
Mùa xuân mang ngọn gió hiền,
Trăm hoa đua nở cửa thiền mừng xuân.
Đỏ màu phượng vĩ kẻ gần,
Đón chào Đức Phật hạ sanh độ đời.
Ta Bà thế giới muôn loài,
Hân hoan nhộn nhịp vui cười Phật ban.
Cùng nhau đón ánh Đạo vàng,
Cùng nhau thể hiện muôn vàn âm ba.
Ba ngàn thế giới hoan ca,
Đón mừng Thái tử Đạt Đa giáng trần.*

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Mạnh hạ Đình dậu – Apr. 10, 2017

cảm nhận toàn bộ cái vỏ của Ngã. Đó là điều rất hay giúp cho hành giả và tất cả chúng ta gần gũi và hiểu phần nào về lời tuyên ngôn của ngài lúc Đàn Sanh.

Sau đây tôi có cái nhìn về Đàn Sanh của Đức Phật qua pháp lục căn mà mỗi chúng ta đang có trong suốt thời kỳ hiện hữu ở cõi đời này và sẽ mãi mãi đời sau nữa.

2. Ý nghĩa Đàn Sanh qua cái nhìn về Pháp Lục Căn

Qua những lời dạy của đức Phật trong kinh điển, cho ta hiểu được trong mỗi con người của chúng ta có cái gì mà trời đất không có. Đứng về mặt chiều sâu của con người thì càng thăm thăm khó mà cảm nhận được, nhưng đứng về mặt bề ngoài thì chúng ta có gì? Một đứa bé khi vừa lọt lòng mẹ thì chúng ta thấy nó có nào: tai, mắt, mũi, lưỡi, thân thể và ý thức (cảm giác hiểu biết). Đây là pháp lục căn, mà ngài đã dạy cho chúng ta,

được lập đi, lập lại nhiều nơi trong kinh điển và giáo lý của ngài. Theo trình độ căn cơ của chúng sanh khi ngài nói cao, lúc ngài nói thấp và cũng tùy theo phương diện lục căn với pháp như thế này, hay là như thế khác, v.v...

Cho nên biết rằng lục căn là một pháp rất phong phú, sâu sắc và quan trọng trong vấn đề giải thoát và giác ngộ. Lời Phật dạy: "*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chánh tư duy quán sát nên dục tham đoạn dứt. Ta nói tâm chánh giải thoát.*" (Kinh số 189, tập I, Tập A Hàm). Chính vì vậy, đức Phật đưa ra pháp môn tam Vô-Lậu-Học (hay bát Chánh-Đạo) nhằm cng cố pháp lục căn, đưa hành giả gắn với chân như.

Nay chúng ta luận bàn lục căn có liên quan gì đến ý nghĩa Đản Sanh của Đức Phật như thế nào?

Trước hết xin định nghĩa lục căn là gì? Tam gọi là sáu giác quan của con người hay chúng sanh nói chung mà đạo Phật gọi là lục căn. Đó là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

a- Bối cảnh đầu tiên là Hoàng hậu Ma Gia nằm mộng thấy bồ tát cõi con voi trắng sáu ngà chui vào bụng của bà. Như trước đã nói, bối cảnh đầu là một sự khởi nguyên. Nhưng sự khởi nguyên trong một giấc mộng là biểu trưng cho quá khứ kiếp đã thành đạt một cách hoàn hảo và trong sáng của một vị bồ tát về pháp lục căn. Đó là con voi trắng sáu ngà. Tuy thế hình con voi to lớn nhưng ngà voi luôn vẫn là đi đầu và chính sáu ngà voi ấy chuyển thể hình voi thành màu trắng. Cũng vậy, mỗi con người chúng ta lúc chào đời ai cũng có sáu căn đầu tiên. Chính sáu căn này là tiêu điểm nuôi dưỡng hình thể to lớn hay nhỏ bé, màu đen hay trắng cũng đều do nó. Bởi lẽ cuộc sống của chúng ta trong cảnh giới nào cũng có nó, vì thế Bồ tát Sĩ Đạt Đa đã nhiều kiếp tu tập và nhiếp phục sáu căn nên chuyển hóa nó thành voi màu trắng ứng thành diêm mộng mà nhập thai mẹ. Đồng thời, ngày hôm ấy sáu căn của Hoàng Hậu cũng hoàn toàn thanh tịnh, do tu bát quan trai lấy giới nhiếp phục và hành pháp bố thí. Nên cả hai hòa thành thể giới màu nhiệm đại địa rung động. Qua ý nghĩa này, chúng ta hãy nhìn vào mình và thấy gia tài quý báu của chính mình sẵn có ở chỗ nào. Nó đến với ta lúc chào đời và nó sẽ theo ta (Tịnh sắc căn) trong nhiều đời. Cho nên sự hiện hữu của ta trên đời này hãy dành thời giờ chuyển dẫn nó cho đến khi thuần thực, rồi ta cũng sẽ như Sĩ Đạt Đa thành voi trắng sáu ngà mà thị hiện thân. Nếu không, mục đích cuộc sống là gì? chẳng lẽ để sanh con nối dòng, để ăn, để ngủ hay để tranh nhau làm Hoàng Đế... sau cái chết tất cả là vô vị. Duy chỉ có nghiệp thức dẫn sáu căn thọ thân sau, tùy theo nghiệp thiện ác của đời này do sáu căn tạo ra và sáu căn kiếp sau phải thọ nhận Phù trần căn (tướng của căn) hoặc tốt hoặc xấu.

b- Bối cảnh thứ 2: là bảy bước nở hoa sen. Trước hết ta phải tìm hiểu hoa sen là gì? Đó là loài hoa có nhiều đặc tính thù thắng. Sống

trong nước không bao giờ ươn nhưng lại sạch đẹp, ở trong bùn không nhiễm mùi bùn lại tỏa ra hương thơm ngát... nên có câu thơ: "*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*" Sáu bước hoa sen đầu là muốn nói về pháp lục căn của chúng ta đến mức thuần thực như đóa hoa sen. Nghĩa là sống nơi trần không nhiễm bụi trần (*cư trần bất nhiễm trần*) luôn luôn trong sáng. Tức là đến lúc thể của căn hoàn toàn thanh tịnh và tướng của căn lại có đầy đủ 32 tướng tốt cùng 80 vẻ đẹp. Lúc bấy giờ, có nghĩa là ta đã thành tựu lục hạnh bồ tát. Từ điểm này, ta có thể dễ dàng thành tựu bước thứ 7. Đó là hoa sen cuối cùng là Phật quả, là Như lai đẳng chánh giác. Nói về bồ tát Sĩ Đạt Đa, trong giấc mộng đã cho biết ngài đã thành tựu 6 bước một cách hoàn toàn thanh tịnh (con voi trắng, 6 ngà). Kiếp này là kiếp cuối cùng (*vô lượng sanh tử ư kim tận hỷ*). Ngài phải thành tựu bước thứ 7 là chặng đường cuối cùng của tiến trình tu tập quả giải thoát giác ngộ, là Phật quả.

*"Như hoa sen đẹp đẽ và dễ mến,
Không ô nhiễm bùn do nước đục,
Giữa đám bụi trần, ta không vương chút
bợn nhơ.*

Như vậy, Ta là Phật."

(Đức Phật và Phật Pháp)

Hoa sen thứ 7 là sự báo hiệu ngài đã thành Phật. Cũng như những tướng tốt của ngài mà tiên nơn A Tư Đà căn cứ vào đó đã tiên đoán ngài sẽ thành chánh quả trong nay mai, nên ông rơi nước mắt tự khóc cho mình. Như vậy trong 6 căn thanh tịnh đã có ẩn tướng của Phật căn, mà 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp là một trong những ẩn tướng ấy. Tiên nơn đã xem và biết trước việc đó sẽ xảy ra.

c- Bối cảnh thứ 3 là lời tuyên ngôn: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" nghĩa là: "*Trên trời dưới trời, ta là độc tôn; là tối tôn; là duy nhất.*" Vậy Ta là ai mà trời đất cũng không bằng? Chẳng lẽ ta là cái bản ngã tự cao tự đại của ngài, còn đang nhỏ bé, mới chào đời ư! Tại sao câu nói này, ngài không tuyên ngôn lúc ngài thành đạo? mà ngay lúc chào đời còn quá nhỏ! Chính từ điểm này làm cho cả thế giới chấn động, hoang mang và tìm hiểu.

Thực ra, một đứa bé mới chào đời không bao giờ có hiện tượng về bản ngã tự cao, dù đó là đứa bé lớn lên rất tinh nghịch. Bởi lẽ đó, Đức Khổng Tử nói rằng: "Nhân chi sơ tánh bản thiện" nghĩa là "*con người mới sanh ra tánh vốn thuần thiện.*" Hơn nữa giáo lý của ngài luôn đả phá về ngã chấp và pháp chấp. Như vậy, chúng ta khẳng định rằng chữ *Ta* ở đây hoàn toàn không mang tính tự cao tự đại mà mang tính chất triết lý và chân lý. Bởi lúc bấy giờ con người chưa ai hiểu biết tới về điểm đó. Cho nên, Ngài cho biết chính cái đó mới là tối tôn... cao hơn cả trời đất. Vậy cái đó là gì? là cái ta đang có ư!...?

Các nhà khoa học cho rằng mỗi con người đều có những giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi,

thân và ý. Đạo Phật gọi là căn. Chính sáu căn này là gia bảo quý báu vốn có nơi mỗi con người và chúng sanh nói chung. Chúng ta sanh vào kiếp nào cũng đều có nó và nó là cửa ngõ quyết định ta sanh vào bất cứ thế giới nào, thiện nghiệp hay ác nghiệp cũng bởi nó mà ra, chứ không phải do trời đất nào cả. Nó là chính duyên, là cửa ngõ của ta. Nếu ta không biết khép lại hoặc làm chủ, thì nó sẽ bị trợ duyên bên ngoài cuốn hút, cũng như cha mẹ không khéo léo giữ con, con sẽ rơi vào con đường ăn chơi hút sách. Đức Phật cho biết rằng chúng ta và ngài đang ở giữa sự nguy hiểm của Trời và Đất, nghĩa là ta đang sống trong thế giới đối đãi. Trên trời và dưới trời là gì? là cặp trùng duyên khởi cùng nhau, là một vế đối đãi với nhau, trong những vế đối đãi khác như: buồn vui; thương ghét; hơn thua; khen chê; lên xuống; giàu nghèo... (thịnh suy, huỷ dự, xung cơ, khổ lạc). Đức Phật gọi là "bát phong xuy động." Xin trích lời tâm nguyện của Hòa thượng Trí Tịnh: *"con đường đạo nhiều trở ngại chông gai lồng giữa cõi đời thế tục mà lớp vỏ cứng của nó là tứ lưu bát nạn, cam bẫy của nó là lợi danh ngũ dục, sức mạnh của nó là con lốc bát phong."* Như vậy, bát phong, bát nạn, ngũ dục hay cặp trùng với danh từ to tướng của trời đất. Tất cả chỉ là duyên, là cam bẫy, là pháp trần, là trần cấu. Luôn luôn cuốn hút ta lún sâu vào thế giới khổ đau (Dukkha). Nó không phải là tối thượng, là tối tôn, là chính duyên để dẫn tới con đường giải thoát giác ngộ. Chính ta mới là chính duyên, chỉ cần sáu bước thật vững như hoa sen không nhiễm bùn nhờ là ta đã thành tựu lục hạnh bồ tát. Vậy làm cách nào giúp sáu căn hoàn toàn thanh tịnh? Chính về tiêu điểm ấy mà đức Phật đã dạy chúng ta những phương thuốc để ngăn ngừa, bao gồm là Giới, Định, Tuệ trong 3 tạng kinh điển hay nói gọn hơn là bát chánh đạo trong bài pháp đầu tiên cũng gồm có đủ Giới Định Tuệ. Giới là trợ nhiếp về mặt tướng của sáu căn; Định là trợ nhiếp mặt thể của sáu căn; Tuệ là ánh sáng soi sáng trợ nhiếp cho hai mặt của sáu căn. Giới Định Tuệ nhằm giúp sáu căn vượt qua thế giới đối đãi của trời đất, như hoa sen vươn ra khỏi bùn và nó có công năng phá trừ chất nổ của tam độc để ngăn ngừa sự lồi cuốn vào khổ đau. Đó là những gì ngài phải làm ròng rã suốt 45 năm hầu hết cả cuộc đời của ngài.

Như vậy, ngài đã để lại gia tài quý báu ấy



nhằm giúp cho chúng ta nương theo đó mà tu tập được giác ngộ và giải thoát. Ngài dạy, đừng nương vào bất cứ nơi nào ở bên ngoài dù là trời hay đất mà hãy nương tựa chính mình; đừng chiến thắng ai hãy tự chiến thắng chính mình; mình ăn mình no, không thể ai ăn thay cho mình cả. Đó là cái ta, là lý trung đạo mà ngài muốn nói. Hay nói một cách cụ thể hơn, là sống đừng thái quá, đừng cực đoan (trời, đất) mà sống mức trung bình những gì mình có, đó là trung đạo, là cái ta; như con mắt đừng vọng trần cảnh của trời đất mà sanh ra vui quá, buồn quá sẽ dấy sự khổ đau hãy vọng về con mắt bản nhiên của chính mình không vui cũng không buồn (bản lai thanh tịnh). đó là cái ta và cũng là lý trung đạo.

Tóm lại, những gì ngài nói ra đều thể hiện trên công hạnh tu tập và lời dạy của ngài. Trong giáo lý, ngài nhấn mạnh phá trừ ngã chấp... và xây dựng bản thể thanh tịnh. Trong đó không có chút gì mang tính tự cao tự đại, mà hơn thế nữa, ngài xả bỏ ngai vàng điện ngọc cùng vợ đẹp con thơ của cương vị quyền quý cao sang nhất để trở thành người ăn xin không nhà không cửa, chịu cảnh đói khát trong giữa rừng sâu núi thẳm (vô tiền khoáng hậu). Ngược lại, chính chỗ này ngài mới tìm về lại chính ngài và hoàn thành đóa hoa sen thứ bảy, tức thành tựu chánh đẳng chánh giác. Như vậy ngài xả bỏ tất cả thế giới bên ngoài của trời, đất để trở về chính mình (ta - lục căn) mà thành tựu Phật quả.

Thật ra, chỉ một lời tuyên bố: "Trên trời dưới trời ta là tôn quý nhất" mà cả cuộc đời ngài trong suốt 80 năm mới trả lời xong. Làm sao chúng ta chỉ một, hai bài văn nói cho cùng được!!!

Nhưng chúng ta lại rút ra được bài học quý báu rằng: Ngay trong đời này, chúng ta muốn đi đến chỗ thành tựu tốt đẹp bất cứ việc gì, cao nhất là Chân Ngã, Niết Bàn hay Phật quả, thì cần phải kiểm soát lục căn của chính mình một cách thấu đáo và thanh tịnh. Hay nói cách khác, lục căn là chiếc chìa khóa để mở muôn ngàn cánh cửa, mà cánh cửa cao nhất là PHẬT MÔN.

C- Trích lục những đoạn kinh và văn nói về lục căn:

1- Kinh Lăng Nghiêm: *"Luân hồi sanh tử cũng do lục căn, giải thoát tự tại cũng do lục căn."* "Lục căn viên thông..."

2- Ở đời vui đạo mặc tùy duyên
Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền
Trong nhà sẵn Phật tìm đâu nữa
Đối cảnh vô tâm hỏi chi thiên
(Trần Thái Tông)

3- Phẩm Pháp Sư Công Đức: "Công đức Pháp sư hay công đức của người sống với Tri kiến Phật, y cứ nơi sáu căn phát hiện. Sáu căn là chỗ phát sáng của hòn ngọc Tánh giác, không nương sáu căn làm sao thấy được hòn ngọc. Hằng sống trở lại Tánh thấy Tánh nghe của mình là cửa vào Tánh giác, con đường vào cửa Niết-bàn. Khi sáu căn thuần tịnh thì tự nó trở thành Lục thông, khỏi cần tập luyện mới có thần thông." (thientong.thuongchieu.org)

4- "Các căn trí tuệ, yên lặng vô cùng, vào sâu tới pháp tạng của Bồ Tát, được pháp Hoa Nghiêm tam muội của Phật, tuyên dương giảng nghĩa hết thầy kinh điển mà vẫn trụ vào phép định sâu xa mẫu nhiệm, thấy tất cả chư Phật hiện tại, trong một giây phút hiện ra khắp nơi, cứu giúp muôn loài, chịu nhiều khổ não, phân biệt chỉ rõ chân thật, được trí biện tài của các đức Như Lai, rồi thể nhập tiếng nói của chúng sinh, khai hóa cho hết thầy, vượt qua các pháp sở hữu của thế gian, kiên tâm giữ đạo cứu đời." (Kinh Vô Lượng Thọ. Thích Tuệ Đăng) niemphat.net

5- "Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Thường-Tinh-Tấn đại Bồ-Tát rằng: Nếu có thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn thọ trì kinh Pháp-Hoa này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một nghìn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một nghìn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một nghìn hai trăm công đức nơi ý, dùng những công đức này trang nghiêm sáu căn đều được thanh tịnh..." (Kinh Pháp Hoa - Thích Trí Tịnh)

6- "Người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ chuyển thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được bảo người nữ cùng kẻ căn thiếu, không được vắng sanh." (Tịnh độ thập nghi luận. Thích Thiện Tâm)

7- "Mở sáu gút đồng như một, dính và gỡ đều xoay lại. Trừ bỏ vật để xem hư không, thì tướng đồng và khác đều bỏ hết. Biết cái niệm tràm của tâm tánh diệu viên thoảng thể, thời sự thanh tịnh của căn thẳng nghĩa vẫn còn nguyên. Tối và sáng là cái thấy, mê vọng mới thành hôn mê. Căn hay biết chứ không phải trần, nếu không chạy theo nó thì tự nhiên giải thoát." (Lãng Nghiêm Trực Chỉ. HT Thích Thiện Siêu).

LẠC CẢNH

mây trôi bóng nước liu riu
trời nghiêng cánh chớ ráng chiều xuống theo
hai bờ vách núi xanh rêu
một bầy diệc trắng về kêu vang lừng
sụt sùi dọn nước bến sông
ôm cần, ngư phủ nương dòng chiều loang.

GIỌT TUỆ

giọt tuệ
rơi đánh tằm
trong lòng vũng bùn nghiệp chướng
quấy quá tử sinh
bàn tay năm ngón vô tình
chấp bông sen nở lời kinh mở mùa
rớt xuống trần gian
đong đưa nghiệp duyên luân hồi sinh nở
giọt tuệ cháy
tia lửa xẹt vô thường,
giữa miên trường giác thổ
em qua thu muộn đông tàn
bên bờ cỏ quận sương tan giữa trời
lòng chiều nghiêng
con mắt khô rướm lệ
đỏ hoàng hôn giọt tuệ
sôi trong ly rượu càn khôn
người về cuối bãi tang thương
đâu non tiếng vượn gọi buồn xuống khe
trôi lênh đênh
ồ những giấc mộng phập phù
đậu lại bên bờ giậu thưa
cánh bướm mùa xuân
soi giọt tuệ.

HÔN TRÂM

trời dài, đất cũng dài theo
núi đồi máy độ cheo neo ngả rừng
khói sương theo bóng hoàng hôn
bên chiều mộng寐 còn vương trăng tà.

thơ PHÙ DU



KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN ĐÚNG NGHĨA

Thích Viên Thành

Mỗi hàng năm Phật Đản về vạn nẻo
Chư Tăng, Ni, Phật Tử lễ kính mừng
Hào quang Ngài chiếu tỏa khắp, sáng
trưng

"Phật Tri Kiến" Ngài "Khai Thị Ngộ Nhập"

Vì thương chúng sanh, mãi hưởng ngoại tìm cầu, để chìm đắm hoài trong luân hồi sinh tử, nên Phật mới "thị hiện" xuống trần, với mục đích duy nhất là: 'Mở bày chỉ cho chúng sanh, nhận thấy rõ và sống được với Chân Tâm Phật Tánh của mình.' Tức là nhắc nhở cho chúng sanh hãy "quay về với chính mình."

Mừng Phật Đản, chính là mừng ngày Phật ra đời, mà Phật ra đời chỉ có một mục đích duy nhất nói trên, nên chúng ta phải quay lại với chính mình mà quán chiếu, mà tu tập, để nhận cho ra Phật tánh đang hiện diện trong ta, hầu sống tốt và phát huy cho lợi lạc quần sanh.

Phật ở trong tâm mỗi người chứ không có ở ngoài hay ở đâu xa! Nhưng tại sao chúng sanh lại quên mất, để Phật phải thị hiện ra đời mà nhắc lại? Phải chăng do vì "chấp ngã" xem "ta" là số một, "ta" là trên hết, xem "của ta" là duy nhất, không ai có thể hơn hay bằng ta, khiến "vô minh" hiện diện, nên tham-sân-si cũng lớn dần theo năm tháng, tạo ra muôn ngàn tội lỗi, khiến Phật tánh bị lu mờ!

Thấy rõ được điều đó, nên khi mới vừa Đản Sanh, Đức Phật đã truyền đi một Thông Điệp rất là quan trọng: "Trên Trời dưới Trời chỉ có 'cái ta' này là độc tôn." Thánh, phàm cũng từ nơi "cái ta" này quyết định. Bằng bạc, xuyên suốt 49 năm trong giảng dạy giáo pháp, cũng như các pháp tu của Đức Phật, nơi nào và lúc nào cũng có Pháp "chuyển hóa ngã" hay là pháp "vô ngã" bằng cách hạ mình xuống, hàng ngày đi "tri bình nhất thực" xem mình không là gì cả, thì mới mong thẳng tiến đến đạo quả giải thoát, niết bàn tịch tịnh, lợi lạc quần sanh được.

"Ngã" là 'năng lượng' cũng là 'động lực,' nếu ta biết vận dụng 'năng lượng, động lực' này để phục vụ cho lợi ích nhân sinh, thì phước đức và ích lợi vô lượng, bèn ngược lại, dùng 'năng lượng, động lực' này để phục vụ cho tự tư, tự lợi, sống ích kỷ cho riêng mình, bắt mọi người phải phục dịch thì nguy hại, tội lỗi cũng vô biên. Vì bản năng "sinh tồn và hưởng thụ" sẽ sẵn sàng triệt hại bất cứ ai, ngay cả việc giết người, cướp của để mình được sống, để mình "độc tôn" và mặc sức thụ hưởng!

Khi "bản ngã" lớn, sẽ chỉ thấy những cái

xấu của người theo ý tưởng không tốt của ta và sẵn sàng phủ nhận, chà đạp những cái tốt, cái hay, cái giỏi của người. Khi "bản ngã" lớn, thì cái gì "của ta" cũng nhất, để rồi xem thường, mạ lỵ, cười chê những gì của người, mặc cho của người có hay, có giỏi cũng không cần hay biết. Khi "bản ngã" lớn tham-sân-si phát triển tương ưng và tội lỗi cũng theo đó lớn dần.

Trên đường tu, nếu chúng ta không nhận ra được sự nguy hại của "bản ngã" để mà hàng ngày lo tu tập, bào mòn "ngã chấp" thì chưa chánh kiến, đây là một thiếu sót và sai lầm lớn.

Với người 'thượng căn' thì sống với Phật tánh của mình, thực hành theo hạnh của Bồ Tát Thường Bất Khinh: "Các ngài là Phật sẽ thành, con không dám khinh các ngài đâu..." như trong Kinh Pháp Hoa, Phật đã dạy.

Với người 'trung, hạ căn' thì nên luôn sống khiêm cung, thường 'lạy Phật, sám hối,' suy tư và hành xử: "cho con biết khiêm hạ, biết tôn trọng mọi người, tự thấy mình nhỏ thôi, việc tu còn kém cõi...", được như vậy, mới mong có cơ hội học hỏi để tiến lên, hoàn thiện tự thân, nếu không được như vậy thì chúng tỏ mình là người 'không tốt' mọi kiến thức vay mượn có được, chỉ là "sở tri chướng", sẽ che mờ và ngăn chặn mọi cố gắng của ta, từ đây đường tu mờ dần, nếu có chăng cũng chỉ là hình tướng mà thôi và cứu cánh giác ngộ, giải thoát sẽ khó mong đạt được.

Hiểu về "bản ngã" nhằm vào việc "hạ ngã," thấy "vô ngã là niết bàn" mà tu, biết vận dụng nó, là có chìa khóa để mở cửa và tiến vào đường đạo, ai không nắm lấy chìa khóa này mà mở vào, thì chỉ đi lòng vòng ở ngoài, uổng công, phí sức, đôi khi lấy thời gian ở chùa làm sở đắc, dung dưỡng và "lớn thêm bản ngã" thì lại còn nguy hại vô cùng!

Kính mừng Phật Đản là làm hiển lộ "Phật tánh" trong mỗi người, nên bằng mọi hình thức tổ chức sâu, rộng, hoành tráng, ấn tượng ở bên ngoài cũng cần phải có, để nhắc nhở mọi người và xã hội cùng nhớ mà thực hành lời Phật dạy, cho toàn xã hội được an lạc.

Nhưng điều đặc biệt và quan trọng nhất, vẫn là việc hành trì miên mật của từng cá nhân "quán chiếu nội tâm, triệt tiêu bản ngã và chuyển hóa nghiệp lực của mình." Thể hiện bằng cách sống chân thật, vui vẻ hài hòa, rộng lượng, đối đãi tôn trọng nhau, có thiện niệm, nghĩ, thấy, nói, hành xử tốt đẹp về nhau, vừa chúng tỏ tâm mình đang tốt đẹp, vì "tâm an



TRỞ LẠI CON ĐƯỜNG

*Hôm nay lòng người rộng mở
Nhân ngày Phật Đản lại về
Bình minh tiếng chim ca hát
Nắng hồng tỏa sáng thêm lên*

*Nhớ xưa Phật ôm bình bát
Hoá duyên cùng khắp xóm làng
Tình Ngài không còn ngăn cách
Từ bi trải rộng mênh mang*

*Mây trời trong xanh rìng vắng
Hoà cùng sóng nước đại dương
Ngài luôn dẫn đường chỉ lối
Đưa người trở lại con đường*

*Hiểu thương từ trong ánh mắt
Rạng ngời khắp cả năm châu
Muôn người cùng nhau khai phóng
Niềm vui khắp cả địa cầu.*

HƯƠNG LÒNG TRONG MÙA PHẬT ĐẢN

*Đấng Pháp Vương bậc xuất trần thượng sĩ
Vượt công thành vào rừng núi xuất gia
Ngài chẳng màng chức tước vị vương gia
Bỏ tất cả mong tìm phương lối thoát.*

*Đời của Ngài là cuộc đời giải thoát
Lòng tràn đầy bi trí độ tha nhân
Đường mây trời bình bát mỗi bước chân
Đi khắp chốn mang niềm vui lợi lạc.*

*Mừng Phật Đản xin cùng nhau nhớ tạc
Khắc ghi vào từng da thịt máu xương
Sống thương yêu và tha thứ mọi đường
Cùng thắp nén hương lòng lên Đức Phật.*

TÁNH THIỀN

Dallas, Mừng Phật Đản lần thứ 2641
(18-4-2017)

vạn sự an" từ đây góp phần tô điểm nét đẹp chung cho xã hội.

Mừng ngày Phật Đản đối với các Giáo Hội, các Đạo Tràng thì cũng nên tổ chức tu tập miên mật mọi nơi, cho thật chúng hành trì, có sự chuyển hóa, bản thân cảm nhận được thật sự an lạc, từ đó lan truyền cho gia đình và những người chung quanh.

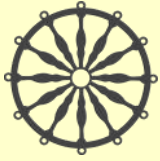
Người tiến bộ như Âu, Mỹ và những người kinh nghiệm với cuộc đời, đã thấy rõ được nỗi khổ, niềm đau, sự vô thường, giả tạm của nhân thế rồi, biết hạnh phúc là 'cho ra' từ ở bên trong phần tinh thần, chứ không thể chỉ biết 'nhận vào' và tìm kiếm bằng vật chất ở bên ngoài mà được, vì thế họ đã hướng rất mạnh về con đường tu tập chuyển hóa thân tâm.

Pháp của Phật là pháp hành, là pháp để

sống cho an lạc, chứ không phải pháp để nghiên cứu, để phô trương, để chiêm bái. Nên hằng ngày và các kỳ lễ kỷ niệm trọng đại, rất cần có sự hướng dẫn tu tập chuyên sâu, có chất lượng, để tất cả mọi người đạt được giải thoát, giác ngộ đích thật, chứng tỏ giáo Pháp Phật rất vi diệu, vĩnh cửu, mọi người đều thấy rõ mình là Phật sẽ thành.

Đó mới chính là quán triệt, thực hiện Thông Điệp đầu đời của Đức Phật và Mừng Phật Đản một cách đúng nghĩa, cũng như lợi ích thiết thực vị tha nhân.

*Đón Mừng Mùa Phật Đản – lần thứ 2641
- Phật lịch 2561
Chùa Pháp Hoa, Nam Úc - Đinh Dậu (4/2017)
Thích Viên Thành*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gửi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyền thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA





VUI THAY MỘNG ĐẸP

Nơi vùng Hy Mã Lạp Sơn
 Tuyết giăng núi biếc, mây vờn đỉnh cao
 Ven sườn phong cảnh đẹp sao
 Bềnh bồng sương gió, dạt dào nắng mưa
 Ngay miền bắc Ấn Độ xưa
 Có vương quốc nhỏ nên thơ vô cùng,
 Một ngày xảy chuyện đáng mừng
 Khiến cho thế giới tung bừng đôi thay,
 Ma Da hoàng hậu ngủ say
 Nằm mơ chợt thấy sắc mây rạng ngời
 Một luồng ánh sáng từ trời
 Lung linh chiếu xuống tận nơi giường bà
 Trong hào quang bỗng hiện ra
 Voi to, màu trắng, sáu ngà đẹp thay,
 Voi và ánh sáng cùng bay
 Tới gần hoàng hậu nhập ngay vào bà.
 Sáng hôm sau tỉnh giấc ra
 Trong lòng hoàng hậu chan hòa niềm vui
 Tâu vua rõ chuyện lạ đời,
 Nhà vua Tịnh Phạn cho mời các quan
 Quân thần thông thái giới giang
 Đoán điềm giải mộng rõ ràng giúp vua.
 Quân thần hoan hỉ cùng thưa:
 "Đây là điềm tốt. Giấc mơ tuyệt vời
 Báo tin mừng sắp tới nơi
 Rồi đây hoàng hậu thụ thai an lành
 Sau này hoàng hậu sẽ sanh
 Tương lai thái tử rạng danh thiên tài
 Siêu nhân vĩ đại giúp đời
 Sẽ mang hạnh phúc cho người gần xa,
 Cho vua dòng dõi Thích Ca
 Và cho nhân loại nhà nhà thơm hương."
 Vua nhìn hoàng hậu yêu thương
 Cùng nhau âu yếm mừng thầm biết bao
 Từ lâu vua vẫn ước ao
 Sinh con nối dõi thế vào ngôi vua
 Hai mươi năm mãi đợi chờ
 Sắp thành hiện thực giấc mơ lâu dài.



(trích từ tập truyện thơ "Cuộc Đời Đức Phật Thích Ca" của nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao do nhà xuất bản Quảng Đức Úc châu ấn hành năm 2005)

RẼM THÁNG TƯ PHẬT RA ĐỜI

Quả nhiên lời đoán chẳng sai
 Thế rồi hoàng hậu mang thai một ngày
 Thật vui thay! Thật mừng thay!
 Hương lành theo gió dâng đây thoảng xa,
 Theo phong tục Ấn Độ xưa
 Đàn bà sinh nở thường đưa trở về
 Khai hoa nở nhụy chốn quê
 Nhà cha mẹ ruột thêm bề bình yên,
 Biết ngày sinh tới gần bên
 Cho nên hoàng hậu vội lên đường về
 Đi cùng một số bạn bè
 Thêm người hầu hạ cận kề trước sau,
 Hoàng cung đưa tiễn hồi lâu
 Đoàn về quê ngoại cùng nhau lên đường.
 Khi gần về đến quê hương
 Cả đoàn được lệnh bên vườn ghé qua
 Lâm Tỳ Ni tỏa hương ra
 Đón người nở nhụy khai hoa chốn này
 Trong vườn phong cảnh đẹp thay
 Cây vươn nhánh xuống dang tay đỡ người
 Bà vin cành biếc mỉm cười
 Hoa vô ưu nở cánh tươi đón chào
 Bà sinh thái tử lành sao
 Dễ thương, khéo khinh, hồng hào, tinh anh.
 Địa cầu như rạng bình minh
 Trần niềm hạnh phúc, đầy tình vui tươi
 Điềm lành xuất hiện khắp nơi
 Câu vông phổ sắc, đất trời tỏa hương
 Rằm tháng Tư đẹp lạ thường
 Một ngày trọng đại mở đường tương lai.
 Trong vương quốc khắp nơi nơi
 Hân hoan đón nhận tin vui vô cùng
 Cả đoàn trở lại hoàng cung
 Muôn chim đua hát bên đường tiễn chân
 Nhà vua cùng các quân thần
 Chào mừng đón tiếp phái đoàn hồi cung
 Khắp nơi lễ hội vui chung
 Chập chùng cờ phướn, tung bừng múa ca.
 Bấy giờ khắp nước gần xa
 Ngát hương an lạc, thắm hoa thanh bình
 Cho nên thái tử sơ sinh
 Được vua, hoàng hậu, triều đình đặt tên
 "Tất Đạt Đa" nghĩa bình yên
 "Người mang toại nguyện," "người đem tốt lành."

TỪ HIỆN SINH ĐẾN ĐẢN SINH

Huỳnh Kim Quang

Có những bước chân thật lẫm lũi, lẫm lũi đến mức độ từ khi đến cho tới khi đi đều không tác tạo một âm ba nào, tưởng chừng như không là một hiện hữu! Nhưng cũng có những bước chân qua đi rồi mà vẫn còn vang dội mãi đến ngàn sau, tưởng chừng như muôn ngàn hiện hữu.

Khi một hiện hữu làm linh hiện ý nghĩa hiện sinh trọn vẹn của nó, cả ba ngàn đại thiên thể giới đều rung động. Dòng hiện sinh của nó là những cung bậc hòa điệu với giao hưởng khúc thiên thu của vũ trụ.

"Người nằm xuống cho ngàn năm vang bóng

Ta bước qua từ ngữ rụng hai lần

Tờ sa mạc như bèo phong tấy địa

Trút linh hồn dường như thể như thân" (Bùi Giáng)

Nhưng, hiện hữu là gì? Hiện sinh là gì? Con người là gì? Ta là gì? Ta là ai?

Rõ ràng là một trò đùa lẩn quẩn! Hỏi tức là hỏi về một cái gì. Sự kiện này có nghĩa là có ít nhất hai sự thể hiện hữu, hiện hữu với chủ thể tính và khách thể tính. Hỏi tức là vượt tới một cái gì, tìm tòi một cái gì, chờ đợi một cái gì - một cái gì như là đối tượng. Sự kiện này có nghĩa là chủ thể tính hỏi còn mong muội về đối tượng được hỏi. Từ những sự kiện trên, người ta có thể thấy được rằng đặt tra vấn - Hiện hữu là gì? Hiện sinh là gì? Con người là gì? Ta là gì? Ta là Ai? - là một tra vấn về những tra vấn, hay nói cách khác, là một câu hỏi được hỏi về những câu hỏi. Đây là một bể tắc, một bể tắc không thể vượt qua bằng những tra vấn có tính cách ước lệ.

Trong ý nghĩa đó, ngày nào mà một hiện hữu chưa làm linh hiện được ý nghĩa hiện sinh trọn vẹn của nó thì ngày đó cuộc đời vẫn còn là một tra vấn, một câu hỏi, một sự lẫm lũi phong kín! Đạo Phật gọi tình trạng đó là vô minh, là một cơn đại mộng.

*"Xử thể nhược đại mộng
Hồ vi lao kỳ sinh" (Lý Bạch)
Trần gian là giấc mộng dài
Làm chi cho mệt một đời phù sinh.*

Hay như trong kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa:

*"Nhất thiết hữu y pháp
Như mộng, huyễn, bào ảnh,
Như lộ, diệc như điện;
Ưng tác như thị quán."*

Hãy quán sát tất cả các pháp có tạo tác đều như giấc mộng, không thực, bọt nước, sương, điện chớp.

Là một tra vấn, một cuộc hành trình lẫm lũi, một cơn đại mộng, kiếp người như là lữ hành mù lòa, quờ quạng trong đêm tối, như là cánh bèo trôi giạt theo dòng thác lũ vô minh, nghiệp lực! Chúng ta không biết mình là gì, không biết mình là ai! Chúng ta vay mượn kiến thức, vay mượn ngữ ngôn của thế giới ước lệ, vay mượn vai trò diễn viên trên sân khấu cuộc đời để thao tác, để múa may quay cuồng một thời rồi ra đi, rồi trở lại. Đây là chỗ khởi đầu? Đây là nơi chung cuộc? Không biết! Chúng ta không biết gì về mình, không biết gì về người.

Tại sao chúng ta phải hiện hữu, thay vì không?

Trong cơn đại mộng này, trong cuộc hành trình lẫm lũi này, chúng ta thường trực cầm mang những lo âu sợ hãi, những vui buồn phiền muộn, những bất an xáo trộn. Chúng ta vay mượn danh ngôn của thế giới ước lệ để

biến chúng thành sự thỏa mãn tạm thời hay mỗi đe dọa thường xuyên đối với chúng ta. Chúng ta đặt ra những quy ước, những phạm trù cho phương cách tư duy, lý luận và hành động để buộc trói mình, để áp đặt lên tha nhân. Cuối cùng tất cả đều không có lối thoát. Huỳnh sinh vì vậy đã thành phù sinh.

*"Thảo nào khi mới chôn nhau,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra !
Khóc vì nỗi thiết tha sự thể,
Ai bày trò bãi bể nương dâu,
Trắng rằng đến thuở bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.
Cuộc thành bại hầu căn mái tóc,*



*Lớp cùng thông thiêu đốt buồng gan,
Bệnh trần đòi đoạn tâm can,
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.
Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
Mặt phong trần nắng râm mùi dâu,
Nghĩ thân phù thể mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê."*

(Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, Cung Oán Ngâm Khúc)

Giờ đây cuộc hành trình lẫm lũi đã lạc sâu vào mê cung tăm tối, cơn đại mộng đã thành cơn ác mộng.

Cũng có thể sự thực không như vậy. Tại sao ta phải tra vấn về mình, tra vấn về hiện hữu, tra vấn về con người? Tại sao ta phải áp đặt những tra vấn lên một thực tại đang sống, đang có mặt sờ sờ ra đó? Ta đang có mặt, có nghĩa là ta đang hiển hiện với ý nghĩa hiện sinh. Tại sao ta phải chối bỏ mình, chối bỏ một hiện hữu đang hiện thực? Không! Ta đang sống có nghĩa là ta đang hiện hữu và ta phải sống trọn vẹn với những gì ta đang có. Ta có quyền buồn, vui, phiền muộn. Ta có quyền say sưa hưởng thụ. Làm linh hiện ý nghĩa hiện sinh trọn vẹn không phải là sống trọn vẹn với giây phút hiện tiền mà ta đang hiện hữu đó sao?

Nhưng có một sự thật mà ta không thể chối cãi. Đó là sau những cơn say, sau những phút giây cuồng nhiệt, ta thấy mình trống rỗng, ta thấy mình mất thăng bằng trên nhịp sống bình thường, như thể ta bị đánh rơi xuống vực thẳm. Trong những trạng thái đó, thế giới chung quanh ta bỗng trở nên xa lạ, cô liêu và quanh quẩn khác thường. Ta nghe được sự thiếu vắng mênh mông trong thân phận một kiếp người. Thì ra ta chưa hề hiện hữu một cách thường trực và thực tại. Tại sao? Ta là gì? Con người là gì? Ta có thực sự hiện sinh không?

Lại những câu hỏi về những câu hỏi!

Lúc con người chìm sâu trong sự cô đơn, trống vắng là lúc nó đối mặt với chính nó thực sự. Nhưng chúng ta sợ hãi sự cô đơn, sợ hãi sự trống vắng. Chúng ta tìm mọi cách để trốn chạy. Chúng ta khát khao muốn tìm lại mình, nhưng bằng phương thức trốn chạy, nên chúng ta vĩnh viễn không biết mình là gì. Sự khát khao muốn tìm lại mình và muốn biết mình là gì chính là nỗi khát khao muôn thuở của con người, của hiện hữu. Nó còn có thể được coi như là mục tiêu tối thượng của đời sống. Vì mọi tra vấn, mọi khúc mắc, mọi vấn đề của con người, của cuộc đời đều được giải tỏa khi chúng ta làm hiển hiện một cách trọn vẹn ý nghĩa hiện sinh của mình.

Sự Đản Sinh của đức Phật là đánh dấu cho một triều dương của nhân loại, của vạn hữu trên khai lộ của sự thức giác và làm linh hiện ý nghĩa hiện sinh trọn vẹn. Và cuộc đời của Ngài đã là hình ảnh linh hiện của ý nghĩa hiện sinh trọn vẹn. Trong đó, tri kiến như thật về thực tại là một trong những thông điệp mà ngài đã



trao lại cho nhân loại. Tri kiến như thật về thực tại nghĩa là thực tại như thế nào thì thấy biết như thế đó. Chúng ta đã vay mượn quá nhiều danh ngôn của thế giới ước lệ, những gì chúng ta có về tư duy, lý luận và hành động đều là vay mượn, không có gì đích thực là của chính chúng ta. Rồi hãy lắng nghe thực tại bằng cả tính mệnh của mình:

"Trên tất cả, chàng học từ nó cách lắng nghe, lắng nghe với trái tim bình lặng, với chờ đợi, mở lòng, không cảm xúc, không ham muốn, không phán đoán, không quan điểm." (Hermann Hesse, Siddhartha)

Lắng nghe thực tại trọn vẹn, con người sẽ giao cảm và hiểu được thực tại. Hiểu được thực tại cũng có nghĩa là hiểu được mình. Hiểu được mình là hiểu được Như-Lai.

*"Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị như hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai".*
(Kinh Kim Cang)

Nếu dùng hình sắc để thấy Phật, dùng âm thanh để cầu Phật, thì người đó đã làm sai, không thể thấy được Phật.

Không từ hình danh sắc tướng mà thấy được Như Lai, vì Như Lai là vô tướng. Vô tướng thì sinh mà không sinh, diệt mà không diệt, tức là đệ nhất nghĩa đế, là thực tại.

"Như lai giả vô sở tùng lai diệt vô sở khứ." (Kinh Kim Cang) Như lai là không từ đâu đến mà cũng không đi về đâu.

Đến mà không từ đâu, đi mà chẳng về đâu, tức là đã làm linh hiện được ý nghĩa hiện sinh tuyệt đối.

Trong ý nghĩa đó, Đản Sinh không chỉ là sự ra đời của một bậc vĩ nhân cách đây trên hai ngàn sáu trăm bốn mươi một năm về trước. Đản sinh là triều dương bừng sáng lên ý nghĩa hiện sinh tuyệt đối của vạn hữu qua mọi thời đại.

Huỳnh Kim Quang

TẠM BIỆT SÔNG HẰNG

Tạm biệt Varanasi
Tôi đi
Tạm biệt Sarnath, Jaipur, Mysore, Bangalore,
Chennai, Agra, Delhi
Tạm biệt Ấn Độ văn minh và huyền bí
Quê hương của Tất Đạt Đa Cồ Đàm, của
Gandhi và Sardar Vallabhbhai Patel, của
Maharshi Valmiki và Rabindranath Tagore
Tôi đi
Sông Hằng chảy như cuộc đời tôi đang chảy
Từ đâu tôi không biết
Về đâu tôi không hay.
Giấc mơ của một hạt cát
Đã nở thành hoa
Khi đặt tay xuống dòng nước
Sông Hằng êm như như giải lụa Duy Xuyên.
Buổi sáng ở Sarnath
Nhìn tảng đá nơi Đức Phật có thể đã từng
ngồi nhập định
Nghe như có tiếng chân vọng lại
Từ hai ngàn năm trăm năm
Đôi bàn chân đất, mảnh y vàng, đức Cồ Đàm
đi bộ 247 cây số từ Bodhgaya
Vườn Lộc Uyển là đây
Tăng đoàn là đây
Chuyến Pháp Luân là đây
Tứ Diệu Đế là đây
Bát Chánh Đạo là đây
Tất cả bắt đầu từ nơi tôi đang đứng
Rất linh thiêng và rất mực bình thường.
Đứng bên cây bồ đề thuộc thế hệ thứ ba ở Sar-
nath
Nghe trong lòng một giọt nước mắt đang rơi
Niềm vui khi chiếc lá trở về
Cám ơn Đức Bổn Sư và lời dạy của ngài
“Thấp đước lên mà đi”
Thưa vâng, con đã đi nhiều năm như thế
Qua những nắng và mưa
Qua con đường lửa máu
Qua bất hạnh trầm luân.
Đêm Varanasi
Vang lên những lời kinh cầu nguyện
Những xác người được hỏa thiêu
Ngọn lửa lễ Agni Pooja dưới chân Da-
shashwamedh Ghat làm sáng rực sông Hằng

Không tiếng khóc
Không tiếng cười
Chỉ có lời kinh như bài hát vọng từ xa thẳm
Khi Lord Brahma chào đón Lord Shiva
Đời sống dọc sông Hằng đến nay vẫn thế.
Chiều nay tôi đi
Chặng đường tới là đâu tôi chưa biết
Và cũng chưa có một nơi nhất định để trở về
Nên quê hương tôi là mệnh mông
Quê hương tôi là Việt Nam linh thiêng nhưng
cũng là Varanasi huyền bí
Quê hương là tôi là Thu Bồn trong xanh
nhưng cũng là sông Hằng mát dịu.
Và một ngày tôi sẽ trở lại thăm
Sông Hằng Varanasi
Có thể không còn là con người xương thịt
như hôm nay
Mà chỉ là giọt nước
Từ mây trời phương tây xa xôi
Hãy đón giọt nước như đón tôi hôm nay
Hãy cho tôi cùng chảy với sông
Trong tiếng đàn Sitar và tiếng trống Tabla
Trong một đêm huyền diệu
Trong buổi sáng lặng yên.
Tạm biệt sông Hằng
Tạm biệt Varanasi.

thơ **TRẦN TRUNG ĐẠO**



Sông Hằng, ảnh Trần Trung Đạo



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

THÔNG BẠCH (SỐ 2)

NAM MÔ BÓN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni

Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Theo như Thông Bạch số 1 đã trình ngày 01 tháng 01 năm 2017, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ năm nay sẽ được tổ chức tại:

- Địa điểm: **Holiday Inn Chicago North Shore
Skokie Banquet & Conference Center
5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077**
- Thời gian: **Từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017**

Khóa Tu Học lần này sẽ được diễn ra dưới sự chứng minh của Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, với sự tham gia của Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni và Chư vị Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử khắp mọi miền đất nước Hoa Kỳ và Canada, đặc biệt còn đón nhận sự tham dự của những người Mỹ bản xứ và cả những Phật Tử từ quốc nội Việt Nam.

Ở nơi đất khách quê người, cơ duyên để Tăng - Tục hòa hợp, tứ chúng đồng tu như thế này thật là hiếm có. Đây là nhân duyên thù thắng cho những ai luôn muốn mở mang sự hiểu biết của mình đối với Phật Pháp, đồng thời có thể trau dồi công phu tu tập cùng với đại chúng.

Chương trình học có tổng cộng 24 tiết học Phật Pháp, trong đó có 06 tiết dành cho Chư Tăng Ni, 06 tiết Phật Pháp Tiếng Việt và 06 tiết Phật Pháp Tiếng Anh dành cho Cư Sĩ Phật Tử, còn lại là 06 tiết Phật Pháp Tiếng Anh dành cho các em thiếu nhi. Tất cả các lớp học đều được Chư Tôn Đức Tăng Ni trong Ban Giám Học tận tình giảng dạy. Những buổi học và sinh hoạt chung đều được trang bị hệ thống thông dịch cho người nước ngoài.

Bên cạnh việc mở mang trí tuệ, chúng ta còn sẽ cùng nhau tu tập công phu bài sám theo những nghi thức truyền thống, như hô canh, tọa thiền, niệm Phật, kinh hành, tri tụng Chú Lăng Nghiêm vào buổi sáng, thọ thực trong chánh niệm buổi trưa, tụng kinh A Di Đà, niệm Phật vào buổi tối. Ngoài ra còn có những thời hành trì sám hối Thủy Sám Văn, hoa đăng cầu nguyện hòa bình thế giới, ...

Thông qua những giáo lý được học, chúng ta sẽ có một cái nhìn thấu đáo đối với những vấn đề vướng mắc trong cuộc sống, từ đó có những phương pháp đưa đến sự an lạc cho tự thân và tha nhân. Công phu tu tập giúp cho chúng ta trở về với chân tâm, tăng trưởng phước

đức, tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn trừ phiền não, đưa đến sự an lạc ngay trong hiện tại và cả tương lai.

Với chương trình hướng đến Phước - Huệ song tu như thế, những lợi lạc mà chúng ta gặt hái được sẽ không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, Khóa Tu Học Phật Pháp lần này sẽ không thể thành công viên mãn nếu như không có sự quang lâm chứng minh hộ trì của Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni, cũng như sự yểm trợ và tham gia của Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử Mạnh Thường Quân. Bởi vậy, Ban Tổ Chức chúng con thành kính đề đầu đánh lễ cung thỉnh Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni từ bi hoan hỷ ghi danh tham dự hộ trì cho chúng con. Đồng thời, Ban Tổ Chức chúng tôi cũng trân trọng kính mời Quý Phật Tử ghi danh tham dự.

Ban Tổ Chức sẽ trang trải hầu hết mọi chi phí trong Khóa Tu Học. Vì vậy, Quý Thiện Tín Nam Tín Nữ khi ghi danh tham dự chỉ cần đóng \$300 (ba trăm Đô-la Mỹ) cho chi phí 4 ngày khách sạn. Đối với những Phật Tử trong cùng một gia đình, chi phí khách sạn sẽ là \$300 cho người đầu tiên, \$200 mỗi người kế tiếp, và \$150 cho trẻ em dưới 12 tuổi. Đối với Chư Tôn Đức Tăng Ni, Ban Tổ Chức chúng con xin được thành tâm cúng dường mọi chi phí về ẩm thực, nơi ở trong suốt khóa tu học.

Ban Tổ Chức sẽ bắt đầu nhận Phiếu Ghi Danh từ ngày 01 tháng 3 năm 2017. Xin gửi Phiếu Ghi Danh và chi phí về địa chỉ:

Chùa An Lạc, 5249 East 30th Street, Indianapolis, IN 46218

Đề tài mẫu Phiếu Ghi Danh, cũng như biết thêm tin tức và Chương Trình của Khóa Tu Học, vui lòng truy cập vào trang mạng: www.hoavouu.com, hoặc qua tập san Chánh Pháp.

Mọi chi tiết xin liên lạc qua số: (+1)317-545-1234 (Chùa An Lạc)

hoặc: (+1)408-329-3199 (Ni Sư Nguyên Thiện)

Email: khoatubacmy@gmail.com

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức “*Pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu*”, kính chúc Quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường và thành tựu sở nguyện. Rất mong nhận được sự quan tâm phổ biến thông tin này rộng rãi đến với tất cả mọi người.

NAM MÔ THƯỜNG TINH TÁN BỒ TÁT MA HA TÁT

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 03 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN



TKN. THÍCH NỮ NGUYÊN THIÊN

[Xin điền Phiếu Ghi Danh ở trang 42.](#)

SỨC MẠNH CỦA SỰ THA THỨ

GINA SHARPE | *Diệu Liên Lý Thu Linh* chuyên ngữ
(theo *The Power of Forgiveness*, tạp chí *Tricycle*, Xuân 2013)



*Nhẹ nhàng buông xả để nhẹ nhàng, thanh thoi
hay cố chấp nắm giữ để khổ đau đều
do chính ta quyết định - Ảnh minh họa*

Gina Sharpe là người đồng sáng lập và là thành viên của Hội Nhà giáo của Trung tâm Thiền Tuệ New York, Hoa Kỳ. Bà cũng dạy thiền ở các trung tâm khác nữa.

Tha thứ không phải là chuyện dễ làm. Khi ta đã bị làm hại, bị tổn thương, bị phản bội, bỏ rơi hay bóc lột, thì sự tha thứ dường như là việc không thể thực hiện. Tuy nhiên, trừ khi ta tìm được cách nào đó để tha thứ cho người, nếu không ta sẽ chôn giữ sân hận và sợ hãi trong tim mãi mãi.

Thứ tưởng tượng thế giới này sẽ ra sao nếu sự tha thứ không có mặt. Thứ tưởng tượng chúng ta sẽ như thế nào nếu mọi người đều giữ chặt mọi tổn thương, mọi bất mãn, mọi sân hận phát khởi khi ta cảm thấy bị phản bội. Nếu ta cứ giữ mọi thứ đó trong tâm, không chịu buông bỏ chúng, thì cuộc sống sẽ khổ khổ thế nào.

Không biết tha thứ là ta phải mang theo mình những khổ đau của quá khứ. Như Jack Kornfield đã nói, "Tha thứ là xóa bỏ mọi hy vọng làm cho quá khứ tốt hơn." Trong ý nghĩa

đó thì tha thứ không phải là cho hành động ác hại nào của ai đó; mà là cho mối liên hệ của ta đối với quá khứ của mình. Khi bắt đầu khởi lên lòng tha thứ, đó chính là sự khởi đầu tu tập cho bản thân ta.

Ngài Đại Trưởng lão Ghosananda, một Tỷ-kheo Nguyên thủy, được biết đến với danh hiệu là "Gandhi của Campuchia." Ngài thường hướng dẫn những cuộc thiền hành *Dhammayietra* (Cuộc hành hương của chân lý) vào đầu những năm 1990, sau khi các hiệp ước hòa bình chấm dứt cuộc nội chiến giữa Khờ-me Đỏ và chính quyền Campuchia mới đã được ký kết.

Khi ngài Ghosananda mất năm 2007, ở tuổi 78, một bài điều trần đăng trên báo *The Economist* đã tả chi tiết về những trải nghiệm của ngài khi đi xuyên suốt Campuchia sau chiến tranh. Ngài thường thấy chiến tranh vẫn còn dữ dội. Rốc-kết vẫn bay trên đầu người đi hành hương, các cuộc đọ súng vẫn xảy ra quanh họ. Một số người hành hương đã bị giết. Nhiều người vì sợ hãi đã quay trở về, nhưng ngài Ghosananda dứt khoát chọn đi qua những ngã đường còn có xung đột. Đôi khi những người thiền hành bị mắc kẹt vào giữa các dòng người tị nạn dài dằng dặc, chân sưng tấy giống như họ, lê lết theo những chiếc xe bò và xe đạp chở đầy gối nệm, nồi niêu và mấy chú gà. "Chúng ta phải có can đảm rời bỏ ngôi chùa bình an của mình", ngài Ghosananda cương quyết nói, "để đi vào các ngôi chùa đầy dẫy khổ đau của chúng sanh".

Đầu Khờ-me Đỏ đã không cho thờ cúng, đã cào bằng các tự viện, quăng các tượng Phật đã bị hủy hoại xuống sông, các tập quán cũ vẫn còn. Khi những người lính nghe ngài Ghosananda khuyên bảo, "Sân hận không thể xóa bằng sân hận; sân hận chỉ có thể xóa bằng tình thương yêu", họ đã buông bỏ vũ khí, quỳ xuống ven đường. Dân làng mang nước ra để ngài tịnh hóa, và họ ghim những cây nhang đang cháy vào đó như là dấu hiệu chiến tranh đã chấm dứt... Ngài không thể rời bỏ thế gian. Thay vì chỉ dốc tâm lo cho tự viện của mình, ngài đã dựng lên những căn lều tạm làm chùa trong các trại tị nạn.

Trưởng lão Ghosananda đã xây dựng các ngôi chùa này dù các thế lực tàn dư của Khờ-me Đỏ đã đe dọa giết ngài nếu không vâng lời chúng. Khi hàng ngàn người tị nạn kéo đến các

chùa này, ngài phát cho họ bản kinh Tâm từ của Đức Phật in trên những tờ giấy sờ rách:

Với tâm rộng mở

Ta ôm ấp tất cả mọi chúng sanh:

Lòng từ chói sáng khắp muôn phương,

Lên thấu trời xanh,

Xuống tận đất cùng.

Câu chuyện này là một sự nhắc nhở sâu sắc về những gì việc tha thứ có thể làm được. Gia đình của Trưởng lão Ghosananda đã bị Khờ-me Đỏ tiêu diệt, và suốt thời gian họ cai trị, các vị sư Phật giáo bị coi là những ký sinh trùng của xã hội. Họ bị lột áo tu, buộc làm lao công hay bị giết hại: trong số 60.000 vị sư, sau chiến tranh ở Campuchia chỉ còn lại 3.000 vị. Nhưng không kể những gì ngài đã phải hứng chịu dưới thời Khờ-me Đỏ, Trưởng lão Ghosananda vẫn dành sự tha thứ trong tâm cho họ.

Sự tha thứ giải thoát ta khỏi quyền lực của sợ hãi, giúp ta nhìn mọi việc với trí tuệ, với lòng từ. Trước hết, ta cần hiểu tâm khoan dung, tha thứ: sau đó ta học cách thực hành và cách làm thế nào để tha thứ cho bản thân và cho người. Đức Phật đã dạy rằng, "Nếu tâm chúng sanh không thể giải thoát khỏi tham, sân, si, sợ hãi, thì ta đã không dạy điều đó và không bảo chúng thực hành". Uy lực của lòng khoan dung, tha thứ giải thoát ta khỏi uy lực của sợ hãi.

Sự thực hành tâm từ của ta có thể được trợ lực bằng cách thực hành khoan dung, tha thứ, vì nó giúp ta nhìn tha nhân với lòng tử tế, với trí tuệ, tâm bình an. Bất cứ lúc nào ta cũng có thể tập buông bỏ sân hận, sợ hãi và an trú trong yên bình, khoan dung - điều đó không bao giờ, chẳng bao giờ trễ muộn. Nhưng để có thể vun trồng một trái tim thực sự biết yêu thương, biết tử tế, chúng ta cần huấn tập các cách thực hành để có thể làm tăng sức mạnh cho sự tha thứ, khoan dung và bi mẫn vốn sẵn có trong ta. Khả năng tha thứ giúp ta có khả năng đối mặt với khổ - khổ đau của bản thân cũng như của tha nhân - với tâm từ.

Lòng khoan dung, tha thứ không lướt qua những gì đã xảy ra một cách hời hợt. Việc thực hành không phải là cố tạo ra một nụ cười trên gương mặt, rồi nói, "Không sao. Tôi không quan tâm". Đó không phải là một nỗ lực giả tạo để đè nén nỗi đau hay phớt lờ nó. Nếu bạn đã phải trải qua một sự bất công cùng cực, để có thể đi đến chỗ tha thứ được, đôi khi ta phải trải qua một quá trình bao gồm sự đau đớn, giận dữ, buồn tủi, và mất mát.

Sự tha thứ là một quá trình sâu sắc, cần phải được lặp đi, lặp lại nhiều lần

An vị Phật, an vị Ta...

UYÊN NGUYÊN



Có vị Phật tử nọ bỏ bạc ngàn mua được tượng quý, lặn lội leo núi đến tận thảo am thỉnh Sư về thiết lễ an vị Phật. Đến nơi tỏ tấc dạ ân cần nhưng Sư một mực từ chối. Chỉ mời khách uống trà, nghỉ mệt trước khi tiễn lui về.

Trên đường xuống núi, lòng tiu ngịu như điều đứt dây, song nửa đường gặp chú Tiểu đang gánh nước lên, Phật tử nọ đem chuyện kể lại. Chú Tiểu mỉm cười cung kính chấp tay, thưa:

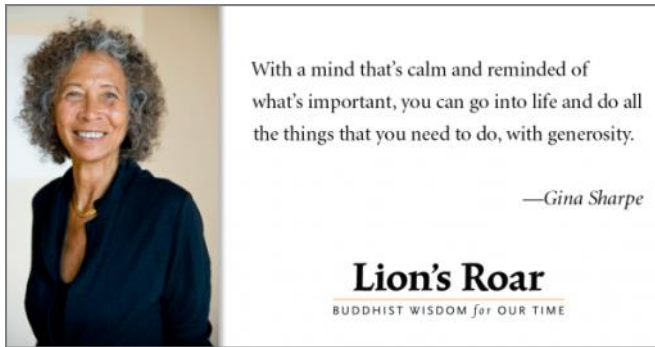
"Nếu lòng Thí chủ không an thì đặt tượng Phật trên bệ cao, hoa trái sum suê, mâm quả tràn ngập, thời cũng chẳng an được..."

Nói tới đây chưa dứt lời, vị Phật tử kia như bừng giấc mộng. Cám ơn rồi rút, hoan hỷ ra về lòng tràn ngập an vui.

18 tháng Tư, 2017

trong tâm ta. Nó bao gồm cái đau, bao gồm sự uất nghẹn. Dần dần với thời gian, nó sẽ đưa đến sự tự do của việc thực sự tha thứ. Nếu ta chân thành nhìn lại cuộc đời mình, ta có thể thấy những nỗi sâu muộn, khổ đau đã đưa đến các sai phạm của bản thân. Chúng ta không chỉ là nạn nhân; đôi khi chúng ta cũng là người tạo tác. Ta cũng cần được tha thứ. Bằng cách đó, cuối cùng ta có thể đem lòng tha thứ cho bản thân và chôn niềm đau vào trái tim bi mẫn. Không có sự tha thứ, khoan dung đó, ta sẽ sống trong cô lập, trong lưu đày.

Khi bạn thực hành theo các phương cách tha thứ sau đây, hãy cảm nhận sự buông thư đầu ít hay



hiều trong tâm bạn. Hoặc giả như không có sự thư giãn nào, cũng cần cảm nhận điều đó. Nếu như bạn chưa sẵn sàng để tha thứ, cũng không sao. Đôi khi quá trình đi đến tha thứ xuyên suốt cả một đời người, và điều đó cũng không sao. Bạn có thể làm điều đó khi đúng thời và theo cách của bạn. Ta không nên gò ép cảm xúc của mình, nên nếu điều duy nhất bạn có thể làm là ý thức được tác hại gì đã xảy ra, đó cũng đủ rồi. Không thể ép buộc tình cảm, nó chỉ xảy ra khi nó xảy ra, vì nó đã có mặt trong sâu thẳm tận đáy lòng ta. Vì thế, nếu do bị tác hại mà bạn đóng cửa lòng hay bưng kín các cảm xúc, bạn có thể ghi nhận điều đó như là một phần của sự tác hại. Bạn cảm nhận như thế nào, thì nó là như thế ấy, cũng như ngược lại. Sự tha thứ là thái độ cởi mở, phóng khoáng, bao dung, không phải là thứ tình cảm mà ta tạo lập ra nơi thân tâm.

Chúng ta thực hành với niềm tin rằng khi ta lặp đi, lặp lại thì thân tâm ta sẽ lãnh hội chúng. Đó là nét đẹp của các cách thực hành này, ta biết rằng mình không làm chủ các kết quả của việc thực hành, nhưng ta làm chủ cách ta thực tập - ta biết mình có thực hành với lòng kiên nhẫn, tinh cần, quyết tâm, trí tuệ và nỗ lực không. Ta không biết chúng sẽ ảnh hưởng thế nào đến cuộc đời ta. Ta không cố gắng để khiến điều gì xảy ra, vì khi cố gắng làm điều đó, ta sẽ đánh mất nét đẹp và sự hân hoan khi điều gì đó thực sự xảy ra.

Cách thực hành tha thứ

Phương cách thực hành tha thứ này có ba phần: 1-Sự tha thứ từ người khác, 2-Tha thứ cho bản thân, 3-Tha thứ cho người đã làm tổn hại ta. Các cách thực hành này không bó buộc, nên nếu bạn cảm thấy không cần cầu xin sự tha thứ, thì bạn không tham gia. Nếu bạn cảm thấy không thể tha thứ cho bản thân, bạn có thể ngồi im lặng, quan sát xem có cánh cửa nào dù nhỏ hẹp hé mở trong trái tim để cho chút ánh sáng nhỏ nhoi nhất có thể len vào. Và nếu bạn cảm thấy không thể nào tha thứ cho người vì nghĩ là việc làm của họ không thể nào có thể được tha thứ, thì bạn cũng cần biết điều đó. Trong quá trình thực hành, ta quán chiếu xem mình đang ôm ấp nỗi đau xót, chua cay nào, và nó dày vò trái tim ta như thế nào. Nếu như bạn chỉ có thể tha thứ một phần rất nhỏ,

thì cũng không sao. Đây là một quá trình tháo gỡ mà đôi khi cần cả đời người để làm việc đó.

Có thể bạn không nên bắt đầu bằng những việc trọng đại mà cho đến bây giờ bạn vẫn chưa muốn tha thứ. Có thể bạn nên bắt đầu bằng những việc nhỏ. Hãy để tâm bạn được làm quen với việc thực hành tha thứ. Cũng giống như khi tập thể lực, ta không thể bắt đầu bằng việc nâng cân nặng 250 ký. Ta phải bắt đầu bằng các cục sắt nhỏ, để bắp thịt bắt đầu làm việc. Rồi dần dần ta nâng ký lên. Cũng thế, khi tập hành tha thứ, ta bắt đầu bằng những việc nhỏ, rồi dần dần khả năng tha thứ của ta sẽ lớn mạnh để ta có thể đối mặt với khổ đau - khổ đau của bản thân cũng như của người - với tâm từ.

Hãy ngồi thoải mái, mắt khép lại, và thở tự nhiên, không gắng sức. Buông thư thân tâm. Cảm nhận sự kết nối giữa bạn và vũ trụ. Để hơi thở nhẹ nhàng đi khắp châu thân, nhất là vào tim bạn.

Khi đang hít thở, hãy cảm nhận tất cả mọi rào chắn mà bạn đã dựng lên, các tình cảm mà bạn chất chứa vì chưa thể tha thứ cho mình và cho người. Hãy nhận biết cảm giác đau đớn vì đã đóng chặt trái tim bạn.

Sự tha thứ từ người khác

Khi hơi thở len vào tim, hãy cảm nhận bất cứ sự khô cứng nơi đó, hãy lặp lại thầm những lời sau: "Tôi đã làm tổn thương, làm phương hại đến người khác bằng nhiều cách khác nhau. Giờ thì tôi đã nhớ lại. Những cách mà tôi đã phản bội, bỏ rơi, gây đau khổ, một cách cố ý hay vô tình, do đau khổ, sợ hãi, sân hận hay vô minh". Hãy để mình tự nhớ lại và nương tựa lại các cách mà ta đã làm tổn hại người. Hãy nhìn thấy được những khổ đau mà ta đã gây ra cho người do sợ hãi, vô minh. Cảm nhận được như thế, bạn sẽ cuối cùng buông xuống gánh nặng này và xin được tha thứ. Hãy dành nhiều thời gian để hình dung lại ký ức trĩu nặng tâm bạn. Khi từng khuôn mặt cá nhân hiện lên trong tâm, hãy nhẹ nhàng nói: "Tôi xin được tha thứ. Tôi xin được tha thứ."

Tha thứ cho bản thân

Để cầu xin sự tha thứ cho bản thân, hãy niệm thầm: "Khi tôi gây đau khổ cho người, bằng nhiều cách tôi cũng bị tổn thương, bị tác hại. Đã bao lần tôi phản bội, hay bỏ rơi bản thân trong ý nghĩ, lời nói hay hành động, một cách cố ý hay vô tình." Hãy tự nhớ lại những cách mà bạn đã làm tổn hại mình. Và tha thứ cho từng hành động tác hại. "Qua những cách mà tôi đã làm tổn hại bản thân bằng hành động hay ý nghĩ, do sợ hãi, khổ và vô minh, giờ tôi chân thành hối lỗi. Tôi xin tha thứ cho bản thân. Tôi tha thứ cho bản thân. Tôi tha thứ cho bản thân."

Tha thứ cho người đã làm tổn hại ta

Để phát tâm tha thứ cho những người đã



tổn hại ta, hãy lặp lại như sau: "Tôi đã bị tha nhân làm tổn hại, bóc lột, bỏ rơi bằng nhiều cách, dù vô tình hay cố ý, bằng lời nói, ý nghĩ hay hành động." Hãy hình dung ra những cách bạn cảm thấy bị tổn hại. Hãy ghi nhận chúng. Từng sự tổn hại. Hãy ghi nhớ những điều này là thực đối với bạn, và cảm nhận sự đau buồn bạn đã gánh chịu trong quá khứ. Và giờ bạn cảm nhận rằng mình có thể buông gánh nặng này xuống bằng cách tha thứ dần dần khi tâm bạn đã sẵn sàng. Đừng ép buộc nó; không cần phải buông bỏ mọi muộn phiền trong một lần ngồi thiền.

Quan trọng là thực tập từng bước nhỏ điều gì bạn cảm thấy đã sẵn sàng để tha thứ. Hãy tự nhủ thầm: "Tôi nhớ những cách tôi đã bị tổn thương, làm hại. Và tôi biết đó là do những nỗi sợ hãi, vô minh, khổ, sân hận của tha nhân gây ra. Tôi đã mang vết thương này trong lòng đủ lâu. Vì đã sẵn sàng, tôi xin tha thứ cho người. Người đã tổn hại tôi, tôi chân thành tha thứ cho người. Tôi tha thứ cho người."

Ba phương cách thực hành tha thứ này có thể được nhẹ nhàng lặp đi, lặp lại cho đến khi bạn cảm thấy tâm thật thanh thản. Đối với một số tổn thương nặng nề, có thể bạn chưa thấy thanh thản. Ngược lại, bạn còn có thể trải nghiệm lại cảm giác tổn thương, sân hận mà bạn từng gánh chịu. Trong trường hợp đó, bạn có thể chỉ nghĩ thoáng qua, rồi tha thứ cho bản thân vì sự chưa sẵn sàng buông bỏ và bước tới.

GINA SHARPE

Diệu Liên Lý Thu Linh

(Chuyển ngữ theo *The Power of Forgiveness*, tạp chí *Tricycle*, Xuân 2013)

NHỮNG NĂM ANH ĐI

*Ngọn gió đưa anh đi mười năm phiêu lãng,
Nhìn quê hương qua chứng tích điêu tàn
Chiều Đông hải vẫn thì thầm cát trắng
Truyện tình người và nhịp thở của Trường sơn.*

*Mười năm nữa anh vẫn làm li phố thị
Yêu rừng sâu nên khoé mắt rưng rưng
Tay anh vói trời cao chim chiều rú rí
Đòi lênh đênh thu cánh nhỏ bên đường.*

*Mười năm sau anh băng rừng vượt suối
Tìm quê hương trên vết máu giữa đồng hoang
Chiều khói nhạt như hồn ai còn hận tui
Từng con sông từng huyết lệ lan tràn.*

*Mười năm đó anh quên mình sậy yếu,
Trên vai gầy từ thửa dựng quê hương;
Anh cúi xuống nghe núi rừng hợp tấu,
Bản tình ca vô tận của Đông phương.*

*Và ngày ấy anh trở về phố cũ,
Giữa con đường còn rợp khói tang thương;
Trong mắt biếc mang nổi hờn thiên cổ
Vân chân tình như mưa lũ biên cương.*

MỘT BÓNG TRẮNG GẦY

*Nằm ôm một bóng trăng gầy
Vai nghiêng tui nhục hờn lay mộng tàn
Rừng sâu mây nhịp Trường sơn
Biển Đông mây độ triều dâng rắng hồng
Khóc tràn cuộc lữ long đong
Người đi còn một tấm lòng đơn sơ?
Máu người pha đỏ sắc cờ
Phương trời xẻ nửa giấc mơ dị thường
Quân hành đập nát tà dương
Khúc ca du tử bề bàng trên môi
Tình chung không trả thù người
Khuất thân cho trọn một đời luân lưu.*

thơ TUỆ SỸ

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

EDWARD JOSEPH THOMAS (1869-1958)

Edward Joseph Thomas sinh ngày 30-07-1869, con của một nhân viên làm vườn tại Thornhill Rectory ở Yorkshire (miền bắc nước Anh). Lớn lên, ông lập gia đình với một phụ nữ người Đức, nhưng không có con. Sau khi vợ ông qua đời năm 1920, ông sống một mình như vậy cho đến tuổi già.

Từ năm 14 tuổi, Thomas đã rời ghế nhà trường để mưu sinh bằng nghề làm vườn trong suốt 12 năm. Năm 1894, ông ghi tên học một năm về nghề làm vườn (gardener) tại trường Kew, sau khi ông đã có chứng chỉ nhập đại học Luân Đôn về các môn thực vật học, cơ giới, toán học, cổ ngữ La Tinh (Latin), Hy Lạp (Greek) và Anh văn.



Tại trường Kew, Thomas còn lấy được các chứng chỉ về môn vật lý, hóa học và nhiều ngành của thực vật học. Trong thời gian này, ông cũng dành nhiều thì giờ chú tâm vào việc nghiên cứu ngôn ngữ học.

Năm 1896, Thomas ghi tên học đại học St. Andrew, và dưới sự hướng dẫn của giáo sư tiếng Hy Lạp John Burnet, ông đậu bằng cao học (M.A.) hạng nhất danh dự về môn cổ

điển (classics) vào năm 1900-1901. Ngoài ra, ông còn thi các môn toán học, luân lý triết học và cổ ngữ La Tinh.

Năm 1903, lúc 34 tuổi, Thomas vào học trường Emmanuel College, chuyên về ngôn ngữ học và đến năm 1905, ông tốt nghiệp cử nhân

(B.A.) thuộc đại học Cambridge. Chính trong thời gian nghiên cứu về ngôn ngữ ở đại học Cambridge, ông đã học tiếng Phạn (Sanskrit), Ba Li (Pali) và kinh điển Phật Giáo.

Năm 1909, Thomas được mời giữ chức phó quản thủ thư viện đại học Cambridge trong nhiều năm, nhờ vậy kiến thức về ngôn ngữ của ông ngày càng phát triển mọi mặt. Bấy giờ, nhiều tác phẩm viết bằng các thứ tiếng xa lạ, không ai đọc hiểu, người ta đều phải tìm đến nhờ ông giải thích.

Sau một thời gian phục vụ tại thư viện đại học Cambridge, Thomas được bổ nhiệm làm khoa trưởng Khoa Ngôn Ngữ Đông Phương (Oriental Languages Department). Năm 1940, ông về hưu liền được mời trông coi thư viện của Phân Khoa Đông Phương (Oriental Faculty) thuộc đại học Cambridge, và ông làm việc tại đây cho đến năm 1950.

Sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ Văn Chương (D. Litt.) tại đại học St. Andrew, giáo sư Thomas được trường "Luân Đôn nghiên Cứu về Phi Châu và Đông Phương" (London School of Oriental and African Studies) nhận làm hội viên danh dự (Honorary Fellow).

Sự hiểu biết sâu xa, rộng rãi và toàn diện của Thomas về ngôn ngữ học, nhất là Phật Giáo, khiến cho Giáo sư Hector Chadwick bấy giờ đã hết lòng ngưỡng mộ và tuyên bố: "Ông là nhà bác học và là học giả thông thái nhất tại Cambridge" (He was erudite and the most learned man in Cambridge).

Với trình độ kiến thức về Đông Phương tuyệt luân như vậy, nhưng tánh tình ông lại rất bình dân và khiêm tốn, khiến mọi thân hữu ai cũng đều mến phục. Tuy biết nhiều ngoại ngữ, nhưng ít khi người ta nghe Thomas dùng tiếng ngoại quốc, dù là một câu ngắn, để nói chuyện với ai.

Trái lại, khi gặp người nào thắc mắc, không hiểu bất cứ điều gì về ngôn ngữ học cũng như giáo lý đức Phật, ông luôn sẵn sàng giải đáp, chỉ dẫn tường tận.

Giáo sư Das Gupta, trong lời tựa tác phẩm "Lịch sử Triết Học Ấn Độ" (History of Indian Philosophy), đã bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối

với học giả Thomas là người đã giúp đỡ cho giáo sư rất nhiều ý kiến bổ ích trong khi ông soạn viết bộ sử triết học nói trên.

Những Đóng Góp Cho Phật Giáo Của E. J. Thomas

Cùng với học giả La Vallee Poussin, giáo sư Thomas đã phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (*Romanized Pali*) tập Maha-Niddesa (*Đại Nghĩa Thích*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) gồm hai tập (Vols.) I và II; ấn hành vào năm 1916, 1917 và đã tái bản năm 1978.

Ngoài ra, dưới đây là những dịch và tác phẩm Phật Giáo của học giả Thomas:

1. Early Buddhist Scriptures, (*Những bài kinh Phật Giáo nguyên Thi*), dịch từ cổ ngữ Pali.

2. The Road to Nirvana (*Con Đường Dẫn tới Niết Bàn*), dịch từ Pali.

3. Ratana Sutta (*Kinh Ratana*), dịch từ Pali ra Anh văn.

4. The Quest of Enlightenment (*Đi Tìm Sự Giác Ngộ*), dịch từ kinh điển Phật Giáo bằng tiếng Phạn (Sanskrit).

5. The Life of Buddha as Legend and History (*Cuộc đời của đức Phật qua Truyền Thuyết và Lịch Sử*), trước tác, xuất bản năm 1927.

6. The History of Buddhist Thought (*Lịch sử Tư Tưởng Phật Giáo*), trước tác, xuất bản năm 1933.

Thêm nữa, Thomas còn dịch từ Pali ra Anh văn nhiều kinh điển Phật Giáo khác, trong đó có một số dịch phẩm được ấn hành vào năm 1952.

Về lãnh vực phiên dịch kinh tạng Phật Giáo tiếng Pali, E.J. Thomas đã chứng tỏ không những là một học giả nổi tiếng tại Cambridge (Anh quốc) mà còn vang dội khắp cả Châu Âu và nhiều quốc gia khác.

Sau này, dù đến tuổi già 86, ông vẫn còn được những trường đại học yêu cầu giám khảo, chấm các luận án, tiểu luận Phật Học của các sinh viên; đọc phê bình những sách Phật Giáo; và liên lạc, đóng góp ý kiến, giúp đỡ cho nhiều học giả từ Hòa Lan (Châu Âu) đến Ấn Độ viết về những tác phẩm Phật Giáo của họ.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



ME

*Mẹ là khúc hát bài thơ
Mẹ ru con ngủ mộng mơ tháng ngày
Trong cơn giấc ngủ nông say
Vàng trăng âm áp tháng ngày chiếu soi*

BA

*Hai vai gánh nặng đong đầy
Chẳng ngại khó nhọc tháng ngày nuôi con
Vàng trăng chiếu bóng hoàng hôn
Ba vẫn còn đó để con vui cười*

CHÙA

*Mái chùa nhỏ nhỏ xinh xinh
Chiếc cầu bắc nối ân tình thế gian
Chuông chùa ngân vọng âm vang
Nhẹ vơi phiền não thênh thang cõi lòng*

THỜI GIAN

*Thời gian đâu có đợi ai
Hôm nay hoa nở ngày mai hoa tàn
Đừng vội quá! Hỡi thời gian
Cho tôi còn thấy trăng vàng đầu hôm*

NÓN BÀI THƠ

*Tặng em chiếc nón bài thơ
Đó là xir Huế mộng mơ trong làn
Sông Hương dòng nước trong xanh
Câu hò mái chèo ru anh nên người.*

thơ **PHAN VĂN QUÂN**
Quảng Điền - Thừa Thiên Huế

Cảm nghĩ Ngày Phật Đản

TUỆ NHƯ

Dòng đời cứ cuộn cuộn hay lặng lẽ mài miết TRÔI, và mọi cảm nhận tiếp thụ, của con người vẫn cứ lan CHÁY bất tận theo thời gian, tưởng chừng chẳng phút giây dừng nghỉ, và nếu có chẳng thì chỉ trong một thoáng xa xôi mơ hồ đâu đó, rồi cũng lao vào vòng xoay của bao ý niệm trong cuộc sống đầy vật vã, tranh đấu, bon chen, toan tính, v.v... như bánh xe càng đi tới là càng quay tròn trở lại.

Mùa xuân, nay trông như vội vã đi qua "Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều quang chín chục...", thời tiết đang chuyển sang tháng 5 đang hắt hiu, nghe ấm dần lên bởi khí trời man man ngọn gió trưa hè ngang qua thềm mây trắng. Trông cái cảnh con người vẫn tất bật lao vào cuộc sống như bao ngày tháng hôm nào, vẫn xôn xao nhập cuộc vào giữa hai chiều ngược xuôi, lên hay xuống, còn hay mất, thất bại hay thành công... như để lo toan, tìm kiếm, đong đo, trang trải những điều gì trong chốn cuộc phù sinh.

Đương lúc thế giới xã hội loài người ngày hôm nay, mọi lúc càng phát sinh nhiều nỗi bất an, lo âu, và sợ hãi trong dòng TRÔI, CHÁY của thời gian đương là này... Nào là những cuộc chiến tranh bùng nổ giữa các thế lực vùng Trung Đông, Bắc Phi, Syria, Iraq, Lybia, Ai Cập, Yemen, Tunisia, Thổ Nhĩ Kỳ, đến khu vực Châu Âu, Ukraina, v.v... cả khu vực Châu Á, Đông Nam Châu Á, cũng không kém phần chú ý cả thế giới về tình hình Biển Đông hiện nay. Nói chung, gần như khắp cả trời Châu lục.

Đồng thời, song song với những sự việc trên, sự đe dọa

về sức mạnh từ nơi con người tạo ra các loại vũ khí nguyên tử của những nước có thể lực hàng đầu, các loại vũ khí sát thương có sức công phá, tàn phá, và tầm xa tối tân hiện đại, các loại tàu chiến, tàu ngầm siêu tốc tung hoành hùng hậu giữa đại dương, các loại cơ giới, các loại phi cơ chiến đấu trang bị đầy đủ phương tiện chiến tranh, phô trương diễu hành lao vút vào không gian bao la vô tận, v.v...

Chưa kể đến nạn đói khát, nạn thất nghiệp, nạn mua bán người, trẻ em, các loại thức ăn, vật dụng tiêu dùng ướp tẩm những chất độc hại... cùng với những hình thức khủng bố, đàn áp, chiếm đoạt, cướp lấy bởi những ý niệm cuồng tín, cực đoan chủ nghĩa, tôn giáo, đảng phái, chủng tộc, đã và đang phát sinh từ sự cuồng nộ của **sân tượng**, của **hại tượng**, và của **tham tượng**, bởi do một số người có quyền lực trong tay, cùng với sự xu hướng theo thế thời, có được chút ít địa vị, lợi danh moment tạm bợ, để hưởng thụ, thỏa mãn các dục nơi cuộc sống thế gian, hoặc từ những trạng thái bệnh hoạn tâm lý trầm cảm, thất sủng, v.v...

Tất cả đều do tạo tác (nghiệp), và phải bị chi phối của dòng nghiệp lực ấy, một khi đã được nuôi dưỡng, đã được tích tụ nhiều thời gian khi ngang qua cuộc sống. Hay cụ thể hơn, chính là thiếu ý thức bình đẳng, tình thương, thiếu sự tiếp thu nhận và trao phương pháp giáo dục đạo đức, không thấu suốt những phương hại về sau, làm tổn giảm hay mất đi nhân tính, và

thăng bằng tâm lý từ bản thân, gia đình, đến cộng đồng xã hội, mà hôm nay chúng ta đã và đang thấy biết những gì trên hành tinh khi con người và muôn vật đang có mặt này.

Cùng khi ấy, hiện nay không ít số người, nhóm người, phần nhiều chỉ biết dựa dẫm vào niềm tin cầu nguyện, van xin, nhờ vào sự cứu giúp của những phép lạ thần quyền, để thỏa mãn lòng mong cầu cho sở thích lạc thú thường tình ở đời. Đôi khi, trong ấy còn có số người đã khoác lên pháp phục tôn giáo, đóng vai nhẹ tênh với hình thức đời sống phạm hạnh, không có năng lực tu tập, để chuyển hoá thân tâm, tự mình không an trú chánh pháp lạc, không giúp người an trú chánh pháp lạc, rồi về với những hình thức tín ngưỡng, cầu nguyện, cúng tế, phù phép để chiêu cảm lòng tin v.v... đánh lạc mất phương hướng đạo lộ chánh kiến, chánh pháp giải thoát của Đạo Phật hay Chư Phật tự ngàn xưa.

Thế nhưng, lại cũng ngay trong thời điểm này "MUA XUÂN THÁNG VESAK," thời điểm mà cách nay trên 2600 năm tại vườn Lâm Tỳ Ni gần thành Ca Tỳ La Vệ, thuộc Cộng Hoà Dân Chủ Liên Bang Nepal ngày nay. Và hiện nay, trên khắp hành tinh nhân loại, đối với hàng tứ chúng đệ tử Đức Phật, những người có niềm kính tin chân chính đến với Giáo lý, Tam Bảo, vì sự nghiệp truyền đăng giáo nghĩa của bậc đạo sư tối thượng, có học hiểu pháp học, có thực tập các pháp hành từ lời dạy đầu tiên, do Đức Phật tuyên thuyết trong thế gian, như một thông điệp về Bốn Diệu Thánh Đế,

"vì Đức Như Lai đến đây chỉ là
bạc đạo sư." Nên tự mình biết
điều phục thân tâm, giúp
người biết điều phục thân
tâm, và như lời Phật đã dạy:

"Người trị thủy dẫn nước
Kẻ làm tên nắn tên
Người thợ mộc uốn gỗ
Bậc trí nhiếp tự
thân." (PC.80)

Như vậy, con người dù ít
nhiều có khởi dậy mầm chủng
tánh Từ Bi, Bình Đẳng, thường
tìm lại chính mình, cũng sẽ
đem lại bình an cho thế giới
loài người, mà còn làm cho
bầu dưỡng khí của hành tinh
thêm trong sạch, tươi mát
hơn, không bị ô nhiễm, không
làm tổn giảm môi sinh, môi
trường sinh thái, các dòng
sông không bị chết, các vùng
đất không bị chết, con người
có những tư duy hiền thiện,
trong xanh... không gây oan
trái để phải thêm tội, thêm
thù, không tạo tác các việc
làm ác quấy, mê lầm theo các
loại kiến hoặc, kiến kiết
phược, kiến kiết sử, kiến trừ
lâm, v.v... để phải chịu quả
báo trả vay khổ lụy, tàn hại,
nhiệt não, để rồi phải theo
dòng TRÔI - CHAY trong cuộc
hành trình sanh tử.

Một điều khác nữa, bậc
đạo sư cũng thường giúp cho
chúng ta dễ phát hiện, dễ
phản tỉnh, dễ cảm nhận nguồn
tâm lý chính nơi tự thân, để từ
đó chúng ta có sự quán chiếu,
nhận ra những cảm giác về
thân, về các **thọ**, và **tâm** của
người khác hay cả chúng
sanh, như:

"Mọi người sợ hình phạt
Mọi người sợ tử vong
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo
giết" (PC. 129)

Vì thế, trước đây, hiện
nay, và cho đến tận mai sau,
với bao nguồn sinh lực dồi dào
trong sáng, hướng thiện của
hàng triệu triệu tâm hồn nhân
loại luôn ngưỡng vọng, tôn
kính đến ngày thị hiện vào đời
của Đức Từ Phụ (Thích Ca Mâu
Ni), vẫn thường trụ trong
sáng, rực sáng với đại nguyện
Bi-Trí-Dũng, như lời tán
thán:

"...Thật vi diệu thay, Tôn



MỪNG PHẬT ĐẢN

*Hoa-nghiêm chợt tỉnh kiếp nào xưa
cho tâm lòng Xuân đẹp mấy bờ!
Chuông khánh Hàn-san đêm Nhiệt đới
thuyền vào... tay ngọc rắc như mưa.
Cây bên sông đứng hai hàng chữ
in xuống Thời-gian nghĩa bất ngờ.
Vành vành trăng lên từ đáy nước,
hải triều vang dội hướng mây đưa.
Mây phong nếp áo ngàn xưa
mở tung hương sắc hội Mưa-hoa này.
Tròn duyên, Thiên-nữ chấp tay;
chúng sinh bao kiếp đọa đày sạch trơn.*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG (1916-1976)

(Phật Đản PL 2516)

già Gotama!... Như người
dựng đứng lại những gì bị
quăng ngã xuống, phơi bày ra
những gì bị che kín, chỉ đường
cho người bị lạc hướng, đem
đèn sáng vào trong bóng tối
để những ai có mắt có thể
thấy được sắc..." (Kinh Trung
Bộ I, bài số 4)

Không nhằm ngoài mục
đích hướng dẫn, tiếp độ
chúng sanh, chư thiên và loài
người trên 2500 năm trước
đây, cho đến tận bây giờ và
miên viễn mai sau. Vẫn luôn
phát khởi nguồn năng lực bồ
đề, thành kính và tu tập, gieo
và kết nối hạt Từ tâm, cùng
tu tập Pháp của bậc Thánh,

để cùng vượt thoát mọi khổ
ách, đạt đến an lạc tối thượng,
hầu chấm dứt dòng TRÔI,
CHAY trong vòng luân hồi theo
sáu đường, ba cõi, hay ít nhiều
cũng được tỉnh trú lạc pháp
của bậc Thánh nơi thế giới vô
thường, sinh diệt này, bằng
một ý niệm nghĩa cử trong mỗi
chúng ta, rằng:

**Sự xuất hiện của Đức
Phật như một Thông Điệp
Tình Thương, Bình Đẳng,
Trí Tuệ, và Hoà Bình cho
nhân sinh và vũ trụ.**

Atlanta, Mùa Phật Đản
TUỆ NHƯ

KẸ ÁC HẠI NGƯỜI HIỀN – QUÝ LỜI NÓI PHẢI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



KẸ ÁC HẠI NGƯỜI HIỀN

Vô cơ quấy nhiễu người đã là điều quấy. Tác hại đến kẻ hiền lương lại càng quấy hơn.

Trong kinh Pháp Cú Thí Dụ có thuật lại một câu chuyện làm tỏ nghĩa ấy.

“Lúc Phật còn tại thế. Ngày kia có một người thợ săn vào rừng tìm mồi cùng với đàn chó dữ. Trên đường đi anh gặp một tảng sỏi. Trong suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về anh gặp vị tu sĩ ban sáng. Anh nghĩ rằng vì gặp tu sĩ nên xui xẻo. Anh tức giận xua đàn chó tấn công vị tăng, vị tăng liền trèo lên cây. Anh lấy tên bắn vào chân vị tăng. Đau quá vị tăng loay hoay trên cây làm rớt cái y phủ trên người thợ săn. Anh chàng lo gỡ cái y ra, đàn chó ngỡ là người tu sĩ rất xuống nên bu vào cắn xé. Một lúc sau người thợ săn chết ngay tại chỗ.

Khi đàn chó kéo nhau về cả, tảng sỏi mới tụt xuống cây sửa thi hài người thợ săn nằm ngay thẳng, lấy y đắp lên trên rồi trở về tịnh xá bạch Phật đầu đuôi câu chuyện xin Phật chỉ dạy cho: Hành động như vậy có gây nên ác nghiệp không?

Phật dạy: “Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa trong sạch vô tội, quả dữ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy, như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay vào mắt.”

Chỉ có hành động nhân từ hòa ái biết nhẫn nhục, chịu đựng, quả cảm, dám hy sinh vì đại nghĩa mới đem lại quả vị an lạc, tươi vui và hạnh phúc.

Xin các anh chị em hãy thận trọng trong mọi hành động tạo tác ở đời vậy.

QUÝ LỜI NÓI PHẢI

Lời nói phải giúp ta biết được chân lý, dứt được mối hoài lo, thân tâm thư thái, việc giao tiếp với đời không sai lầm tai ách.

Biết giữ mình nói điều ngay phải đã khó. Biết nghe lời nói phải vắng làm làm lại là điều khó hơn. Bởi lời ngay phải thường khó nghe. “Trung ngôn nghịch nhĩ” là nghĩa ấy.

Trong sách Thi Tử (thầy của Thương Ưởng) có thuật lại câu chuyện:

“Tần Vương dùng thuyền đi chơi, các quan tá hữu theo hầu đông đủ cả, vua hỏi:

- Loan Doanh ta đã cấm cố một nơi, con ta là Loan Phường trốn chạy ra nước ngoài, có ai biết Loan Phường hiện giờ ở đâu không?

Các quan yên lặng không nói gì cả. Người lái thuyền là Thanh Quyên buông tay chèo, đứng dậy thưa rằng:

- Muôn tâu! Bệ hạ hỏi Loan Phường làm gì?

Vua nói:

- Từ khi ta đánh được họ Loan đến nay, nghe họ Loan người già chưa chết hết, người trẻ đã lớn lên. Ta lo họ phục thù, cho nên ta mới hỏi.

Thanh Quyên nói:

- Nếu nhà vua khéo sửa sang nước Tấn. Trong được lòng các quan. Ngoài được lòng trăm họ thì dù cho còn con nhà vua họ Loan mà làm được gì bệ hạ, nhưng nếu nhà vua không sửa sang chính sách nước Tấn, trong mất lòng quan, ngoài mất lòng dân, thì ngay những người ngồi trên thuyền này ai cũng là con nhà họ Loan cả.

Vua khen:

- Người nói chí phải.

Sáng hôm sau vua cho đòi Thanh Quyên đến triều nội ban cho một vạn mẫu ruộng. Thanh Quyên từ không nhận, vua nói: “Một vạn mẫu ruộng ấy đổi lấy một lời nói kia, kể ra nhà ngươi còn thiệt mà quả nhận thì lợi nhiều, ngươi cứ lấy đi.”

Cương trực ngay chánh, biết dùng lời nói phải khuyên can vua, cải tổ chấn hưng đất nước, không sợ bị ghép tội khi quân chém đầu như Thanh Quyên rõ ở đời thật hiếm.

Lại biết đạt Lý mà bỏ Từ, bỏ Lễ biết nghe, biết sửa, biết hành cái đạo Quân Thương như Tần Vương Công không phải là dễ vậy.

Thị Nguyên
Nguyễn Đình Khôi
(52 Câu Chuyện Dưới Cờ)





VUA TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TRÚC LÂM YÊN TỬ

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Năm 1299, vua Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên tử, lấy hiệu là Hương Vân Đầu Đà (sau này vua đổi hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà). Vua được nhận là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ sư thứ năm là thiền sư Huệ Tuệ. Từ đó trở đi, phái Yên Tử trở thành nổi tiếng, thế lực lan rộng trong triều đình và giữa nhân gian. Một ông vua đã từng đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, một ông vua đã đem hòa bình và thịnh trị cho dân, một ông vua như thế khi đi xuất gia chắc chắn đã gây nên một tiếng vang lớn và khiến tất cả mọi người trong nước hướng nhìn về ngọn núi Yên Tử. Đạo Phật trở thành yếu tố tâm lý liên kết toàn dân lại trong một mục đích xây dựng và bảo vệ quốc gia. Nhân Tông và Anh Tông là những nhà chính trị giỏi, nhưng đồng thời cũng là những Phật tử thật sự. Nhà phê bình lịch sử có thể nói họ lợi dụng đạo Phật cho chính trị nhưng nhà phê bình văn hóa cũng có thể nói họ là những người Phật tử sùng đạo.

Phong trào Phật giáo nhập thế gọi là Trúc Lâm Yên Tử chỉ hưng thịnh cho đến khoảng giữa thế kỷ thứ mười bốn. Sau đó, phong trào yếu dần. Từ đây cho đến cuối thế kỷ thứ mười sáu, thiếu sự nâng đỡ của những ông vua Phật tử, đạo Phật rút lui về căn cứ của mình ở chùa trên núi và nơi thôn quê. Các chùa ở thủ đô Thăng Long thôi đóng vai trò quan trọng về chính trị.

Một thời gian sau ngày xuất gia, vua Nhân Tông đã đổi pháp hiệu là Trúc Lâm. Ta biết rằng vị tổ thứ hai của thiền phái Yên Tử, thiền sư Đạo Viên (hay Viên Chứng) ngày xưa đã được ban hiệu là Trúc Lâm quốc sư. Nhân Tông đã xuất gia và đã trở nên một vị cao tăng, tổ sư thứ sáu của phái Yên Tử và là tổ sư thứ nhất của phái Trúc Lâm: ta gọi vua bằng pháp hiệu Trúc Lâm của vua, trong khi không quên rằng Trúc Lâm quốc sư Đạo Viên là một vị tiền bối của vua.

Trúc Lâm Đầu Đà tên tục là Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông, sinh năm 1258, lên ngôi vua năm 20 tuổi, xuất gia năm 41 tuổi và tịch năm 1308 vào lúc 51 tuổi. Tác giả *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết: "Vua được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên



Đồng Tử; ở vai bên tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn: ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, bằng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử. Hòa nhã, cổ kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm vẻ vang đời trước, thực là vua hiền của nhà Trần. Song vui lòng ở kinh Phật, tuy bảo là đến siêu thoát, nhưng không phải là đạo trung dung của thánh nhân." Sử thần Ngô Sĩ Liên còn nói: "Nhân Tông trên thờ Từ Cung tỏ rõ hiểu đạo, dưới dùng người hiền lập nên võ công, nếu không phải bậc nhân minh anh vũ thì sao được như thế? Duy có việc xuất gia là không hợp với đạo trung dung." Đó là những lời phê bình về vua Nhân Tông của các sử thần theo Nho Giáo.

Hồi còn nhỏ tuổi, Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua, và muốn nhường địa vị đồng cung thái tử cho em. Sách *Tam Tổ Thực Lục* nói: "Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn đến núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cứu thì trời sáng, liền vào ẩn nấp trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần đi tìm tứ tán, bắt đắc dĩ vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngồi trên chín bệ vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh. Một hôm ngủ trưa tại chùa Tu Phúc trong đại nội, vua mộng thấy trên rốn mình nở ra một hoa sen lớn như bánh xe, trên đó có đức Phật vàng. Bên cạnh, có người chỉ vào vua mà hỏi: biết đức Phật này không? Đó là đức Biến Chiếu Tôn đây! Vua tỉnh thức, đem giấc mộng nói lại cho Thánh Tông nghe, ai cũng lấy làm lạ. Từ đó thường ăn chay tránh thịt cá,

long nhan gầy mòn. Thánh Tông thấy thế lấy làm lạ, hỏi. Điều Ngự (tức Nhân Tông) cứ thực trình bày. Thánh Tông khóc nói: Ta đã già, trông cậy vào một mình ngươi, nếu ngươi như thế thì làm sao nổi được thịnh nghiệp của tổ tông? Điều Ngự cũng khóc. Điều Ngự thánh tính thông minh, hiểu học, nhiều tài, đọc khắp các loại sách, thông suốt cả nội điển (Phật học) lẫn ngoại điển, thường mời các vị thiền khách tới cùng giảng cứu Thiền học. Điều Ngự cũng tìm tới tham khảo với Tuệ Trung thượng sĩ, và do đó thâm nhập được cốt tủy của Thiền học, cho nên thường lấy tư cách đệ tử để đối đãi với Tuệ Trung."

Đã đành Trúc Lâm thờ Tuệ Trung làm thầy, nhưng khi xuất gia thọ 250 giới của một vị tỷ kheo thì Tuệ Trung vốn là cư sĩ, không thể truyền giới cho vua được. Ai là hòa thượng trao truyền giới pháp cho Trúc Lâm, và vua thọ giới ở đâu? Hẳn người làm Hòa thượng đầu đàn truyền giới là thiền sư Huệ Tuệ, lúc ấy đang lãnh đạo sơn môn Yên Tử, tổ sư thứ năm của thiền phái. Và lễ thọ giới xuất gia của Trúc Lâm chắc chắn được tổ chức trên núi Yên Tử.

Trúc Lâm tuy học với Tuệ Trung nhưng khác với Tuệ Trung ở chỗ vua rất chú trọng về mặt hình tướng của sự việc. Trúc Lâm xứng đáng là vị sáng tổ của một môn phái, người lãnh đạo của một giáo hội. Vua có ý định xuất gia rất sớm nhưng ý định này chỉ được thực hiện vào năm 1299.

*(Tài liệu học tập Phật Pháp của
bậc Trung Thiện GDPTVN)*



NẮNG VÀ HOA SEN



*Sen vươn tay đón nắng vàng
Mây thị giả rất nhẹ nhàng bay lên
Vườn tâm nắng rải,
Bóng lông gương sen
Thiền sư tĩnh tọa,
Trúc xanh đứng hầu
Tơ vàng trên vạt áo nâu
A Di Đà Phật,*

*Nhiệm màu phương Tây
Riêng lòng ai biết, ai hay
Đóa sen ai nở, hương bay về người
Bạn hiền ơi,
Cám ơn đời
Có nhau ta đỡ ngậm ngùi tứ sinh
Ngắn, dài,
Chỉ một trang kinh
Mà bi lụy cõi hồng trần đa mang
Hương sen,
Xin tặng nhân gian
Pháp Hoa thơm ngát,
Kim Cang ngạt ngào
Nắng chấp tay,
Sen khẽ chào
Chuông ngân thức tỉnh chiêm bao luân hồi.*

thơ HUỆ TRÂN

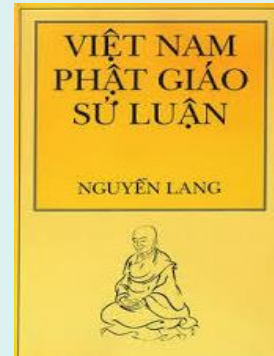
(Tĩnh thất, hương sen năm cũ)

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI NHO HỌC ĐỘC TÔN

SỰ SUY YẾU CỦA ĐẠO PHẬT VỀ PHƯƠNG DIỆN LÃNH ĐẠO TRÍ THỨC

(Chương XVIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

LƯƠNG THỂ VINH

Thế kỷ thứ mười lăm chỉ ghi lại được một tác giả Phật Giáo: đó là trạng nguyên Lương Thế Vinh. Lương Thế Vinh sinh năm 1441, mất vào năm nào không rõ. Ông có tên tự là Cảnh Nghi, hiệu là Thụy Hiên, người làng Cao Hương, huyện Thiên Bản (sau đổi thành Vụ Bản) thuộc Sơn Nam (sau đổi là Nam Định). Ông đậu trạng nguyên năm 1463, làm quan đến chức hàn lâm thị thư, kiêm văn quán tử lâm cục tư huấn. Và được dự làm sái phụ của hội Tao Đàn (17) do Lê Thánh Tông thành lập. Tất cả văn thư giao tiếp với Trung Quốc vua đều giao cho ông soạn thảo. Người Minh thường khen ngợi tác giả các văn hàm ngoại giao do ông viết. Lê Quý Đôn gọi ông là bậc "tài danh cao vốt" (18). Tương truyền phép đo ruộng thành mẫu (tương đương với 3.600 mét vuông), sào (360 mét vuông), thước (240 mét vuông) và tấc (2,40 mét vuông) của ta là do ông đặt ra, do đó người dân gọi phép đo là phép đo của Trạng Lương. Ông giỏi toán học, Phật học và cả về sự khảo cứu sâu khấu, âm nhạc nữa. Ông lại có tính hay khôi hài và ưa đời sống giản dị. Ông là tác giả những sách sau đây:

1) Đại Thành Toán Pháp, sách toán học.

2) Hỷ Phường Phổ Lục, viết về lịch sử hát chèo (*).

3) Thiên Môn Khoa Giáo, sách về Phật học.

Ông lại còn đề tựa sách Nam Tông Tự Pháp Đờ.

Thiên Môn Khoa Giáo

Đây là một cuốn giáo khoa Phật học. Có người nói đây là một cuốn sách về những nghi thức cúng tế trong Phật Giáo. Điều này không đúng. Chữ *khoa* trong Phật học có nghĩa là phân tích văn mạch và làm cho rõ ý từng đoạn. Văn đây là nguyên văn của kinh điển. Trong lúc Phật Giáo suy đồi, thầy cúng nhiều hơn thầy tu, nghi thức cúng tế tràn đầy trong Phật Giáo thì soạn thêm nghi thức cúng tế là việc thừa. Có thể vì nhận thấy sách giáo khoa Phật Giáo soạn thảo dưới đời Trần đã mất hết cho nên Lương

Thế Vinh mới biên tập một cuốn sách giáo khoa Phật học để giúp người chưa biết Phật học đi vào Phật Giáo một cách dễ dàng. Chắc hẳn nhà chùa lúc ấy đã in sách *Thiên Môn Khoa Giáo*. Tiếc thay, tác phẩm này đã thất lạc chưa tìm lại được.

Nam Tông Tự Pháp Đờ

Sách này, có bài tựa của Lương Thế Vinh có lẽ cũng đã được khắc bản lưu truyền, và cũng đã bị thất lạc chưa tìm lại được. Đây là một cuốn sách nói về lịch sử truyền thừa của đạo Phật ở Việt Nam do thiền sư Thường Chiếu (mất năm 1203) viết vào cuối đời Lý.

Sách *Đăng Khoa Lục Sư Giảng* của Trần Tiến (19) nói rằng vì Lương Thế Vinh đã sáng tác kinh Phật cho nên không được thờ cúng trong văn miếu thờ Khổng Tử.

THẬP GIỚI CÔ HỒN QUỐC NGŨ VĂN

Có người cho rằng tác phẩm Nôm *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngũ Văn*, nói là của Lê Thánh Tông, được giữ lại trong bộ *Thiên Nam Dư Hạ Tập*, chính là do Lương Thế Vinh sáng tác. Vũ Phương Đề, một người đồng thời với Trần Tiến và cùng đậu tiến sĩ như Trần Tiến đã nói rằng: Lương Thế Vinh "từng sáng tác Phật Kinh Thập Giới" có thể là *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngũ Văn*. Nhưng nhận xét nội dung *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngũ Văn*, thì thấy tác phẩm không thể là của Lương Thế Vinh. Trần Văn Giáp (20) cho rằng bài *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngũ Văn*, không phải là của Lê Thánh Tông: "Theo lời của Vũ Phương Đề... Lương Thế Vinh là một vị trong tao đàn đời Lê Thánh Tông, chỉ vì làm bài Phật Kinh Thập Giới mà đã bị các nhà nho là bạn đồng nghiệp chê cười mãi, đến khi đã lên thiên cung, đang giảng dạy học trò mà vẫn còn áy náy mãi. Huống chi là Lê Thánh Tông tự gọi là tao đàn nguyên soái, khi nào lại có thể cho phép đưa một bài văn Nôm vào trong bộ sách lớn của triều đình. Sách này lại là sách ghi chép lại toàn điển lệ, cáo sắc v.v... Vậy đối với *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngũ Văn* chưa nghiên cứu được sâu rộng, tôi chưa dám khẳng định là của ai, và làm vào thời nào. Chỉ biết nó không ở

đúng chỗ của nó. Nó là một bài văn ở đâu đó, người ta đưa giả mạo vào sách *Thiên Nam Dư Hạ Tập* để lừa dối độc giả”.

Không chắc quan điểm của Trần Văn Giáp là đúng. Trong *Thiên Nam Dư Hạ Tập* ta thấy có chép thơ văn của hội Tao Đàn, trong đó có Quỳnh Uyển Cửu Ca. *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ* là một tác phẩm Nôm quan trọng, sao lại không thể đưa vào *Thiên Nam Dư Hạ Tập*, nhất là khi tác phẩm này do Tao Đàn Nguyễn Soái sáng tác.

Chưa có lý do gì để ta nói rằng bài này không phải là của Lê Thánh Tông. Bài văn tuy lấy cảm hứng ở đoạn văn thính thập loại cô hồn trong *Giu Đà Khoa Nghi*, nhưng không phải là một bài văn do một người có cảm tình nhiều với đạo Phật như Lương Thế Vinh làm. Đó cũng không phải là một bài văn có thể thực sự dùng vào việc cúng cô hồn hay răn dạy cô hồn. Nó có ảnh hưởng cảnh cáo người sống hơn là “răn dạy” người chết. Đó là tác phẩm của một thi sĩ nho gia mượn đề tài Phật Giáo. Bài thơ nói về cô hồn của các tăng sĩ có những câu sau đây:

*Thân tâm rửa sạch quê hà hữu
Giới hạnh vâng đời giáo Thích Già
Nói những thiền đường cùng địa ngục
Pháp sao chẳng độ được mình ta?*

Ta thấy hai câu thơ cuối cùng có tính cách đùa bỡn và trêu chọc, không phải là văn nghi lễ, cũng không phải là văn “răn dạy” người chết. Trong khi chưa có dữ kiện nào khác, ta hãy tạm cho tác phẩm này là của vua Lê Thánh Tông, bởi khi vị văn chương phảng phất có hương vị một tác phẩm của “Tao Đàn Nguyễn Soái.” *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn* là một tác phẩm Nôm cổ gồm có một đoạn mở đầu và mười đoạn nói về mười giới cô hồn: 1) thiên tăng; 2) đạo sĩ; 3) quan liêu; 4) nho sĩ; 5) thiên văn địa lý; 6) lương y; 7) tướng quân; 8) hoa nương; 9) thương cổ; 10) đấng tử.

Sau đây là đoạn mở đầu:

“Riêng xét vậy: ngựa cửa sổ, kiến đầu cành, xem ngày tháng để qua thoan thoát; bọ ghèn sóng, vờ mặt nước, tựa thân thời kíp biển mờ mờ. Cổ thời nhân kim; sinh thời có hóa. Ấy vậy, hồn là thân, phách là quý; no nên bụt, đói nên ma. Khó miên sang mặt há khác nhau; đói cũng rách lòng thời cũng vậy. Kìa Khổng Tử ách nơi Trần, Thái, mặt đã râu rầu; họ Lương Vũ khốn thừa Đài Thành, dạ đã lép lép. Tín có thừa lượm tay Phiếu mẫu; bả nhiều phen hồ mặt đồ lê. Tô Lang năm lỗ gia ăn sương, ruột sầu rười rượi; Chu Di thấy hạt cơm bám mà lòng tiếc bụi ngùi. Ấy thánh hiền những đấng anh hùng; phải cơ khát đoái chi liêm sĩ. Huống chi cô hồn bay: thác sinh trần thế, chịu âm dương. Có quân tử, có tiểu nhân, chẳng cùng một đấng; trong phong quang, trong nghệ nghiệp, tới ngót mười loài. Ai ai cái lấy lòng phàm; khăn khăn cùng thời nghe giới.”

Và đây là đoạn nói về giới thiên tăng:

*“Chịu giáo Thích Già, thìn lòng trì giới.
Nhuộm sa vàng màu tươi bông cải; sơn thác đỏ*



thức chuốc lệch bầu. Mũ tỳ lư rập tằm tấp vò dứa, đôi khi hầu năng, gây tích tượng chín lỗ nhô đốt trúc, chống thua còn sương. Lăn số châu chuốt hạt kim cương; quét đôi guốc dạo non linh thúu cương; quét đôi guốc dạo non Linh Thúu. Kinh Pháp Hoa giảng đã mưa nhộc nhộc, đơm áo nạp đầm đầm; Phiến bồi điệp tung gió thổi hiu hiu, quét lòng trần thầy thầy. Già lẩn chiền là nơi ăn ở; khói cùng mây ấy chôn lảng giềng. Hải củi quế tiễn trà, khùng khinh một bình một bát; nằm am mây tằm suối, nửa bụt nửa tiên. Nấu tử bi kín nước tưới hoa; ngôi thiền định thiêu hương chúc thánh... Ngõ là ba ngàn cung Đâu Suất được thoát thân phàm; chẳng cọc mười hai cửa Phong Đô gây nên mộng họa. Hỡi ôi! Sống bởi chưng chưa sạch mọi lòng nhân nhục; thác cho phải chịu khó diệt tân toan.

Kê than rằng:

*Một bình bát một cà sa
Nấu chốn chiền già làm cửa nhà
Kinh già ngọc lâu hương lọn triêu
Định lui thiền viện bóng xoay hoa
Thân tâm rửa sạch quê Hà hữu
Giới hạnh vâng đời giáo Thích già
Nói những thiền đường cùng địa ngục
Pháp sao chẳng độ được mình ta?”*

Những danh từ Linh Thúu, Pháp Hoa, Bồi Diệp, Đâu Suất... là những từ phổ thông thường hay nói đến, được tác giả đem dùng cho có vẻ như một đoạn văn thực sự nói về giới thiên tăng.

Chúng ta hãy đọc một đoạn văn nói về giới nho sĩ sau đây để so sánh, nhất là về phương diện điển tích:

*“Ham nói nho phong, toàn nghề cử tử.
Cơm áo nhờ ơn cha mẹ; Đêm ngày đọc sách thánh hiền. Củi quế gạo châu, kham khổ năm chung trường ốc; song huỳnh án tuyết, dù mài mền nhiếp thi thư. Giấy làm ruộng, bút làm cày; hôm xem kinh, mai xem sử. Trưởng Mã Dung, màn Đổng Trọng, lạnh lụng nào quản tuyết sương; đèn Hàn Tử, gối Ôn Công, thức nhấp chẳng lia nhật dạ. Lăn lội rừng Nho bế học; ngâm nga ý Khổng lòng Chu. Công đấng hòa đã dày; tài văn chương càng nhọn. Lễ lười nuốt chằm Vân Mộng, cách nươg long dư ngàn đội giáp binh; chép miệng luận sư Tôn Ngô, rú*

tay áo n ăm bảy thiên thao lược. Đứng tao đàn
giống cờ nghe trống; đến tự tường ngạn tích
cầm thương. Tuyết Bá Ngạn hoa Đổ Lăng,
chẳng câu chẳng lạ; thiếp Lan Đình tập Liên Xã
mọi khúc mọi mầu. Thơ ngâm quý khốc thần
sầu; khúc ngợi non cao nước chảy. Buộc miệng
nuốt châu là ngọc; day tay gỡ cúc bản dương.
Sách đối đan trì, văn chói chói gấm trên bà
ngựa; tên bay kim bảng, tiếng sấm sấm sấm
dưới đất bằng. Ruổi dặm dài quyết chí côn
bằng; giúp đời trị mừng diêm lân phượng. Ngõ
là bể Doanh Châu, non Bồng Đảo, mình được
hóa tiên; chẳng cốc quê Hoàng nương, núi
Bắc mang, thân đà nên quý. Hỡi ơi! Sông bồi
chừng bản bạc sự người; thác cho phải phiêu
lưu đôi chốn.

Kệ than rằng:

Kềnh kền áo bả lển khăn sa
Trường ốc hôm mai để lệ nhà
Lạnh lẽo đường thu như án tuyết
Nắng sương mấy phút lọn hài hoa.
Tài cao hơn nữa Công Tôn sách
Sự thịnh còn truyền Ninh Thích ca
Bút mực chẳng quên bề chí lữ
Lộc cao sao khéo lỡ người ta”.

Các bài thơ kệ đều lấy văn sa, chứng tỏ có
sự họa văn ngâm vịnh; điều này khiến ta nghĩ
đến hội Tao Đàn. Ta cũng lại nhận thấy rằng
đoạn nói về nho sĩ đầy dẫy điển cổ: Mã Dung,
Đổng Trọng, Hàn Tử, Ôn Công, Bá Ngạn, Đổ
Long, Lan Đình, Liên Xã v.v... So sánh, ta thấy
ngay một sự mất thăng bằng lớn về điển tịch.
Về giới nho sĩ nói đến đèn Hàn Tử, giới Ôn
Công, thì về giới thiền sư đáng lý phải nói “trà
Triệu Châu, bánh Vân Môn” hay “củi Tuyết
Phong, đá Thạch Đầu” (21) chẳng hạn. Điều
này càng cho ta thấy như đã nói một lần, tác
giả là một nhà nho lấy đề tài Phật học để ngâm
vịnh.

CHÂN NGHIÊM VÀ SÁCH THÁNH ĐĂNG LỤC

Thiền sư Chân Nghiêm sống vào giữa thế
kỷ thứ mười sáu, dưới thời Mạc, là một người
có liên hệ với truyền thống Trúc Lâm Yên Tử.
Ông đã cho khắc in sách *Thánh Đăng Lục* và
viết bài tựa cho sách ấy. Sách in năm 1550.
Thiền sư Chân Nghiêm trú trì chùa Sùng Quang
xã Xuân Lan, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.
Bài tựa của ông không thấy có đề năm tháng.
Ta biết được niên đại khắc bản của sách là nhờ
một bài tựa khác do thiền sư Tinh Quảng ở
Thiền Phong Viện núi Tử Sầm viết vào năm
1750 khi sách này được khắc bản lần thứ ba.
Cũng theo Tinh Quảng thì vào năm 1705 sách
được khắc bản lần thứ hai, do thiền sư Chân
Nguyên (1646-1726) chủ trương. Lần khắc bản
thứ ba năm 1750 là do một vị đệ tử của Chân
Nguyên tên là Tính Lương thực hiện. Chính
Tính Lương đã nhờ thiện hữu của mình là Tinh
Quảng viết bài tựa của kỳ in này. Tinh Quảng
viết bài tựa: “Cuối thu, chiều ngày 25 tháng
này, lúc tôi đang đọc tại Nghi Thạch Song thì
thấy một thiện hữu là Tính Lương lên núi. Tôi

chào hỏi, mời ngồi. Hỏi thì Tính Lương bảo từ
Tứ Kỳ Hải Dương tới, lấy trong tay áo ra sách
Trùng San Thánh Đăng Lục hai cuốn bằng giấy
trắng vài tờ, nói rằng: “Xưa thầy tôi là Tuệ
Đăng Hòa thượng lúc ở chùa Long Động có san
khắc bản lục này vào năm Ất dậu, đến nay đã
được bốn mươi sáu năm. Bản ấy thất lạc, làm
cho giới Thiền học muốn truy ra tông phái của
thánh giáo khó mà ăn chứng được...” Những ấn
bản hiện có của *Thánh Đăng Lục* chỉ là những
ấn bản gần đây. Bản thứ nhất có tên *Thánh
Đăng Lục*, do thợ khắc ở Liễu Tràng thực hiện
năm 1848. Sách này có mang hàng chữ *Trùng
San Thánh Đăng Lục Tinh Tuyển Phật Đồ Tự*,
nhưng không có hình ảnh nào. Bản thứ hai
không biết ấn hành năm nào, có tên là *Thánh
Đăng Ngữ Lục* và *Việt Quốc An Tử Sơn Trúc
Lâm Chư Thánh Đăng Ngữ Lục*. Bản này có bài
bạt của Thích Huệ Tử, ở am Trí Nhàn (Hải
Dương?), lại có hình vẽ.

Sách *Thánh Đăng Lục* hay *Thánh Đăng Ngữ
Lục* chỉ chép về cuộc đời và sự tu tập của năm
vị vua đầu đời Trần, nội dung không giống sách
Tam Tổ Thực Lục chỉ nói về vua Trần Nhân
Tông và hai vị tổ Pháp Loa, Huyền Quang. Sách
*An Tử Sơn Trúc Lâm Trần Triều Thiền Tông Bản
Hạnh* bằng chữ Nôm do thiền sư Chân Nguyên
cũng có tài liệu trong các sách *Khóa Hư* và *Tam
Tổ Thực Lục*. Trên nguyên tắc, sách nói về Năm
vua và Ba tổ nhưng sự thực phần lớn nội dung
là để dành cho Trần Thái Tông và Trần Nhân
Tông. Như vậy, Chân Nguyên, ngoài việc san
khắc *Thánh Đăng Lục* bản chữ Hán, còn căn cứ
vào đó để viết thành một tác phẩm Nôm. Hai
câu gần cuối sách sau đây nghe như là mục
đích của tác phẩm:

*Đem Thánh Đăng Lục giảng ra,
Khêu đèn Phật tổ sáng hòa tam thiên.*

Ta không biết gì nhiều về Chân Nghiêm
thiền sư, người đã san khắc *Thánh Đăng Lục*
lần đầu. *Thánh Đăng Lục* có nhiều tài liệu trùng
hợp với *Khóa Hư Lục* và *Tam Tổ Thực Lục*. Tác
phẩm này có thể nói được soạn lục căn cứ trên
hai tác phẩm kia. Chúng ta biết rằng *Thánh
Đăng Lục* được soạn thảo sớm lắm là sau khi
Minh Tông mất, bởi vì sách nói về sự tu hành
của năm vị vua Trần mà vua thứ năm là Minh
Tông. Phần thứ hai của sách *Tam Tổ Thực Lục*
viết về Pháp Loa, do Trung Minh biên tập và
chính tay Huyền Quang khảo đính, không thể
nào được viết sau *Thánh Đăng Lục* được. Mà
nếu trong thời Huyền Quang, phần hành trạng
về Pháp Loa đã được hoàn tất thì chắc chắn
phần hành trạng về Trúc Lâm Điều Ngự cũng
đã được hoàn tất. Nếu không thì đó là một sự
thiếu sót và bất kính đối với Nhân Tông, tổ thứ
nhất của thiền phái Trúc Lâm. Có người nêu lên
sự kiện là trong phần hành trạng của Trúc Lâm,
sau tiêu đề “An Tử Sơn Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm
Đại Sĩ Thực Lục” có câu “Ấn Thánh Đăng
Lục...” (căn cứ trên *Thánh Đăng Lục*) để cho
sách *Tam Tổ Thực Lục* được viết sau *Thánh
Đăng Lục*. Điều này không đúng, bởi vì câu “Ấn

Thánh Đăng Lục...” chắc chắn đã thêm vào trong những kỳ khắc bản sau này. Duy phần thứ ba của *Tam Tổ Thực Lục*, viết về cuộc đời Huyền Quang, ta không thể nói chắc rằng đã được viết trước *Thánh Đăng Lục*. Xét nội dung thì thấy rất có thể nặng phần này đã được viết sau *Thánh Đăng Lục*.

(17) Hội Tao Đàn do Lê Thánh Tông lập ra năm 1495 để sáng tác và phê bình văn học. Lê Thánh Tông là Tao Đàn nguyên soái. Các ông Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Thái Thuận là phó nguyên soái. Lương Thế Vinh làm Tao Đàn sai phu. Hội Tao Đàn có chừng ba mươi người.

(18) Kiến Văn Tiểu Lục

(*) Thật ra, quyền này chỉ là tương truyền, chưa ai nhìn thấy tận mắt văn bản. (N.H.C)

(19) Người tỉnh Hải Dương, làm chức Thượng Thư triều vua Lê Hiến Tông.

(20) Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, Hà Nội, 1970

(21) Đèn Hàn Tử: đèn của Hàn Dũ; thơ Hàn Dũ (đời Đường) có câu: “Phần cao du di kế quỹ, hăng ngọt ngọt dĩ dùng niên” nghĩa là đốt đèn dầu để tiếp nối bóng mặt trời, thường cặm cụi suốt năm.

Gối Ôn Công: Ôn Công (đời Tống) chăm học, sắm một các gối tròn để nằm đọc sách. Hễ buồn ngủ thì gối lặn, đánh thức mình dậy.

Trà Triệu Châu: Thiền sư Triệu Châu (778-897) hỏi một trong hai vị tăng mới đến: “Thầy đã đến đây lần nào chưa?” Trả lời: “Chưa”. Triệu Châu nói: “Uống trà đi”. Lại hỏi vị tăng kia: “Thầy đã đến đây lần nào chưa?” Trả lời: “Rồi”. Triệu Châu nói: “Uống trà đi”. Vị Viện Chủ thiền viện hỏi Triệu Châu: “Người chưa từng đến thì dạy “uống trà đi” còn vị đã từng đến cũng dạy “uống trà đi, thế là thế nào?” Triệu Châu gọi: “Viện Chủ!” Viện Chủ đáp: “Dạ!” Triệu Châu nói: “Uống trà đi”. Câu chuyện đó trở thành công án thiền học.

Bánh Vân Môn: Một hôm có vị thiền giả đến thăm thiền sư Vân Môn (881-966). Vân Môn cầm một chiếc bánh đưa lên, không nói gì; vị thiền giả lĩnh hội ngay được thiền ý khỏi cần qua trung gian văn tự.

Củ Tuyết Phong: Tuyết Phong Nghĩa Tồn thiền sư (822-908) một hôm đem đặt một bó củi trước mặt thiền sư Lương Giới (người sáng lập tông Tào Động). Lương Giới hỏi: “Nặng nhiều ít?” Tuyết Phong: “Cả loài người trên mặt đất xúm lại cũng không đỡ lên nổi”. Lương Giới: “Sao đem tới đây được?” Thiền sư Tuyết Phong không trả lời được.

Đá Thạch Đầu: Mã Tổ tss (707-786) hỏi Ấn Phong: “Đi đâu?” Ấn Phong đáp: “Đi lên núi Thạch Đầu”. Mã Tổ: “Đường lên núi Thạch Đầu đá trơn nguy hiểm lắm”. Ấn Phong: “Đã có cây gậy tùy thân, không lo”. Liền đi tới Thạch Đầu Sơn chống gậy nói: “Tông chi nào?” Thạch Đầu la lên: “Trời xanh, Trời xanh”. Ấn Phong lặng

NGẮN NGỦI

*Xuân lại về muôn lối
Trăm hoa nở bên đời
Một thoáng vui trôi mau
Lặng nhạt cánh hoa sâu*

*Hạ đến hoa phượng nở
Quyển rũ đẹp ngân nga
Bông thoáng cơn gió đùa
Phượng sâu trôi ước mơ*

*Thắm thoát thu qua mau
Để lại một nỗi sầu
Tình lặng em nhìn sâu
Từng lá thu ứa màu*

*Đêm đông lay chợt tỉnh
Bao năm giấc chiêm bao
Buồn vui vô sở chấp
Hoát nhiên vỡ mộng cười*

*Yên bình giữa khoảng không
Nhận diện chốn phiêu bồng
Đời vô thường cõi tạm
Có gì em vẫn vương.*

thơ LÊ NGỌC HUẾ



yên, về kể chuyện ấy với Mã Tổ. Mã Tổ nói: “Nếu tới lần nữa mà ông ta còn nói “trời xanh, trời xanh” thì đừng hăng hai lần. Ấn Phong y lời, tới hỏi cùng câu hỏi. Thạch Đầu đừng hăng hai lần, Ấn Phong không biết nói ra sao, liền trở về báo cáo với Mã Tổ. Mã Tổ nói: “Ta đã nói: đừng lên Thạch Đầu đá trơn lắm mà người không tin.”

THIỀN TẬP VÀ NHAN SẮC

Nguyên Giác



Thiền tập đang trở thành một phương thuốc đa năng tại Hoa Kỳ... Đối với nhiều bác sĩ, thiền tập là chìa khóa để giúp phụ nữ đẹp hơn, trẻ hơn, hạnh phúc hơn...

Bác sĩ David Bank, chuyên gia thẩm mỹ về da và là tác giả cuốn sách "Beautiful Skin: Every Woman's Guide to Looking Her Best at Any Age" (Làn Da Đẹp: Cẩm Nang của Tất Cả Phụ Nữ Để Được Nhìn Đẹp Nhất ở Bất Kỳ Tuổi Nào) nói rằng căng thẳng là một "tên trộm nhan sắc" (beauty burglar).

Ông giải thích, khi bạn căng thẳng, các mạch máu hẹp lại, tiết ra các chất hormones bất lợi, làm máu kém lưu chuyển trên các làn da và các cơ phận khác của cơ thể. Thậm chí, căng thẳng làm cho làn da ít dưỡng chất và ít dưỡng khí (oxygen) hơn, và như thế các hội chứng đã có trước đó như acne (mụn trứng cá) hay eczema (viêm da, sần sùi) có thể xuất hiện trở lại. Ông nói, ngay cả nếu bệnh chưa hiện ra, khi căng thẳng, bắp thịt sẽ căng, da sẽ mất màu sáng và các nếp nhăn hiện ra.

Khi tới với thiền tập, mỗi người thường dùng pháp này như một công cụ thích nghi cho mình. Phụ nữ dễ gặp nhiều vấn đề hơn nam giới trong đời thường. Quý phụ nữ thường quan tâm về cân nặng, về làn da, về nếp nhăn, về chữa bệnh, về những đồ vỡ riêng tư trong đời thường... Đó cũng là lý do, hôm Thứ Sáu 7/4/2017, khi vào trang Google, gõ nhóm chữ "mindfulness for women" (chánh niệm cho phụ nữ) sẽ thấy có hơn 48 triệu mục từ liên hệ, nếu gõ nhóm chữ "meditation for women" (thiền tập cho phụ nữ) sẽ thấy có hơn 55 triệu mục từ liên hệ.

Cổ phải vì phụ nữ quan tâm về giải thoát sinh tử luân hồi nhiều hơn? Không phải. Nam hay nữ cũng chỉ là một nhóm chuyển động gồm "sắc thọ tướng hành thức" đang lung linh trôi chảy trôi; đau khổ cũng như nhau, nhưng có một số người ưa chú trọng nhiều về sắc tướng hơn là mọi thứ. Thử tìm đọc các sách liên hệ đang bán trên Amazon, mà chúng ta có thể mượn nhiều cuốn trong thư viện công cộng ở nhiều thành phố Mỹ, sẽ thấy quan tâm lớn nhất là sức khỏe, và thứ nhì là nhan sắc.

Trong một bài trên báo The Telegraph trong năm 2012, kể về một cuộc nghiên cứu của các nhà khoa học ở University of Sheffield, có kết quả in trên tạp chí chuyên ngành về da *The British Journal of Dermatology*, ghi nhận rằng Anh quốc có 8 triệu người có bệnh về da, và một số phương

pháp không cần dùng thuốc – trong đó có pháp thiền thư giãn và môn liệu pháp nhận thức thái độ (CBT – viết tắt của

cognitive behaviour therapy, một phương pháp của các bác sĩ tâm lý) có thể giúp chữa được một số bệnh về da.

Nghiên cứu này xem xét hơn 900 trường hợp từ 22 cuộc nghiên cứu trước đó, cho thấy các phương pháp không dùng thuốc này đối phó được bệnh ngứa da và xóa được thói quen gãi.

Tổ chức British Skin Foundation nói rằng nhiều người bệnh da đã từng đau khổ tới mức tự gây tổn thương, và thậm chí từng nghĩ tới tự sát. BSF nói rằng phân nửa số người có bệnh da từng đau khổ vì một số lời nói nơi công cộng, thậm chí còn bị lánh xa.

Anthony Bewley, một bác sĩ chuyên gia psychodermatologist (chữa trị bệnh da bằng phương pháp tâm lý), nói rằng nhiều bệnh nhân về da thấy rằng họ bị tổn thương về tâm lý nguy hại hơn là bệnh tim hay bệnh tiểu đường.

Nhan sắc, trước tiên phải là một làn da đẹp. Đó cũng là lý do nhiều nữ diễn viên Hoa Kỳ rủ nhau thiền tập, không chỉ để tự giảm căng thẳng đời thường, mà cũng để dùng như một phương pháp giữ gìn nhan sắc. Bởi vì quan tâm lớn nhất của nữ nghệ sĩ luôn luôn là nhan sắc.

Như trường hợp nữ ca sĩ Jewel—cũng là một nhạc sĩ, một diễn viên, một nhà thơ—đã nói trên báo *The Washington Times* ngày 5 tháng 4/2016 rằng cô giữ mãi một câu thần chú nhà Phật rằng hạnh phúc không phải là chuyện bạn là ai, cũng không phải là những gì bạn có, nhưng chỉ là những gì bạn suy nghĩ.

Tạp chí Self ngày 3 tháng 4/2017 có bài viết của phóng viên Haley Goldberg tựa đề "The 15-Second Meditation That Helps Jewel Calm Her Panic Attacks" (Thiền Tập 15 Giây Đồng Hồ Giúp Cô Jewel Bình Tâm Khi Sợ Hãi Khởi Dậy).

Bài viết khởi đầu với câu: "At 18, the singer found herself homeless and plagued by panic attacks. Mindfulness helped her regain control of her life." (Vào năm 18 tuổi, ca sĩ [Jewel] sống vô gia cư giữa tràn ngập sợ hãi. Thiền chánh niệm giúp cô nắm lại kiểm soát

cuộc đời của cô).

Ca sĩ Jewel bây giờ 42 tuổi, mới mấy tuần trước nói trên chương trình "10% Happier" (10% Hạnh Phúc Hơn) của phóng viên truyền hình Dan Harris kể lại thời cô phải sống bụi đời năm 18 tuổi:

"Thời đó người ta chưa xài chữ mindfulness (thiền chánh niệm) nhưng tôi trở ngược về ý tưởng làm sao tôi có thể nối dây lại não bộ của mình. Tôi lúc đó nhớ lời Đức Phật dạy, 'Hạnh phúc không tùy thuộc vào chuyện bạn là ai, hay tùy thuộc vào chuyện bạn có những gì, mà chỉ tùy thuộc vào bạn suy nghĩ gì.' Tôi đã có niềm vui độc đáo về chỉ có những gì tôi đã nghĩ đã rời bỏ. Tôi không có gia đình, không nhà, không thực phẩm – không có gì làm tôi bận tâm."

Jewel tên đầy đủ là Jewel Kilcher, sinh ngày 23 tháng 5/1974, là ca sĩ, nhạc sĩ sáng tác, diễn viên, nhà văn và là nhà thơ. Cô có 4 lần được đề cử Giải Grammy Award, và vào năm 2008 đã bán hơn 30 triệu albums toàn cầu. Cô sáng tác nhạc từ năm 16 tuổi, khi còn học trong học viện âm nhạc Interlochen Arts Academy ở Interlochen, Michigan.

Jewel xuất bản tập thơ nhan đề *A Night Without Armor* năm 1998, bán hơn 1 triệu ấn bản và vào danh sách bán chạy của *New York Times*.

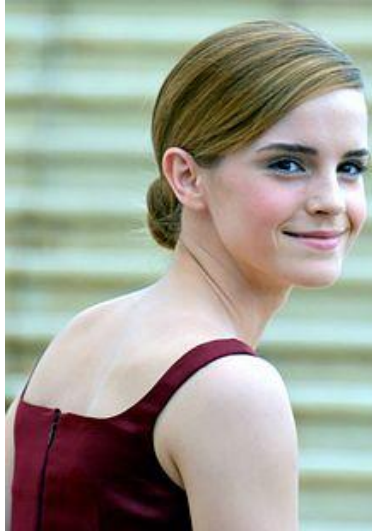
Jewel lập một hội bất vụ lợi có tên là Higher Ground for Humanity và cũng tham dự, hỗ trợ, gây quỹ tài chánh cho nhiều hội từ thiện khác.

Tại sao nói 15 giây đồng hồ thiền tập là đủ bình an?

Jewel giải thích với Harris, "*Bạn phải rời bỏ việc tin tưởng vào tất cả các nhiệm hiện ra trong đầu. Khi tôi tập thiền, tôi chỉ đếm tới 20 – một là thở vào, hai là thở ra. Toàn bộ chỉ là quan sát và nhìn xem, bởi vì đó là trạng thái chánh niệm và ở với cái giây phút hiện tiền.*"



Jewel at Yahoo Yodel 2009 (ảnh Wikipedia)



Watson at the 2013 Cannes Film Festival (ảnh Wikipedia)

Một nữ diễn viên khác cũng thiền tập hàng ngày: Emma Watson, người thiếu nữ nổi tiếng trong loạt 8 phim Harry Potter từ 2001 tới 2011. Thiếu nữ rất trẻ này (Emma Watson sinh ngày 15 tháng 4/1990) tập thiền chánh niệm qua một ứng dụng điện thoại di động có tên là Headspace, và cô yêu thích ứng dụng này nhiều tới nỗi cô đã tweet cho các người ái mộ, khuyến khích mọi người sử dụng ứng dụng này. Watson trong năm 2014 được bổ nhiệm là Đại sứ LHQ về Phụ Nữ Thiên Chí và giúp LHQ khởi động phong trào bình đẳng tính phái có tên là UN Women campaign HeForShe.

Trong khi đó, nữ diễn viên Goldie Jeanne Hawn từng có Giải Oscar cho Nữ Diễn Viên Phụ Xuất Sắc, và Giải Golden Globe cho Nữ Diễn Viên Phụ Xuất Sắc cho cuốn phim *Cactus Flower* năm 1969, là mẹ của ba diễn viên nổi tiếng Oliver Hudson, Kate Hudson và Wyatt Russell. Hawn sáng lập hội bất vụ lợi The Hawn Foundation trong năm 2003.

The Hawn Foundation có trang web ở <https://mindup.org/> và đang dạy thiền chánh niệm cho trẻ em tại nhiều quốc gia toàn cầu.



Goldie Hawn in 1989 (Wikipedia)

Câu hỏi rằng, có nên sử dụng các nhu liệu ứng dụng về thiền tập như Watson khuyến hay không? Nếu bạn nghe thông thạo tiếng Anh và nếu bạn muốn tồn tiền... Thực ra, đó là các lời hướng dẫn, không gì khác.

Nguy hiểm của thiền tập theo lời hướng dẫn của ứng dụng là: nếu bạn là nam, bạn có thể sẽ say mê giọng nữ; và ngược lại. Đối với

nhà Phật, thế là buộc mãi vào sinh tử luân hồi, cứ tưởng là an tâm, lại rơi vào lưới mê mới.

Cũng như việc nghe pháp trên YouTube, nhiều nữ Phật tử say mê nghe giọng của một vị thầy nào đó, có khi vì mê giọng Bắc, giọng Huế, giọng Nam. Tương tự, nhiều nam Phật tử say mê giọng các Ni sư... Tưởng theo thầy là tu, hóa ra lại là mê, thế là hỏng. Nhưng thôi, đó là chuyện khác. Vì không phải ai cũng quan tâm giải thoát.

Đối với thiền tập vì mục tiêu nhan sắc, theo một số hướng dẫn trên mạng, bên cạnh pháp thờ, nên tập hướng dẫn niệm thọ. Tức là scan body, quét cảm thọ trên thân.

Thí dụ, khi hướng dẫn một nhóm bạn trong lớp cùng thiền tập, nên nói lời hướng dẫn dịu dàng, chậm:

"Mời các bạn ngồi vững vàng trên ghế, đặt hai bàn chân trên sàn, cảm nhận hai bàn chân trên sàn, thẳng lưng, hít vào dịu dàng và cảm thọ hơi vào dịu dàng, thở ra dịu dàng và cảm thọ hơi ra dịu dàng, chớ nghĩ chuyện gì khác, buông hết mọi chuyện hôm qua hay ngày mai... chú tâm nơi bàn chân, cảm thọ về làn da nơi hai bàn chân... [rời từ từ tới cơ phận khác, hãy chú tâm và cảm thọ làn da nơi cổ chân, rời bắp chân, đầu gối, hông, bụng, ngực, cổ, mặt, mũi, trán, đỉnh đầu]... hít vào dịu dàng và cảm thọ hơi vào dịu dàng, thở ra dịu dàng và cảm thọ hơi ra dịu dàng... hãy chú tâm và cảm thọ làn da nơi mặt, sẽ cảm thấy làn da như tươi mát hơn... chú tâm và cảm thọ vào vùng quanh hai mắt, vào trán... sẽ cảm thấy làn da như tươi mát hơn... Chuẩn bị rời thiền tập, cử động dịu dàng, và luôn luôn giữ niệm thọ về toàn thân trong mọi việc làm trong ngày..."

Nếu bạn muốn ngắn gọn 15 giây đồng hồ [như nữ nhạc sĩ Jewel nói], niệm hơi thở tới con số 20...

Và nếu chưa được, hãy tập theo hai câu sau:

Thở vào dịu dàng, biết và cảm thọ hơi thở vào.

Thở ra dịu dàng, biết và cảm thọ hơi thở ra.

Đó là hai câu đa dụng, có thể dùng cho mọi trường hợp.

Nguyên Giác



THÁNG TƯ MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

*Ngài đến thế gian này trong một sớm mai
Bất động như như khứ lai
Mang ánh sáng xóa tan màn đêm tăm tối
Bọn chúng con từ lâu lạc lối
Triền miên trong ngũ dục bốn bề
Và bao nhiêu dự hoặc đam mê
Ngài chỉ ra Tứ Diệu Đế
Chân lý thực tế cuộc đời này
Con đường tám nhánh chân chánh
Y theo sẽ đạt quả thánh nhân
Ngài xả rời tất cả những phù vân
Bậc giác ngộ giữa hồng trần dẫu bề
Thương chúng con mê mờ trong khổ hải
Cửa từ bi phương tiện mở năm thừa
Nhưng chung qui chỉ một đường giải thoát
Ngài hiện thân ở thế gian làm thái tử
Bốn mươi chín năm là bậc đạo sư
Suốt một đời dạy giáo pháp chọn như
Thức tỉnh trời, người trong ba cõi
Ngày lễ đản sanh chúng con hằng mong mãi
Dâng hương hoa thành kính tạ Phật ân
Nguyện vâng theo lời dạy đáng cha lành
Trời vẫn xanh như mây ngàn năm thuở trước
Lúc mẹ ngài vịn nhánh Vô Ưu
Bảy bước chân chấn động ba ngàn thế giới
Lòng trời, người phẫn khởi hỷ hoan ca
Rằm tháng tư về lại giữa sơn hà
Mừng khánh đản bậc cha của muôn loài.
(Georgia, 4/2017)*

thơ

ĐỒNG THIÊN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

PHIẾU GHI DANH
(Dành cho quý vị Phật Tử)

(Chỉ dành cho Ban Tổ Chức)

Đơn số:

Ghi chú:

Đơn vị Chùa:

Địa chỉ: Thành Phố:

Tiểu bang: Zip Code: Quốc gia:

Email:

Home Phone: Cell Phone:

Liên lạc trong trường hợp khẩn cấp: Điện thoại:

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI GHI DANH (trong gia đình)

STT	HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	NAM/NỮ	TUỔI	LỆ PHÍ
1					
2					
3					
4					
5					
6					
TỔNG CỘNG					

* Lệ phí để chi trả cho khách sạn trong suốt khóa tu: người thứ nhất \$300, những người kế tiếp trong gia đình \$200, trẻ em dưới 12 tuổi \$150. | Chi phiếu xin ghi: CHÙA AN LẠC, memo: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ.

***Phương tiện đi chuyên:**

- Tự túc
- Đưa đón tại phi trường: O'Hare International Airport (ORD)
 Chicago Midway International Airport (MDW)
- Ngày giờ đến: Chuyển bay: Hãng bay:
- Ngày giờ đi: Chuyển bay: Hãng bay:

....., ngày tháng năm 2017

NGƯỜI NHẬN

NGƯỜI GHI DANH
(ký và ghi rõ họ tên)

* Vui lòng gửi phiếu ghi danh này và chi phiếu về: Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218, USA
 Phone: (+1)317-545-1234 hoặc (+1)408-329-3199 | Email: khoatubacmy@gmail.com

* Khóa tu diễn ra từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017, tại Holiday Inn Chicago North Shore - Skokie Banquet & Conference Center, 5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ

PHIẾU BẢO TRỢ – CHUYỂN PHÁP LUÂN

“Hoằng pháp thị gia vụ - Lợi sanh vi sự nghiệp” là trách nhiệm của người con Phật nói chung. Để góp phần vào việc hoằng dương chánh pháp, chúng tôi xin hoan hỷ bảo trợ cho **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** như sau:

1. CÁ NHÂN BẢO TRỢ

Họ và tên: Pháp Danh:

Địa chỉ: Thành Phố:

Tiểu bang: Zip Code: Quốc gia:

Email: Phone:

Chúng tôi phát tâm bảo trợ mỗi tháng là: \$ USD \$ CAD

Thời hạn: 01 năm 02 năm 03 năm 06 năm Vô thời hạn Coupon **TỔNG CỘNG:**

Phát tâm 2 tháng 1 lần: \$ USD \$ CAD **TỔNG CỘNG:** \$

2. DOANH NHÂN BẢO TRỢ (Ban tổ chức sẽ triển lãm thương hiệu bảo trợ trong khóa tu)

Tên thương hiệu: Họ, Tên chủ doanh nghiệp:

Địa chỉ: Thành Phố:

Tiểu bang: Zip Code, hoặc Postal Code: Quốc gia:

Email: Phone: Cell:

Chúng tôi phát tâm bảo trợ mỗi năm là: \$..... USD \$ CAD

Thời hạn: 01 năm 02 năm 03 năm 06 năm Vô thời hạn Coupon **TỔNG CỘNG:**

Xin vui lòng gửi cho chúng tôi biên lai khai thuế Không cần gửi biên lai khai thuế

* Chi phiếu xin để “**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP**” và xin gửi về Ni Sư Thích Diệu Tánh,

Thiền Tịnh Đạo Tràng, 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 * Phone (714) 266-4171

Cell: (714) 266-4171

Thành tâm cầu nguyện cho Phật Pháp được trường tồn, chúng sanh được an lạc.

NAM MÔ THÀNH TỰU TRANG NGHIÊM CÔNG ĐỨC PHẬT

....., ngày tháng năm 201

NGƯỜI BẢO TRỢ

(ký tên)

"CÁI TÔI" LÀ GÌ?

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh

Điều khó hiểu nhất đối với tôi trong Phật giáo là sự phủ nhận bản ngã hay chối bỏ "cái tôi." Vô ngã là một trong ba trạng thái hiển nhiên trong tất cả sự vật gồm vật chất lẫn tinh thần (vô thường, khổ và vô ngã) mà Đức Thích Ca đã dạy cho chúng ta. Thoạt đầu, cũng như mọi người lớn lên, tôi thấy "rõ ràng" mình là giao điểm chính khi nói đến bất cứ ai hay cái gì. Ví dụ như khi nói đến phương hướng, mình dùng chính bản thân của mình làm trung tâm vũ trụ. Nếu mình đứng quay mặt về hướng mặt trời mọc thì bên trái của mình là hướng bắc, bên phải là hướng nam, và sau lưng là hướng tây. Nếu mình nói đến một ai khác thì mình là trọng tâm và người kia là đối tác. Tôi không biết làm sao phủ nhận được chính mình khi suy nghĩ hay nói đến người nào hay cái gì bên ngoài tôi. Vậy sao một mặt Phật giáo chủ trương không có cái tôi, còn một mặt khác lại bảo rằng chính cái tôi nó gây ra tham, sân, si làm cho đời nhiều đau khổ? Tôi bối rối nghĩ mãi nếu *cái tôi là nguyên nhân của khổ ế, và khổ ế là sự thật hiển nhiên thì cái tôi cũng phải là sự thật chứ? Vô lẽ cái không có thật lại có thể sinh ra cái có thật?*

Bây giờ tôi mới hiểu rằng cái mà thường tình mình gọi là bản ngã hay cái tôi *tự nó không phải là một thực thể* đơn thuần, độc lập, bất di bất dịch. Trong quan điểm của Phật giáo cái tôi không phải là một thực tại mà nó chỉ là một khái niệm, một ảo ảnh; cái mà chúng ta cho là có thật chính là *cái khái niệm, cái ảo ảnh này* và nó là cội nguồn đau khổ của đời người. Nó giống hệt như ảo ảnh trong sa mạc. Quá thèm nước vì khát khô cổ, người lữ hành nhìn thấy hình ảnh một ốc đảo từ phương xa và cố hết sức mình đi tìm về hướng của ảo ảnh, và lẽ dĩ nhiên là không bao giờ tìm thấy để rồi phải chết khát. Chính vì biết nó là một ảo ảnh nên có người không *lệ thuộc* vào nó cho nên họ khiêm tốn, hay nhường nhịn, dễ tha thứ kẻ khác. Trong khi chính vì không biết nó là một ảo ảnh, có nhiều người thổi phồng nó lên, kiêu ngạo, đố kỵ, hiểu thẳng, lấn lướt kẻ khác, hoặc nhiều tự ái, dễ giận dỗi, ít khi tha thứ cho mình

và cho kẻ khác. Đây chính là nghĩa thật của sự hiểu biết về "vô ngã" trong Phật giáo. Ta có thể so sánh "cái tôi" như một ly cà phê sữa đá ta đang uống. Con mắt của tôi thấy rõ ràng trên bàn một ly cà phê sữa đá nhưng ly cà phê sữa đá này không phải là một thực thể đơn thuần, độc lập tự nó nảy sinh ra và không bao giờ thay đổi. Thực sự nó là một tập hợp gồm cái ly, cà phê, sữa và nước đá đang luôn luôn thay đổi theo cách của nó. Tương tự như vậy, "cái tôi" là một tập hợp từ những phản ứng của tâm đối với những nhận thức từ sáu giác quan. Mỗi người chúng ta là một cá nhân rất đặc thù nhưng mỗi cá nhân đặc thù là do *cá tính* chứ không phải do một thực thể có thật hoàn toàn độc lập và bất di bất dịch mà mình gọi là "cái tôi." Cái gì lập nên cá tính? Đó là sự nhận thức và sự phản ứng của tâm (được thể hiện qua thái độ và hành vi còn gọi là nghiệp) được hình thành dựa trên ngũ uẩn rồi trở nên kinh nghiệm bản thân của đời sống hiện tại hay kiếp này và kinh nghiệm của những đời sống trong quá khứ



hay kiếp trước.

Người thượng cổ tin mọi hiện tượng trong trời đất đều do thần linh tạo ra, nhất là những hiện tượng có sức mạnh vô song như bão tố, sấm sét, nước, lửa, sự chết, v.v... Vì vậy, khi nghe sấm sét họ sợ. Nhưng rồi do tiến bộ của khoa học chúng ta biết sấm sét không phải do thần thánh gây ra cho nên ngày nay ta hết sợ khi nghe giông tố. Vì không biết sự thật (vô minh) của sấm sét nên người đời xưa sống trong lo sợ khi nghe giông tố. Hiện tượng sấm sét ngày xưa vẫn còn đó nhưng nhờ vào kiến thức khoa học chúng ta có sự hiểu biết đúng đắn (chánh kiến) về sấm sét nên ngày nay không còn nhận thức sai lầm để bị sợ hãi trong tâm của chúng ta như vào thời thượng cổ. Khi nhận thức thay đổi thì thái độ và kinh nghiệm cũng thay đổi. Vì vô minh nên chúng ta không hiểu cái tôi chỉ là ảo ảnh nên mới sống với tham sân si và trầm luân không hạnh phúc.

Có người lúc chưa ăn trái sầu riêng bao giờ thì cho mùi trái cây này thật khó chịu (khô). Do khứu giác không chấp nhận mùi sầu riêng (khô



thọ) nên tâm phản ứng khó chịu—rồi biểu hiện bằng thái độ tiêu cực và hành vi chê bai ghét bỏ. Quá trình này được ghi lại trong trí nhớ một kinh nghiệm không tốt về sầu riêng! Ngược lại, những ai thích ăn sầu riêng thì mùi trái cây này dễ chịu hấp dẫn (lạc thọ) tạo ra thái độ tích cực vui vẻ và hành vi khen ngợi mến thích để lại cho họ một kinh nghiệm thật vui về sầu riêng! Thức ăn Việt Nam mà thiếu nước mắm thì người Việt Nam không sao thưởng thức được ngoại trừ những ai ăn chay trường. Ngược lại, người ngoại quốc không quen với khẩu vị Việt Nam sẽ rất sợ mùi nước mắm. Kinh nghiệm về ăn nước mắm của tôi và một người bạn Mỹ sẽ rất khác nhau. Hai thanh niên chàng vai nhau đi dạo phố Sài Gòn ngày xưa là chuyện thường tình trước con mắt của người Việt, nhưng những lính Mỹ mới sang Việt Nam sẽ bảo sao Việt Nam có nhiều người đồng tính đến như thế!

Những ví dụ vừa kể trên cho chúng ta thấy nhận thức của ngũ uẩn đưa đến phản ứng của tâm thể hiện qua thái độ và hành vi, và kinh nghiệm về cùng một hiện tượng bị ảnh hưởng rất nhiều của hoàn cảnh, thời gian, không gian, văn hóa, giáo dục, môi sinh của cá nhân cũng như của tập thể. Từ đó chúng ta ngộ nhận cá tính do kinh nghiệm cá nhân trong kiếp này và muôn ngàn kiếp trước tạo nên là bản ngã. Vì cá tính riêng của tôi, tôi ghét sầu riêng ưa nước mắm. Nhưng nếu tôi sinh ra và lớn lên ở miền Đồng bằng Cửu Long, chắc tôi đã yêu mến sầu riêng.

Tất cả những kinh nghiệm của cá nhân tôi tạo cho tôi một cá tính riêng biệt, và *đặt căn bản trên cá tính này* tôi có những nhận thức về mọi hiện tượng chung quanh tôi. Chúng ta ai cũng biết nhận thức và kinh nghiệm thay đổi theo thời gian và không gian. Và vì sự thay đổi này, cá tính của mỗi người cũng thay đổi, có lúc nhanh, có lúc chậm. Chúng ta hãy nhìn sự thay đổi của chính cá nhân chúng ta và gia đình chúng ta từ hồi còn sống ở Việt Nam cho đến bây giờ sau bao nhiêu năm cư ngụ tại Hoa Kỳ. Cá tính do kinh nghiệm tạo thành, và kinh nghiệm tạo thành nhận thức về những gì mình nghe được, thấy được, ngửi được, nếm được, sờ được, và biết được về những gì xảy ra hay đã từng hiện hữu ở chung quanh chúng ta. Nhưng những gì xảy ra hay hiện hữu ở quanh ta đều thay đổi và không độc lập một mình nó

mà tất cả đều do nhiều nhân duyên khác nhau dựa vào nhau để sinh tồn cũng như hủy diệt. Do đó cá tính chỉ là một tổng hợp của nhiều thái độ trải nghiệm trong quá trình nhận thức của ngũ uẩn và phản ứng của tâm, và nó không phải là một thực thể độc lập và trường tồn. Vì tôi ngộ cá tính là bản ngã nên trước kia tôi không hiểu được nghĩa chính xác của danh từ "vô ngã" trong Phật giáo.

Như vậy, cái tôi không phải là một thực thể độc lập. Chính sự ngộ nhận cho là nó có thật nên ai cũng xem cá nhân mình là trung tâm vũ trụ trong liên quan của mình với thế giới hiện tượng bên ngoài. Chính vì không biết và mình không thấy được sự trống rỗng và vô thường của vạn vật, và vì do thói quen dùng cái tôi ảo huyền để nhận định và xét đoán mọi việc xảy ra trong tương quan giữa cá nhân mình với ngoại cảnh trong đời sống luôn luôn thay đổi mà mình cứ cho là có thật và vĩnh cửu. Khi chúng ta tìm ra sự thật là những gì mà mình nghĩ có thật thì chỉ là ảo tưởng, và những gì mình nghĩ là trường tồn thì không nằm ngoài định luật vô thường. Ngược lại vì vô minh, chúng ta không chịu chấp nhận những sự thật mà mình không thay đổi được theo ý nghĩ và ước muốn của mình nên cố lòng tranh đấu chống lại một cách vô vọng. Vì cái tôi không có thật mà mình lầm tưởng là có thật, và vì mọi pháp đều vô thường mà mình lầm tưởng là vĩnh cửu nên mình mới thất vọng và đau khổ. Vô minh chính là gốc rễ của mọi ưu phiền!

Khi chúng ta hiểu được lời Phật dạy rằng cái tôi là ảo tưởng, chúng ta mới có thể không còn dùng nó làm căn bản cho tất cả tư tưởng, lời nói và hành động của mình. Cái tôi luôn luôn là những nguyên nhân chính gây ra đau khổ làm mất hạnh phúc cho mình và tha nhân. Vì cái tôi, chúng ta mới sinh lòng tham, giữ lại cho mình thật nhiều, muốn nhiều thứ thuộc về tôi và trở thành "của tôi." Vì *tham* mình chẳng bao giờ thấy đủ cho nên lúc nào mình cũng không vui vì thấy mình còn thiếu thốn quá! Vì ở Việt Nam có bao người thiếu công ăn việc làm, con cái thiếu học, gia đình thiếu thuốc thang khi đau ốm, mọi người thiếu tự do nên bà con chúng ta muốn di dân sang Mỹ. Khi qua sống ở Mỹ, trừ tự do, nhiều người vẫn thấy không đủ, và có thể cảm thấy thiếu hạnh phúc hơn xưa khi nhìn quanh thấy toàn giàu sang phú quý! Vì tham nên mình ôm giữ, quý mến, bám víu rồi trở thành *lệ thuộc*, và rất sợ mất vì vậy nên có *sân, si*. Khi của tôi bị mất thì tôi tiếc thương, nhưng nhớ, buồn tủi, tuyệt vọng, lắm lúc nổi khùng điên; khi bị mất vì cưỡng bách, chiếm đoạt hay trộm cướp thì đâm ra tức giận, thù ghét và sinh tâm ác muốn trả thù. Mình có thể không cầu lợi, không mê giàu sang phú quý nhưng mình còn ham danh. Ai ca tụng thì mình ưa mến muốn gần gũi họ; ai nói xấu thì mình không bao giờ muốn thấy mặt và trở thành thù nghịch.

Theo Phật giáo, tham, sân, si là cội nguồn



của bất bình, thiếu hạnh phúc, đau khổ; và cội nguồn của đau khổ là cái tôi hư ảo vô thường và lòng tham phát sinh từ đó. Vì thế, những người xem trọng cái tôi thường ngạo mạn, tự cao tự đại, hay chê bai kẻ khác gây ra thù ghét, có nhiều kẻ thù hơn bè bạn. Họ ít khi cảm thấy vui trong lòng và tìm được hạnh phúc thực sự. Hạnh phúc chỉ đến với họ trong những lúc họ hơn, họ thắng trong tranh đua hằng ngày, hay trong những lúc họ tự cho mình hơn kẻ khác, và cho rằng những ai không đồng ý với quan điểm tự đánh giá của họ đều là ngu dốt. Trong lúc đó những người khiêm nhường ít khi phê phán chê bai, phản ảnh tinh thần tử bi có nhiều bạn ít thù và lòng họ bình thản thành thoi hơn (tâm xả). Thường thường chúng ta nghĩ rằng tính tự kiêu (có cái tôi lớn) hay khiêm nhường (không xem cái tôi quá quan trọng) là bẩm sinh. Như tôi trình bày ở trên, bản tính "trời sinh" này chỉ là kết quả hỗn hợp nhào nặn ra của bao nhiêu kinh nghiệm trong kiếp này và bao nhiêu kiếp trước. Nó không phải là một thực thể tự nó sinh ra, tự nó tồn tại và mãi mãi không thay đổi. Sự thật này đem may mắn cho chúng ta vì mình có thể tu sửa để thay đổi bản tính của mình và không còn lệ thuộc vào ảo tưởng về bản ngã để tìm thấy hạnh phúc thật sự trong đời sống này như lời dạy của Đức Thế Tôn.

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh
(Thành kính tri ân Thầy Tâm Hạnh góp
ý về các từ ngữ Phật học)
Dallas, March 2017

CÒN VẠN KHỐI TÌNH

*Ta còn chút nắng, chút sương
chút hoa lá cỏ, chút vương vân lòng.
Thì đây núi,
Thì đây sông
Cõi quê hương ấy...
Thuở Hồng-Lạc xưa.*

*Đất trời dù chuyển sang mùa
Nắng mưa nào...
Những sớm trưa cung đàn!
Trái lòng theo dặm quan san
Nghe tẻ tái
Nói niềm mang phận người!*

*Kể từ độ ấy em ơi
Trời Vạn Xuân đã lạnh lời phù vân
Suối nguồn lệ cũ băng khuâng
Nghe âm ba vọng hồn dân tộc mình.*

*Thì thôi đây...
Chuyện đã đành,
Thì thôi nhĩ,
Gió qua màn tuyết sương!
Một mai,
Rời nữa... còn hương
Đêm tàn rụng ánh trời Phương Nam hồng.*

*Thì đây núi
Thì đây sông
Thì đây muôn vạn tâm lòng nở hoa
Hoàng hôn thế kỷ đi qua
Còn đâu bóng đổ chiều xa gập ghềnh.*

*Cuối mùa hoạn lộ lênh đênh
Bên trời chim thức ngày lên an bình
Còn đây,
Vội cả niềm tin
Và còn đây,
Vạn khối tình quê hương.*

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

Câu chuyện về tắm Phật

THÍCH QUẢNG AN



Vẫn như mọi năm, tháng Tư âm lịch ngày trăng tròn là ngày kỉ niệm Đức Phật đản sanh. Theo truyền thống Phật giáo thì vào ngày này các chùa chiền, tự viện đều trang nghiêm thiết trí lễ đài, tiến hành các khóa lễ để chào mừng ngày Đức Phật ra đời.

Một trong các nghi thức đó là buổi lễ "tắm Phật". Và vị Phật tử trên cũng rất trông mong ngày này, ngày mà tất cả người con Phật đều hướng về Đấng từ phụ để tưởng nhớ, để hoài ân và để noi theo Ngài mà tu tập.

Có một người đã là Phật tử rất lâu năm, có thể nói là rất "thuần thành Tam Bảo", mọi thời khóa tu học ở chùa dành cho Phật tử tại gia Bác ấy đều tham dự đầy đủ; từ tụng kinh, bái sám, khóa tu Bát quan trai giới, niệm Phật một ngày cho đến những ngày lễ vía Bác ấy đều không thiếu ngày nào. Nếu có bằng tuyến dương công đức cho việc tham dự các khóa lễ thì có lẽ Bác ấy là người xứng đáng nhất.

Vẫn như mọi năm, tháng Tư âm lịch ngày trăng tròn là ngày kỉ niệm Đức Phật đản sanh. Theo truyền thống Phật giáo thì vào ngày này các chùa chiền, tự viện đều trang nghiêm thiết trí lễ đài, tiến hành các khóa lễ để chào mừng ngày Đức Phật ra đời. Một trong các nghi thức đó là buổi lễ "tắm Phật." Và vị Phật tử trên cũng rất trông mong ngày này, ngày mà tất cả người con Phật đều hướng về Đấng từ phụ để tưởng nhớ, để hoài ân và để noi theo Ngài mà tu tập.

Sáng sớm, khi mà gia đình vẫn còn an giấc trong căn phòng ấm cúng, trong cái say ngủ của bản năng con người thì Bác đã dậy tự lúc nào. Có lẽ đêm qua Bác không ngủ được?! Do tuổi già hay là đã trần trọc cho buổi lễ tắm Phật vào hôm sau? Bác là vậy đó, ở Bác có cái chất của một người nhìn xa, một người luôn mong muốn cho mọi việc đều thuận lợi và suông sẻ. Chính vì thế mà trông Bác chênh hơn nhiều so với tuổi, so với khả năng linh hoạt của tay chân.

Lên phòng của anh Thanh-cháu nội của Bác, Bác khẽ lay để đánh thức anh dậy. Trong anh vẫn còn có vẻ mệt mỏi do tối qua đi làm về khuya, nhưng vì đã hứa với Bác vào tuần trước và anh cũng rất mực thương Bác nên không thể từ chối. Sau khi hai người vệ sinh cá nhân sạch sẽ, anh Thanh chờ Bác đến ngôi chùa quen thuộc mà Bác vẫn hay đi. Cũng vẫn

là con đường ấy, không khí ấy, những con người luôn tấp nập qua lại; vẫn là những âm thanh của tiếng xe máy, của tiếng người gọi nhau ý ới, của người bán kẻ mua, của những tạp âm trong khuôn viên chợ đời. Nhưng hôm nay có cái gì đó thật khác lạ, cái gì đó tâm linh mà làm xao xuyến lòng của những người con Phật.

Con đường dẫn vào chùa được trang trí theo phong cách của cổ đô, những chiếc đèn mang bản sắc riêng của Huế làm sáng rực thêm cái không gian nhộn nhịp của phố phường xen lẫn cái trầm mặc nhưng đầy tình của con người. Cờ phướn, băng-rôn được treo dài dẫn lối vào chùa để chào mừng ngày Phật đản sanh, ngày nhân loại vui chung, ngày thế giới đón chào bậc vĩ nhân xuất hiện.

Hôm nay vì đường khá đông và xe lại tắc máy nên Bác đã không đến kịp để tham dự buổi lễ tắm Phật. Bác buồn lắm, tiếc lắm nhưng cũng đành chịu. Thôi thì không tham dự được lễ nhưng cũng đến để tắm Phật theo nghi thức thì cũng mãn nguyện rồi.

Vào chùa gặp Thầy trụ trì đang từ chánh điện đi xuống, Bác bước tới xá chào Thầy rồi hỏi thăm về buổi lễ. Thầy trụ trì hỏi Bác tại sao hôm nay đến trễ vậy thì Bác kể câu chuyện từ kẹt xe, cho đến xe tắc máy giữa đường rồi gặp phải ông sửa xe mất lịch sự. Nét mặt thể hiện sự bức dọc, không vừa lòng và bất mãn với những chuyện mà sáng nay Bác gặp phải. Như hiểu được vấn đề, Thầy trụ trì mời Bác vào phòng khách và bắt đầu câu chuyện.

Thầy trụ trì (Thầy): Thôi thì mọi chuyện đã qua rồi, Bác hãy để cho nó qua và bây giờ là đến chùa để tắm Phật nhân ngày Phật đản, hãy để cho thân và tâm của mình thanh thản và tịnh khiết chứ!

Bác Phật tử (PT): Dạ con cũng biết như vậy thưa Thầy, nhưng con không tham dự được buổi lễ quan trọng như vậy trong năm làm con thấy khó chịu lắm ạ. Là Phật tử, con của Đức Phật mà ngày kỉ niệm Ngài đản sanh lại không về làm lễ, không tham dự lễ tắm Phật thì quả thật là chẳng đúng chút nào.

Thầy: Đúng! Nhưng theo Bác nghĩ lễ tắm Phật là như thế nào? Và người Phật tử cần phải làm gì vào ngày đó?

PT: Thưa Thầy, theo con biết thì trong kinh tạng ghi lại rằng khi Hoàng hậu Ma-da hạ

sanh Thái tử Tất-đạt-đa thì trên không trung có hai dòng nước của chư thiên một ấm-một mát, rưới xuống tắm cho hoàng hậu và thái tử. Sau này nghi thức này được đưa vào truyền thống của Phật giáo, và vào những ngày này người Phật tử đến chùa thực hiện nghi lễ tắm Phật để tưởng nhớ về Ngài và bày tỏ niềm tôn kính sâu sắc đối với Ngài.

Thầy: Vàng, nhưng Bác có hiểu được ý nghĩa thực sự của nghi thức là gì không?

PT: Dạ...dạ...! Mong Thầy giải thích thêm cho con được rõ ạ.

Thầy: Thực chất thì lễ tắm Phật không chỉ đơn thuần là thực hiện nghi lễ tắm với một tượng Phật đàn sanh, với những chậu nước đã chuẩn bị sẵn. Phật bên ngoài chỉ là xi măng, đất, đồng hay một chất liệu nào đó mà thôi; nước bên ngoài chỉ tẩy rửa được những cấu bẩn bên ngoài. Cái cốt yếu là Phật ở nơi tự thân của chúng ta, "tắm Phật" ở đây là "tắm" vị Phật ở nơi mình. Vậy Bác đã "tắm Phật" của Bác chưa?

PT: Dạ rồi, sáng nay trước khi đi con và cháu con đã tắm rửa sạch sẽ rồi ạ.

Thầy: (Cười) Ý Thầy không phải là vậy, mà là "tắm" vị Phật bên trong của Bác ấy. Bác "tắm" vị Phật bên trong của Bác là Bác rửa sạch mọi phiền não của tâm, mọi tham lam, giận hờn, đố kỵ, bực dọc, hơn thua, ganh ghét,... của chính Bác bằng nước của sự tu tập, của sự bố thí, của lòng từ, của trí tuệ chứ không phải là lấy nước tắm cho một tượng Phật đàn sanh được thiết trí trang nghiêm trên chánh điện. Bác phải "tắm" cho thân hành, khẩu phát và ý nghĩ của mình được thanh tịnh, tránh đem đến nỗi khổ niềm đau cho chính mình và mọi người.

PT: Nhưng thưa Thầy, con thấy khó quá ạ.

Thầy: Khó thì mới gọi là tu, chứ dễ thì ai nói làm gì.

PT: Vậy, những ngày này con khỏi cần đến chùa hỏi Thầy, chỉ cần ở nhà và "tắm" cho vị Phật nơi chính mình là được rồi?

Thầy: Hiểu như vậy lại là một thái độ tiêu cực, ảnh hưởng đến sự tồn vong của Phật pháp. Nếu không có chùa, không có tượng Phật, không có kinh kệ, không có chư Tăng, không có những nghi thức Phật giáo thì quý Phật tử lấy đâu làm nơi nương tựa tâm linh, lấy ai là người hướng dẫn trên bước đường tu học, tìm về với vị Phật nơi chính mình. Không có tâm thì tướng là những thứ vô dụng, không có tướng thì tâm lấy gì y cứ mà sanh khởi bồ đề. Vậy Phật bên trong muốn khai sáng thì phải cần tượng bên ngoài, tượng bên ngoài muốn nâng cao được giá trị tôn nghiêm thì tâm bên trong phải kính thờ và chánh tín. Tượng là chỗ để tâm hướng về, tâm là yếu tố quan trọng nhất nếu muốn tượng tồn tại. Hai nhưng lại là một, một nhưng lại là hai. Cái này có vì cái kia có, cái này không vì cái kia cũng không. "Tắm Phật" bên ngoài để nhắc nhở rằng bên trong vẫn có Phật, "tắm Phật" bên ngoài một lần

nhưng "tắm Phật" bên trong phải thường xuyên. Phải tắm từng ngày, từng giờ, từng phút thậm chí là từng mỗi sát-na. Ở chùa, mỗi năm chỉ tổ chức một lần "tắm Phật" vào ngày kỉ niệm Phật đàn sanh, nhưng ở nhà Bác có nhiều cơ hội để "tắm rửa" vị Phật nơi chính mình hằng ngày. Bác cứ nghĩ thân thể Bác chính là tượng bên ngoài, tâm thức Bác chính là Phật bên trong. Khi Bác tắm cho thân thể Bác tức là Bác đang tắm cho tượng bên ngoài. Tượng bên ngoài tác động đến Phật bên trong và Bác quán tưởng, đó chính là lúc Bác "tắm" cho Phật ở nơi mình. Mọi phiền não cấu uế giận hờn hãy để cho dòng nước của buông bỏ, của từ bi, của trí tuệ cuốn trôi ra khỏi tâm thức cũng như nước cuốn trôi đi những chất bẩn bên ngoài cơ thể. Thực tập hằng ngày, tức là lúc nào Phật cũng đàn sanh, lúc nào Bác cũng được "tắm Phật" đấy ạ.

PT: Dạ, thật là vi diệu! Chắc ngày nào con cũng phải tắm từ năm đến mười lần thưa Thầy.

Thầy: Bác lại hiểu lầm ý của Thầy nữa rồi. Tắm nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe đâu Bác ạ. Một ngày Bác tắm từ năm đến mười lần thì thật là lãng phí nước lắm đấy. Hãy trân quý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên Bác ạ!

"Tắm" mà Thầy nói ở đây là Bác phải tắm trong mọi lúc mọi nơi; "tắm" ở những nơi đông người, "tắm" ở những nơi nghịch cảnh, "tắm" những lúc vui hay là "tắm" những khi buồn và thậm chí là "tắm" ngay cả những khi Bác thành công rực rỡ nữa đấy ạ. "Tắm" ở đây là Bác phải giữ tâm mình bình thản trước những biến động của thế sự, của cuộc đời. Có khi đó là hạnh phúc, là niềm vui, là sự sung sướng; nhưng cũng có lúc đó là mất mát, là nỗi khổ, là niềm đau đớn tột cùng. Các pháp đều vô thường nhưng nếu Bác bình tâm và hiểu sâu sắc về nó thì Bác thật sự là đang "tắm Phật" hằng ngày đấy ạ.

PT: Dạ, con cảm ơn Thầy đã khai mở cho con nhiều vấn đề. Nhân mùa Phật đàn con xin kính chúc Thầy luôn được Pháp thể khinh an, là người Thầy soi sáng dẫn đường cho chúng con trên bước đường tu học Phật pháp. Cũng đã trưa rồi, con xin phép Thầy cho con được lên chánh điện để tắm Phật, sau đó còn phải đi với cháu con ra chỗ sửa xe hỏi sáng hỏi xem tại sao sửa cả tiếng đồng hồ mà không xong chiếc xe. Chắc là muốn "ăn tiền" đây, làm ăn mà tham lam như vậy là không được Thầy nhỉ? Thôi chào Thầy con đi ạ!

Thầy chưa kịp nói lời cuối, Bác ấy đã đi ngay lên chánh điện rồi đụng phải một người từ trên đi xuống, do bất cẩn nên đụng nhằm phải Bác ấy, không chần chừ Bác ấy quát: "Mắt mũi để đâu vậy hả? Người to đùng như vậy mà không thấy à?"

Thầy từ xa trông thấy chỉ biết cười nhẹ và nói: "Thật là...!...!...! Ừ, "tắm Phật" mà!

Thích Quảng An
VHPG

Trời buộc từ đâu?

HUỆ TRẦN



Khi công tử A-Nậu-Lầu-Đà thưa với thân mẫu là cậu muốn xuất gia thì bà mẹ không ngạc nhiên nhưng rất lo lắng và buồn khổ.

Không ngạc nhiên vì bà biết lâu nay hai người con trai của bà rất siêng năng tìm đến nơi Đức Phật thuyết pháp khi Ngài cùng tăng đoàn dừng chân tại thị trấn nơi họ cư ngụ. Chính bản thân bà, khi đến nghe Phật thuyết, bà cũng cảm thấy rung động vì những lời dạy từ bi, và đáng vẻ uy nghiêm, thanh thoát toát ra từ Đức Phật.

Phật cùng tăng đoàn đã rời vương quốc này, đi về hướng Câu-Tát-La mấy ngày nay rồi mà bà còn tưởng nhớ tới những lời Phật dạy.

Nhưng bà chỉ có hai người con trai mà bà yêu quý nhất trên đời, nếu con bà xuất gia theo Phật, bà sẽ nương tựa vào đâu?

Công tử A-Nậu-Lầu-Đà đã trấn an hiền mẫu là, nếu được theo Phật tu học cậu sẽ trở thành một người giác ngộ, một người giải thoát khỏi mọi phiền não thế gian. Đó có phải là điều mà người mẹ nào cũng mong muốn cho con mình đạt được hay không?

Tận đáy thâm tâm, người mẹ cũng biết như thế, nhưng chưa thoát ra khỏi tình yêu vị kỷ. Bà vớt vát bằng một điều kiện, là bà bằng lòng cho cậu xuất gia nếu cậu rủ được Tổng trấn Bạt-Đề cùng đi.

Khi ra điều kiện đó, bà có nhiều hy vọng giữ được con, vì Tổng trấn Bạt-Đề - bạn thân thiết của con bà - là người giàu sang, quyền thế tốt bụng, làm sao có thể rủ bỏ tất cả để cùng con bà xuất gia theo Phật?

Ấy thế mà ba ngày sau công tử A-Nậu-Lầu-Đà về nhà, hớn hờ nói với mẹ rằng Tổng trấn

Bạt-Đề chỉ cần bảy ngày để thu xếp công việc rồi sẽ cùng cậu xuất gia!

Trên đường tìm đến nơi Phật đang thuyết giảng, họ rủ thêm được mấy người bạn nữa, cũng thuộc giòng dõi quý tộc và cùng trang lứa thanh xuân. Chiếc xe tứ mã đưa nhóm người trẻ đi cầu đạo, rộn rã tiếng cười vui hòa cùng nhịp vó loóc coóc như nhạc đệm của bản trường ca ngân vang bất tận.....

Khi qua khỏi khu rừng thưa, đến đầu một thôn xóm, công tử Bạt-Đề dừng cương, nhìn một lượt khắp các bạn rồi bỗng phá lên cười sặc sụa. A-Nậu-Lầu-Đà hỏi bạn:

- Có điều chi mà huynh dừng xe, cười dữ vậy?

- Không buồn cười sao được, này, chúng ta hãy đều tự nhìn lại mình xem, có ai đi xuất gia tu học mà ăn mặc sang trọng như vậy không? Mũ áo xanh sang chưa đủ, còn vòng vàng châu ngọc đeo đầy người thế kia! Chúng ta không định làm trò cười đấy chứ?

Bấy giờ, ai nấy đều xuống xe, xăm soi, ngắm nghĩa mình và rồi tất cả cùng rũ ra cười.

Quả đúng như công tử Bạt-Đề nói, họ còn trẻ trung, năng động nên quá vô tâm, đi xuất gia mà vẫn trang phục như đi du xuân ngắm cảnh.

Thế là họ cùng đồng ý buộc giầy cương chiếc xe tứ mã vào cây sồi ven đường, cởi bỏ áo quần sang trọng, chỉ mặc bộ đơn giản nhất, bao nhiêu bạc vàng châu báu cũng trút hết, cho vào một túi vải, và cùng tiến về thôn làng trước mắt với ý định sẽ trao tặng cho những người nghèo khổ trong làng.

Nhưng ngay trên con đường đất đỏ dẫn vào làng, họ thấy một quán lá xiêu vẹo. Đó là quán hớt tóc của một thanh niên trạc tuổi họ, gương mặt sáng sủa khôi ngô nhưng áo quần thì rách rưới, nghèo nàn.

Họ ghé vào quán, hỏi đường tới biên giới vương quốc Câu-Tát-La.

Người đó biết ngay là họ muốn tìm tới nơi Đức Phật đang thuyết giảng vì mấy ngày nay cũng có nhiều người đi tới đây, rồi không biết phải rẽ hướng nào mới tới biên giới Câu-Tát-La.

Sau khi được chỉ đường rất ân cần, cẩn kẽ, công tử A-Nậu-Lầu-Đà đại diện các bạn, tặng người hớt tóc nghèo khổ gói châu báu và tất cả áo quần sang trọng cùng chiếc xe tứ mã, vì từ nay họ không còn cần tới nữa.

Người hớt tóc đứng lặng, ôm gói châu báu,



nhìn theo những vị công tử khuất dần sau cánh rừng thưa.

Mở túi vải ra, người ấy rụng rời, sửng sốt.

Chưa từng bao giờ trong đời, người ấy được nhìn thấy những vòng xuyên lộng lấy thể này, chứ đừng nói là được chạm vào, được sờ vào! Nay, không những được thấy, được cầm, mà tất cả những trang sức đắt giá này đều thuộc về mình.

Người đó cảm thấy sung sướng đến muốn ngất đi. Thôi, từ nay hết nghèo, hết đói, hết bị xua đuổi khinh khi.

Người ấy ngồi bệt ngay trên nền đất, ôm chặt gói châu báu mà mơ màng tận hưởng.

Nhưng rồi người ấy chợt tỉnh, đứng bật dậy, hốt hoảng nhìn quanh.

May mà xung quanh vắng lặng, không một bóng người chứ nếu có ai biết, ai thấy người ấy đang ôm gói châu báu trong tay thì chắc chắn mạng này chẳng còn!

Lại nữa, với bạc vàng của cải như vậy, làm sao người ấy có thể an giấc trong đêm nơi chòi lá trống trải này? Biết cất giấu ở đâu? Nếu muốn hưởng cũng làm sao để hưởng, khi từ xưa, người ấy đã thuộc ngoại cấp, nghĩa là giai cấp nghèo hèn tận cùng trong xã hội? Quan quyền sẽ đến tra vấn và dù có nói thật cũng không ai tin lời một người cùng đinh.

Những dấu hỏi kinh khủng này khiến người ấy run rẩy, mồ hôi toát ra như tắm vì sợ hãi.

Người ấy chợt nhận ra rằng, chỉ dăm phút trước đây thôi, tuy nghèo khổ nhưng an vui thanh thản. Dăm phút sau, có cả một tài sản lớn lao trong tay mà bất an, hốt hoảng, lo sợ tứ bề!

Người ấy cũng lại nghĩ, những vị công tử giòng dõi quyền quý kia, tài sản của họ hẳn có gấp trăm lần thế này mà họ bỏ hết, đi tìm Phật, thì chắc là những gì Phật sẽ cho họ phải lớn lao vô cùng so với tài sản kia. Còn ta, ta nghèo quá, chẳng có gì phải bỏ, còn không theo bước họ, tính đợi đến bao giờ?

Nghĩ tới thế, tâm người ấy lập tức trở lại trạng thái bình an, vui vẻ.

Người ấy nhìn quanh rồi chọn một nhánh liễu cao, buộc gói châu báu trên đó với ý nghĩ, ai tìm thấy trước sẽ là sở hữu chủ.

Rồi chẳng buồn nhìn lại thôn xóm, người ấy ba chân bốn cẳng chạy về hướng biên giới Câu-Tát-La, mong bắt kịp nhóm vương tử để được đi cùng.

Sau này, người ấy chính là Tôn Giả Ưu Ba Ly - giới luật đệ nhất - là một, trong mười đại đệ tử xuất sắc được hầu cận bên Phật.

Nghe câu chuyện này, chúng ta có dành ra đôi phút để tự hỏi: "Trời buộc từ đâu?" hay không?

Huệ Trân

(Như-Thị-Am, đêm trăng 16)

GÓA PHỤ

*Con chim nhào chết khô trên cửa,
Cửa đóng tự ngàn năm bất âm,
Như đạo bùa thiêng yểm cổ mộ,
Sao người khai giải chưa về thăm?*

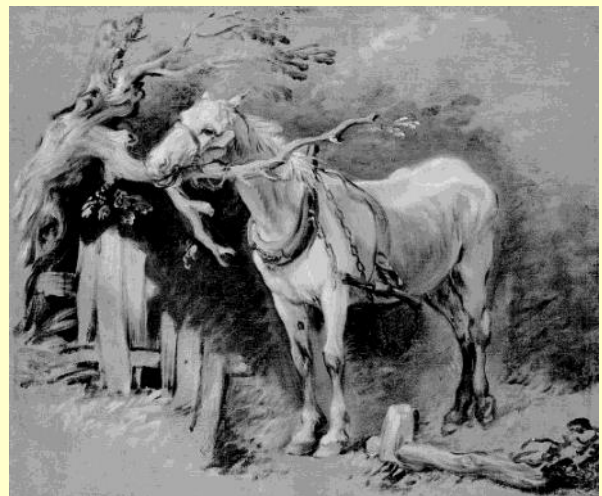
*Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn,
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ,
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chân*

*Em đọc thoại lời kinh ánh xanh,
Trăng lu, khuya mỗi, nén nhang tàn
Chó tru thăm thẳm ngậy thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lẩn.*

*Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em
Tim đập đuổi ngoài thân nổi lạnh
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm.*

*Cỏ cây sống chết há ta thán
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh?
Thằng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.*

thơ TÔ THÙY YÊN



ĐƯỜNG VÀ CÁC CHẤT NGỌT

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



Được tinh chế vào khoảng từ thế kỷ thứ IV tới thế kỷ thứ VII ở Cận Đông, đường là món ăn hiếm quý chỉ dành riêng cho hàng vương giả thời đó. Ngày nay, đường là một gia vị rất phổ biến, giá tương đối rẻ và được sản xuất khắp nơi từ những nguồn thực vật như mía, củ cải.

Đường được dùng trong các bữa ăn một cách rất quen thuộc, tự nhiên:

- Nấu một nồi canh tôm, một nồi phở thì các bà nội trợ thường cho một thìa đường để làm ngọt nước.

- Pha dầu trộn xà lách thêm một chút đường cho giảm bớt chua và tạo thêm hương vị.

- Sau bữa ăn, một miếng bánh ngọt để tráng miệng thì ai cũng thích.

- Trẻ con khóc nhè chỉ cần một viên kẹo là có thể khiến chúng bỏ qua mọi việc.

Ngoài việc sử dụng trực tiếp, đường còn hiện diện một cách kín đáo trong nhiều loại thực phẩm chế biến hoặc được phẩm.

Các loại chất ngọt

Cùng với tinh bột và chất xơ, đường thuộc nhóm chất dinh dưỡng carbohydrat và là nguồn năng lượng lớn cho cơ thể. Đường hòa tan trong nước, có nhiều trong thực vật, được cấu tạo bởi sự liên kết của các phân tử carbon, oxy và hydro.

"Đường" là tên gọi chung cho nhiều chất ngọt có tên hóa học khác nhau.

Có hai nhóm đường: đường đơn và đường kép.

Đường đơn có một đơn vị đường là fructose, glucose và galactose. Đường kép gồm có hai đường đôi kết hợp với nhau, như là:

sucrose= glucose+ fructose

lactose= glucose+ galactose

maltose= glucose+ glucose

Tất cả các loại đường đều có công dụng như nhau. Fructose có tự nhiên trong trái cây; lactose có tự nhiên trong sữa.

Ngoài ra chất ngọt còn có trong mật ong, mật ong, đường vàng, mật mía. Mật ong là một hỗn hợp của các đường fructose, glucose, sucrose do ong sản xuất.

Các nhà dinh dưỡng phân biệt đường tự nhiên có trong rau trái, và đường tinh chế là dạng cho thêm vào thực phẩm khi nấu nướng hoặc khi ăn uống.

Đường tự nhiên trong rau trái có kèm theo

nhiều sinh tố, khoáng chất, chất xơ... Đường tinh chế có rất ít kalori, không có chất dinh dưỡng nhưng thỏa mãn khẩu vị vì làm tăng phẩm chất của nhiều thực phẩm.

Đường tinh chế thường được sử dụng là loại đường trắng sucrose, được tinh chế từ cây mía đường và củ cải đường.

Mặc dù mới chỉ được sản xuất hàng loạt từ thế kỷ thứ 15 nhưng đường trắng đã nhanh chóng trở thành gia vị ưa thích của dân chúng đồng thời cũng là nguyên gây ra tình trạng hư răng của nhiều thế hệ.

Tinh chế đường

Một cách tổng quát, đường trắng được tinh chế như sau:

Chất ngọt của mía hoặc củ cải được ép ra, pha thêm một chút nước chanh rồi đun nóng để loại bỏ tạp chất. Làm dung dịch bốc hơi để trở thành đặc sệt hoặc tinh thể đường thô. Giai đoạn cuối là tinh chế đường thô với than để có đường trắng sucrose.

Trong các giai đoạn chế biến, đường thiên nhiên đã mất đi một số chất khoáng như đồng, kẽm, cobalt, chrom, magan có trong mía và củ cải. Bột ngô được thêm vào đường trong khi gói để đường khỏi dính với nhau. Người bị dị ứng với ngô (bắp) nên lưu ý điểm này để tránh rắc rối.

Một gram đường cung cấp 4 kalori. Một thìa canh đường khoảng 11g có 45 kalori; một gói nhỏ đường để trên bàn ăn trong nhà hàng cung cấp 25 kalori.

Dạng đường

Có nhiều dạng đường khác nhau:

- Đường cát trắng ở dạng tinh thể nhỏ, mau tan, rất ngọt, được dùng trong việc nấu nướng. Dạng này cũng được đúc thành từng viên vuông nhỏ để uống trà hoặc cà phê. Ngoài ra còn đường cát vàng màu vàng sậm có vẻ thô xấu hơn nhưng rất ngọt; đường cát mỡ gà không được tinh khiết lắm;
- Đường mịn để làm kem trứng;
- Đường bột có pha thêm bột ngô để hút ẩm, được dùng làm bánh ngọt;
- Đường nấu chỉ mới tinh chế một phần, có hương vị riêng;
- Đường phèn kết tinh từng miếng lớn, không gợn đục;
- Đường phỉ được chế biến từ đường cát, xốp

- đóng thành từng bánh màu trắng;
- g. Đường phen, tãng hoặc đường thê ở dạng bánh dài dùng làm gia vị hoặc nấu chè, làm bánh.
 - h. Mật đường (Molasse) là nước ngọt dạng đặc sệt màu đen, được thải ra từ đường mía trong khi lọc lấy đường kết tinh. Đường này thường được dùng để làm thực phẩm cho gia súc;
 - i. Đường cây thích là đường mật ngọt lấy từ nhựa cây Thích (maple) được dùng trong việc làm bánh kếp (pancakes) hoặc bánh quế (waffles).
 - j. Mật ngô chế bằng cách nấu tinh bột ngô với acid hydrochloric, dùng làm ngọt thực phẩm hoặc phết lên bánh mì, bánh kết.
 - k. Sucrose là loại đường đôi (disaccharide) do hai đường đơn glucose và fructose kết hợp. Glucose là đường trong máu hay trong trái nho. Fructose là chất ngọt tự nhiên trong nhiều loại trái cây.
 - l. Fructose, còn gọi là đường trái cây (fruit sugar), vì là dạng đường có tự nhiên trong hầu hết các loại trái cây và mật ong. Loại đường này có độ ngọt gấp đôi đường glucose và rất dễ tiêu hóa.
 - m. Khi ăn, fructose được hấp thụ vào máu chậm hơn các loại đường khác nên không gây xáo trộn cho việc tiết ra insulin từ tụy tạng và không gây mất cân bằng mức độ đường trong máu.
 - n. Dextrose là đường tinh chế từ bắp (ngô), thường được dùng trong kỹ nghệ thực phẩm. Đường này gần giống như glucose. Mật ngô (corn syrup) có dextrose và một ít fructose, giá rẻ hơn đường trắng, thường được dùng trong kỹ nghệ đóng hộp thực phẩm.
 - o. Nước ta có đường mía lau sản xuất nhiều ở Quảng Ngãi nhưng lại được tiêu thụ nhiều ở Quảng Nam, Thừa Thiên. Loại đường này rất mềm, khó giữ lâu, nhiều khi chỉ cầm trên tay đã mềm chảy ra.

Sử dụng đường

Đường như mục đích của thiên nhiên khi thêm vị ngọt vào một số thực phẩm là để khuyến khích ta dùng thêm sinh tố, khoáng chất và chất xơ trong thực phẩm đó. Nhưng việc con người tinh chế đường từ một vài loại thực vật rồi sử dụng quá nhiều chẳng mang lại ích lợi gì mà đôi khi còn gây nguy hại cho sức khỏe.

Đường có nhiều tác dụng khác nhau trong các món ăn thức uống. Nó tạo ra một cảm giác thú vị khi dùng vừa phải và đúng chỗ, đúng lúc. Nó cũng giúp cất giữ thực phẩm.

Đường được dùng hàng ngày trong việc nấu nướng và được sử dụng thêm trong nước ngọt, cà rem, bánh kẹo và trong thức ăn mặn như thịt nguội, súp đóng hộp, nước xốt, dưa chuột chua, mayonaise, và bánh mì ngọt.

Hai phần ba lượng đường sản xuất trên thế

NGƯỜI ĐI

*Người đi ngàn năm trước
Pháp ở lại trần gian
lòng nhớ tiếng chuông xưa
nơi quê nhà còn ngân*

CON ĐƯỜNG

*Người là Phật đã thành
ta là Phật đang thành
em mang thơ cứu rỗi
con đường xa thành gán*

SÁM HỐI

*ta ngày đêm sám hối
vì suốt đời yêu em
tham sân thơ cứu rỗi
vẫn còn một chữ si.*

thơ

LÊ MINH HIỀN



giới được dùng trong công nghệ chế biến thực phẩm, đặc biệt là trong các loại nước ngọt. Một phần ba được dùng trực tiếp như khi uống cà phê, nấu chè, trong bánh ngọt.

Trong thực phẩm đóng hộp, đường được ghi dưới nhiều tên khác nhau nên khi mua, ta cần đọc kỹ nhãn hiệu.

Con người hầu như bị đường thụ hút một cách mạnh mẽ. Có lẽ vì vị ngọt hấp dẫn của nó hoặc vì cảm giác thỏa mãn, nhiều sinh lực sau khi dùng.

Vừa đưa vào miệng, đường đã hòa tan rất nhanh trong nước miếng và sau đó được hấp thụ ngay vào máu. Ta thấy như tỉnh người lên, có cảm giác tràn đầy sinh lực, giống như sau khi uống rượu hay hít bạch phiến vậy. Đó là vì lượng đường trong máu tăng lên nhanh và rõ rệt.

Nhưng việc sử dụng đường, nhất là khi dùng quá nhiều, cũng dẫn đến nhiều rủi ro cho sức khỏe. Như là hư răng, tăng nguy cơ béo phì, đặc biệt nguy hiểm với những người mắc bệnh tiểu đường hay các bệnh tim mạch./.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



VÔ TƯỚNG

Trai đường hôm ấy thật vui và thoải mái, mọi người tâm phục khẩu phục với những giải đáp của thầy. Đặc biệt với câu hỏi: "Rốt cuộc Quán Thế Âm Bồ Tát là nam hay nữ?"

Thầy nhìn một lượt rồi thong thả nói:

- Nước ở sông thì dài, ở biển thì rộng, ở không trung là hơi, nếu ở không độ thì cứng...

Tới đây thầy ngưng, mọi người vẫn chưa hiểu mấy nên giục:

- Nghĩa là sao hả thầy?

Mắt thầy sáng rỡ, giọng thầy trở nên chắc nịch:

- Vì nó vô tướng, Bồ tát cũng vậy, tùy tâm niệm chúng sanh mà hiện tướng!

MỒ TỤNG KINH

Tuổi ngoài trung niên, mỗ thấy cái già đã đến bèn sanh tâm tu. Ngày ngày mỗ tụng mấy mươi trang kinh, thở hổn hển, mặt bết hơi, thân tâm bài hoại... Thầy biết được kêu lại:

- Tu như anh chắc không ai dám theo Phật!

Mồ thưa:

- Vậy con phải làm sao?

Thầy bảo:

- Dành thời gian để đọc, nghe... Phật, Pháp nói gì, dạy gì; ngồi xuống điều thân, điều



hơi, tĩnh tâm... Tụng ít thôi, từng bước một, nếu cứ cầm đầu tu mà không học thì uống phí lắm!

Mồ nghe xong như tỉnh cả người chấp tay bái tạ ơn thầy chỉ giáo.

CŨNG LÀ PHƯỚC ĐÂY

Dưới bếp mầy bà vừa làm vừa tám đủ thứ chuyện:

- Tui mua cả chục ký rau, củ mà có mấy ngàn!

Bà khác nói:

- Chưa rề đâu! Hôm qua tui mua chất cả tủ lạnh cũng có mấy trăm bạc.

Ni sư nghe xong nhẹ nhàng bảo:

- Người nông dân bị thương lái Tàu ép giá, phá hoại. Nông sản rề như cho không, không đủ mướn nhân công thu hoạch. Họ bán vớt vát chút đỉnh. Mình nên thương người đừng o ép thêm, tội họ mà tổn phước ta.

Mọi người lặng cả người thưa:

- Chúng con thật nông cạn, cảm ơn ni sư chỉ bảo.

BÊN TRỌNG BÊN KHINH

Thời loạn người làng bỏ xứ lưu vong rất nhiều, một số sang Tây, số qua láng giềng tá túc. Loạn lạc qua đi, người ta tấp nập quay về. Những kẻ bên Tây thì được săn đón, chuốt ngót bằng lời đường mật, người từ xứ láng giềng trở về thì bị hắt hủi, thậm chí không muốn nhìn nhận. Việc này khiến nhiều người bất bình, có kẻ thức giả làm bài về cho trẻ con trong làng hát:

Tính...tình... tang... Cũng là thân phận người ta

Bạc tiền sai xứ mà ra nỗi này

*Kẻ nghèo hắt hủi đắng cay
Chỉ chuyên vô vậ đũa đầy
Mỹ Kim... tình...tang...*

CÓ - KHÔNG

Không biết lưu lạc tự bao giờ, hàng vạn người lênh đênh trên Biển Hồ, cuộc sống vốn bấp bênh theo con nước; đã vậy bị chính quyền sở tại o ép, kỳ thị, kích động thù hằn... Cuộc sống vốn khổ càng thêm điều đứng. Người ta gọi họ là những kẻ: Vô tổ quốc, vô căn cước, vô học, vô nghề nghiệp, vô tương lai... Hôm rồi có tin họ sẽ giải tòa Biển Hồ. Người người lo sợ không biết về đâu. Kỳ giả quốc tế đến phỏng vấn họ đã khóc:

- Cái gì cũng không, chỉ có mỗi cái khổ đau và bất hạnh!

HAI MÀ LÀ MỘT

Gương mặt xinh và làn da đẹp kết bẻ dè biểu:

- Phần hạ thân sao mà ô uế, xấu xa! Tại sao chúng ta lại ở chung với bọn ấy nhỉ?

Hạ thân vừa giận vừa tủi:

- Nếu không có sự ô uế này thì liệu mặt bạn có xinh, da có đẹp được chăng?

Nói xong đình công không làm việc nữa, chỉ mấy ngày thôi mà gương mặt hốc hác, da dẻ xám ngoét... Bấy giờ gương mặt và làn da hồi hận lắm:

- Chúng tớ xin lỗi, chúng ta tuy hai mà một, không có đơ thì cũng không có đẹp, hai mà là một.

Georgia, 4/2017

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH SEN DƯỠNG SINH

Nguyên liệu:

- 3 củ sen
- 100gr táo tàu đỏ khô
- 2 củ carot đà lạt
- 10 tai nấm đông cô
- Vài nhánh ngò rí
- Gia vị: đường, muối

Cách nấu:

Củ sen làm sạch và cắt lát từng khoanh, rồi đem hầm khoảng 30 phút (vì củ sen lâu chín nên phải nấu trước)

Carot làm sạch và cắt lát từng khoanh.

Nấm đông cô ngâm nước muối trước khi cho vào nấu vì để giảm mùi của nấm.

Táo tàu đỏ bạn nên ngâm nước rồi làm sạch.

Sau khi nồi hầm sen chín, bạn hãy cho tiếp carot và nấm đông cô. Khi carot mềm, bạn nêm gia vị theo khẩu vị của bạn. Kế tiếp, hãy cho táo tàu đỏ vào khoảng 5 phút là được. Đừng để lâu quá táo sẽ nở to và những đũa bạn nhé!

Trước khi tắt bếp, hãy cho ngò rí sau cùng.

Nồi canh sẽ có vị ngọt của sen, carot và táo tàu.



XINH XINH

(Ăm Thực Chay)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



HOA VÔ ƯU

*Hoa Vô Ưu, ôi diệu kỳ xinh đẹp
Những cánh hồng ươm sắc đỏ mê say
Sao linh ứng chọn gốc cây tươi thắm
Phật mẫu dẫn sanh Phật của đời này*

*Kìa nhụy vàng cong cong duyên dáng
Sáu cánh hoa kiêu mỹ ngát hương lành
N hư Sáu Ba-la-mật (*) cao quý quá
N hư Lục đại của thế giới tạo thành*

*Hùng cứ phủ che bóng trưa râm mát
Mãi xanh tươi như thuyết Pháp của Ngài
Dưới bóng cây vui một ngày lịch sử
Một vị cứu tinh xuất thế độ đời!*

*Sa la - Vô ưu, chỉ Người tư lự ...
Xót thương, bận lòng: đau khổ thế nhân
Theo Ngài chỉ ánh đạo vàng chiếu rọi
Diệu hương- tinh hoa: Giác ngộ tỏa tràn*

*Lạ lắm nhụy - Dấu hỏi- đời sao khổ?
Che lòng hoa phấn mượt vàng tươi
Nở rực rỡ mừng hài đồng tuyệt thế
Muôn trước nghìn sau chỉ có một thôi!*

*Con mong đi, tìm về nơi gốc cội
Nơi xưa Ngài sớm đặt bước anh minh
Mây gió ru êm bên lòng Phật mẫu
Sữa thanh cao nuôi tâm đạo an lành.*

(*) Sáu Ba-la-mật, tức Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.

HOA ƯU ĐÀM

*Hoa Ưu Đàm linh thiêng giờ ứng hiện
mang điềm lành đến đây từ Trời
ba ngàn năm hy hữu tần hoa nở
mấy ngàn năm con gặp được lời Ngài?*

*Giữa hồng trần trầm luân, bán loạn
tâm linh con về nương dưới Phật đài
bên những đóa sen đẹp của trần ai
hương dẫn lối thom đường về Tuệ Giác*

*Ưu Đàm hiếm quý mỏng manh ,đài các
Kỳ Hoa kia sao nở cho thế gian:
để thanh tịnh những tâm - thân lạc lối
báo điềm Thánh Vương - Giác Ngộ xuống
trần!*

*Lời thơ ai hay "Hoa khai kiến Phật"
trong tâm con hoa nở tự bao giờ?
giúp đời sáng qua muôn trùng khổ não
an lạc làm sao khi ngắm cảnh chùa.*

*Dem mùa Xuân tâm tư tươi vui mãi
Theo Ngài Từ - Bi tế độ quần sinh
thương kẻ đăm mê, đau khổ, Vô minh
cho lòng Bi mẫn - Ngọc tên Như Ý.*

*Ưu Đàm trắng trong pha- lê, tinh túy
ôi! một loài Thiên hoa lạ kỳ sao:
nở rộ cứ vào ba ngàn năm sau
chúng sanh mong, mừng Pháp màu bất diệt!*

thơ **TRẦN KIM CHI**

(Các bài thơ tham dự Ananda Viet Awards)

VỊ "ANH HÙNG ẨN DANH" ĐẰNG SAU CÔNG CUỘC CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN THẾ GIỚI

(Làng Mai - chuyển ngữ từ bài viết "This Buddhist Monk Is An Unsung Hero In The World's Climate Fight" của **Jo Confino** - Tổng biên tập của Huffington Post, đăng ngày 22.01.2016)

Một trong những động lực ở hậu trường dẫn dắt vòng đàm phán Paris và đem lại bản thỏa thuận lịch sử về biến đổi khí hậu là vị thiền sư 89 tuổi người Việt Nam.



Christiana Figueres, kiến trúc sư trưởng của những cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu tại Paris, đã thừa nhận vai trò then chốt của thiền sư Thích Nhất Hạnh trong việc giúp bà phát triển sức mạnh nội tâm, trí tuệ và lòng từ bi cần thiết để có thể thúc đẩy các bên liên quan đi đến Thỏa thuận Paris - một bản thỏa thuận toàn cầu đầu tiên về biến đổi khí hậu được sự thông qua của 196 quốc gia.

Figueres, Tổng thư ký điều hành Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) nói rằng những lời dạy của Thầy đến với bà một cách rất tình cờ khi bà đang trải qua một cuộc khủng hoảng cá nhân sâu sắc cách đây ba năm. ("*Thầy*" là cách gọi thân thương mà hàng trăm ngàn đệ tử trên thế giới dành cho Thiền sư Nhất Hạnh.)

Những giáo lý đạo Phật qua cách diễn bày của Thầy - người hiện đang trong quá trình phục hồi sau một cơn xuất huyết não nghiêm trọng - đã giúp bà đổi diện được với những khó khăn của chính mình trong giai đoạn đó, đồng thời giữ được sự định tâm trong các cuộc đàm phán về khí hậu.

"Tôi cần có một cái gì đó ngay đây, trong tầm tay, để nương vào nếu không tôi không thể nào hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

Một điều quá rõ ràng là lúc ấy tôi không thể có cơ hội để nghỉ ngơi, dù chỉ một ngày. Đó là một cuộc chạy đua kéo dài sáu năm không ngừng, tôi thực sự cần có một cái gì đó để nương tựa. Nếu không được dẫn dắt bởi những lời dạy của thiền sư Thích Nhất Hạnh, tôi đã không thể có được sức mạnh nội tâm, niềm lạc quan sâu sắc, sự tận tâm và niềm cảm hứng mạnh mẽ như vậy" - Figueres chia sẻ với tờ The Huffington Post trong thời gian diễn ra Diễn đàn Kinh tế Thế giới thường niên tại Davos, Thụy Sĩ.

Vậy, Thầy đã dạy cho người phụ nữ này điều gì?

Figueres làm sáng tỏ điều đó qua câu chuyện về chuyến thăm của bà tại Viện Phật học Ứng dụng châu Âu (EIAB) do Thầy thành lập, tại Waldbroel, Đức. Nơi đây đã từng là bệnh viện tâm thần với 700 bệnh nhân cho tới khi Đức Quốc xã (Nazis) xuất hiện, thủ tiêu hoàn toàn những bệnh nhân này và biến nơi đây thành cơ sở cho Đảng thanh niên Hitler (Hitler Youth).

Bà kể rằng Thầy đã chọn nơi này để thành lập tu viện vì "Thầy muốn chỉ ra rằng chuyển hóa niềm đau thành tình thương, nạn nhân thành người chiến thắng, hận thù thành thương yêu và tha thứ là điều có thể làm được. Thầy muốn điều đó được thực hiện ở ngay chính mảnh đất này, nơi đã từng xảy ra những hành động bạo tàn và phi nhân tính."

"Việc làm đầu tiên của Thầy là viết thư cho cộng đồng Phật giáo. Trong thư Thầy nói rằng: Thầy muốn có những trái tim được khâu bằng tay, mỗi trái tim cho mỗi bệnh nhân bị thủ tiêu, để chúng ta có thể bắt đầu chuyển hóa tòa nhà này, không gian này và năng lượng nơi đây"- Figueres chia sẻ tiếp.

"Đó là một câu chuyện vô cùng chấn động đối với tôi. Bởi vì dưới nhiều góc độ, đây chính là hành trình mà chúng tôi đã đi qua để tới được với nhau trong những cuộc đàm phán về khí hậu. Đó là hành trình từ lên án, trách móc lẫn nhau đi tới hợp tác thật sự với nhau. Đó là hành trình từ cảm giác hoàn toàn tê liệt, bất lực, dễ tổn thương đi tới cảm giác thực sự thấy mình có khả năng cùng nhau hành động... Hành trình đó đồng thời đem đến cho tôi rất nhiều trị liệu. Bởi vì ngay chính trong tôi cũng còn có những khó khăn, khổ đau cần được chuyển hóa." Bà nói thêm: "Chưa thể nói rằng tôi đã đi qua giai đoạn khó khăn của cá nhân mình, nhưng tôi sẽ chuyển hóa nó. Tôi cần làm

điều đó cho chính mình.”

Bà tiếp tục chia sẻ: “Tôi cảm nhận đây chính là năng lượng mà những cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu cần phải có. Tôi đã thực sự rất hứng khởi khi được nghe những lời chỉ dạy tuyệt vời như vậy.”

Lần đầu tiên tới cơ sở cũ của Đức Quốc xã, nơi có 400 phòng ở này, Thầy đã viết một bức thư cho những người đã bị giết hại. Lá thư được các thầy, các sư cô sống tại đây đọc lên mỗi ngày:

“Xin hương linh quý vị và các cháu lắng nghe và chứng giám. Bảy mươi năm về trước, người ta đã đối xử rất tệ hại với liệt vị. Nỗi khổ niềm đau rất lớn ấy ít ai thấy được.

Ngày nay Tăng thân đã tới, Tăng thân đã nghe và đã hiểu tất cả những khổ đau tủi nhục và uất ức ấy. Tăng thân đã đi thiền hành, đã ngồi thiền, đã thờ trong chánh niệm, đã trì chú, tụng kinh, thí thực, để cầu ơn trên chư Phật, chư vị Bồ tát, chư vị Tổ sư để quý Ngài hồi hướng công đức vĩ đại của quý ngài cho liệt vị và các cháu, để quý vị và các cháu có cơ hội chuyển hóa, tái sinh ra dưới những hình thức mới. Những người đã làm khổ quý vị, họ cũng đã gánh chịu nghiệp quả khổ đau, xin quý vị mở lòng từ bi mà tha thứ cho họ để họ cũng có cơ hội giải thoát và chuyển hóa.

Xin hộ trì cho Tăng thân và cho các thế hệ hành giả kế tiếp, để họ có thể biến nơi này thành một cơ sở thực tập chuyển hóa và tri liệu, không những cho thành phố Waldbroel mà cho cả nước Đức và cả toàn thế giới.”



Thầy được coi là cha đẻ của pháp môn thực tập chánh niệm ở phương Tây, là nhà hoạt động môi trường tích cực từ hơn hai thập kỷ qua. Người đã thành lập nhiều trung tâm thiền tập ở khắp nơi và xây dựng nên một tăng thân xuất sĩ có tốc độ phát triển nhanh nhất trên thế giới. Các nhà lãnh đạo lớn của Mỹ rất kính trọng vị thiền sư này.



Năm ngoái, Chủ tịch Ngân hàng thế giới Jim Yong Kim đã mời Thầy tới trụ sở của tổ chức này tại Washington để hướng dẫn một ngày chánh niệm cho các nhân viên của ông. Cuốn sách yêu thích nhất của ông Kim là cuốn *Phép lạ của sự tỉnh thức* mà Thầy là tác giả. Ông Kim đã ca ngợi sự thực tập của Thầy- vị thiền sư “có sự cảm thông và lòng từ bi sâu sắc đối với những người đau khổ”

Năm 2013, Google cũng mời Thầy tới thăm Silicon Valley và hướng dẫn một ngày thực tập chánh niệm cho các tổng giám đốc của 15 tập đoàn mạnh nhất trên thế giới trong lĩnh vực công nghệ cao. Marc Benioff, giám đốc điều hành của tập đoàn Salesforce - người khổng lồ của lĩnh vực điện toán đám mây (cloud computing) - đã và đang hỗ trợ rất tích cực quá trình hồi phục sức khỏe sau tai biến của Thầy.

Thầy sống một cuộc đời thật phi thường. Năm 1967, Martin Luther King đề cử Thầy cho giải Nobel Hòa bình vì những cống hiến của Thầy giúp chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Trong lí do đề cử của mình, Mục sư Luther King đã tuyên bố: *“Tôi không thấy ai xứng đáng nhận giải thưởng Nobel Hòa bình hơn vị thầy tu Việt Nam hiền lành này. Những tư tưởng vì hòa bình của ông, nếu được áp dụng, sẽ tạo nên một tương đài của tình thân đại đồng, tình huynh đệ và nhân bản.”*

Nguồn:

http://www.huffingtonpost.com/entry/thich-nhat-hanh-paris-climate-agreement_us_56a24b7ae4b076aadcc64321



Xương: **CHƠN TÂM**

*Chơn tâm tịch tĩnh chiếu đêm ngày,
Động tịnh xưa nay, chẳng đổi thay.
Đến đến, đi đi, tùy cảnh hiện,
Cười cười, nói nói, ứng duyên bày.
Không thêm, không bớt, luôn tròn đủ,
Chẳng thiếu, chẳng dư, mãi vẹn đầy.
Tự tại, thong dong, ngồi vạn nẻo,
Niết Bàn, Cực Lạc chính tâm đây!*

Họa: **VỌNG NIỆM**

*Vọng niệm lăng xăng suốt tháng ngày,
Đảo điên, quanh quẩn, lảo đảo thay.
Đi đi, đến đến, thô tâm hiện,
Đứng đứng, ngồi ngồi, vọng nghiệp bày
Sáu cõi luân hồi, từng hội đủ,
Ba đường khổ lụy, cứ huân đây.
Ưu sầu, vất vưởng, tràn muôn nẻo
Địa ngục, u đồ do bởi đây!*

thơ

ĐỌC TỤNG KINH VĂN

*Đọc tụng kinh văn lắng nghiệp trần,
Lời kinh thánh thoát diệt tham sân.
Đèn thiền tỏa chiếu xưa niêm tục,
Đuốc tuệ ngồi soi thấu lẽ chân.
Phật Phật tuyên thuyên kinh liễu nghĩa,
Tăng Tăng trùng tụng pháp chơn âm.
Kinh văn rõ nghĩa, kinh vô tự,
Phản chiếu, hồi quang tâm nhiếp tâm!*

CHÚC HIỀN





Truyện con chó đói

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui lại hữu ích nữa.

Đức Phật liền kể chuyện con "Con Chó Đói" như sau:

"Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán trách. Trời Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần đất theo một con quỳ rất dữ. Trời Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỳ thì biến thành một con chó cao lớn.

Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dội, làm cho lâu đài cung điện đều rung rinh... Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:

"Gã kia, vì cố gì mà con chó tru lên dữ vậy?"

Người thợ săn thưa:
"Tâu Bệ hạ, vì đói nên nó tru.."

Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đền đài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ...

Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:

"Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín?"

Người thợ săn đáp:
"Tâu Bệ hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru."

Quốc vương hỏi:
"Nó ghét kẻ nào?"

Người thợ săn tâu:
"Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo.

Ngày nào trong nước không có dân đói khổ nữa, ngày đó nó mới nín..."

Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn chữa cải, chịu nghe những lời công bình chánh trực."

Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt.

Đức Phật dịu dàng dặn với nhà vua rằng:

"Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được."

Hoàng Minh

Đạo Phật đã cảm hóa những ông vua hung bạo như vua A Dục xứ Ấn Độ, thành những kẻ thương dân mến nước.



Nỗi lòng & Hạnh nguyện của Di Mẫu

THÍCH NỮ HẠNH TÂM

(Truyện cổ sử- Thánh Ni Đại Ái Đạo)

Nhận trọng trách nuôi dưỡng Thái tử Sĩ Đạt Ta, Mahàpajàpati - Gotami không biết mình đã là Di mẫu của một vị Phật tương lai. Và bà hẳn cũng không thể nghĩ có ngày bản thân lại được xuất gia, trở thành vị Ni đầu tiên trong Giáo đoàn Tăng lữ của Sa môn Cồ Đàm.

Khi ấy Gotami chỉ nghĩ đơn giản một điều là vâng theo chiếu chỉ của đức vua Tịnh Phạn và di nguyện của Hoàng hậu Ma Da—người chị ruột vừa qua đời sau khi hạ sanh Thái tử được 7 ngày. Hơn ai hết bà hiểu rõ trách nhiệm một Di mẫu không chỉ đơn thuần là việc nuôi dưỡng một đứa trẻ sơ sinh mà đây là Thái tử, là người sẽ kế vị ngôi vua, là niềm tự hào của cả giòng họ Sakya. Có biết bao đêm lạnh, bao lời dự đoán về tương lai của vị tiểu Thái tử này. Tiên nhân A Tư Đà tử trên núi cao tìm đến chúc mừng và khi nhìn thấy dung mạo đã phải thốt lên: “Nếu làm vua ở thế gian, Thái tử sẽ là một vị Thiên tử xuất chúng, thống lãnh cả giang sơn rộng lớn; còn nếu xuất gia học đạo người sẽ là bậc thầy của ba cõi... là cha lành của muôn loại chúng sanh đang đắm chìm trong sông mê biển khổ.”

Sự kỳ vọng lớn lao được đặt lên đôi vai bé nhỏ, tâm trạng Gotami không tránh khỏi những lúc bồn khoăn nghĩ ngợi. Áp lực là vậy, nhưng với một trái tim nhân hậu lại giàu cảm xúc, bà nhận ra một sợi dây thâm tình vừa được buộc chặt. Đứa trẻ thơ chào đời đã lan tỏa một sức sống diệu kỳ mãnh liệt, một khuôn mặt khô ngô sáng đẹp

như trăng rằm gợi nhớ hình ảnh người chị thân yêu vừa khuất bóng, khiến lòng bà ngouoi ngoài nỗi ưu buồn mất mát. Tình cảm xuất phát tận đáy lòng mang theo niềm vui tràn ngập khi được làm Mẹ— dù là Di Mẫu, Gotami tự nhủ với lòng sẽ yêu thương chăm sóc Thái tử chu đáo như đứa con do mình sanh thành.



Trong suốt nhiều tuần lễ... cung điện Hoàng gia luôn sáng rực ánh đèn, rộn ràng tiếng đàn tiếng trống như đang vào mùa hội lớn. Cũng phải thôi. Nhà vua cùng hoàng tộc đang tiến hành hôn lễ cho Thái tử Sĩ Đạt Ta cùng công chúa Da Du Đà La, con gái Vua Bạch Phạn nước lân bang. Có thể nói lâu lắm rồi Hoàng cung mới có được không khí tưng bừng nào nhiệt đến vậy. Và cũng lâu lắm rồi dân chúng kinh thành Ca Tỳ La Vệ mới tận hưởng niềm vui trọn vẹn khi chứng kiến lễ thành thân của vị Thái

tử mà họ hết lòng kính yêu ngưỡng mộ. Cuộc hôn nhân vương giả của đôi trai tài gái sắc được tổ chức long trọng trong tiếng reo hò chúc tụng của quần thần cùng bàng dân trăm họ...

Người vui nhất không ai khác là vua cha Tịnh Phạn. Sau bao năm chờ đợi, cuối cùng ngày này cũng đến. Sự chờ đợi của nhà vua cũng như bao bậc cha làm mẹ, mong muốn con cái sớm thành gia lập thất. Có khác chăng là sự mong chờ ấy luôn ẩn chứa một nỗi lo sợ vô hình, một chút niềm tin pha lẫn ngỡ vực. Suốt bao năm tháng... chứng kiến từng bước đi đầu đời cho đến những ngày lớn khôn chững chạc của Thái tử, nhà vua không che dấu niềm tự hào kiêu hãnh.

Không tự hào sao được khi mà Sĩ Đạt Ta, đứa con sanh ra với bao điềm lành được báo trước ngày càng tỏ ra thông minh nổi bật hơn hẳn đám trẻ đồng trang lứa. Khi Thái tử được 7 tuổi, nhà vua cho mời các vị danh sư trong nước về dạy và chỉ chưa đầy 5 năm, Sĩ Đạt Ta đã lầu thông cả 5 môn học (Ngôn Ngữ, Lý Luận, Thiên Văn, Y học, Công Kỹ nghệ) cùng 4 bộ Vệ Đà. Những môn học mà ngay cả người trưởng thành lúc bấy giờ cũng khó tiếp thu hết được trong ngần ấy thời gian. Sau đó, Sĩ Đạt Ta học qua các môn võ thuật cung kiếm và đều tỏ ra xuất sắc vượt trội, khiến cho các vị giáo thọ lỗi lạc nhất cũng phải lắc đầu vì không còn gì để chỉ dạy thêm.

Bước qua tuổi trưởng thành, Thái tử là một chàng trai tuấn tú, văn võ song toàn,



khí chất thông thái, phẩm cách đạo đức cũng sớm được bộc lộ qua từng lời nói ứng xử với mọi người. Thái tử có tư cách của người lãnh đạo, có phẩm chất là một minh quân lại có cốt cách của một đạo sĩ. Đó là điều khiến nhà vua lo lắng và luôn tìm mọi cách ngăn trở để Thái tử không phát triển về mặt tâm linh đạo học. Là một người cha, một vị vua, Quốc vương chỉ mong đợi một ngày không xa, Thái tử sẽ ngồi lên chiếc ngai vàng trị vì thiên hạ. Cuộc hôn nhân được cho là sự kết thân của hai vương triều, là sự sắp xếp của người lớn... nhưng trên hết vẫn là tình yêu chân thành của Thái tử dành cho nàng công chúa xinh đẹp dịu dàng. Với tình yêu ấy... năm dài tháng rộng sẽ kết thêm hoa quả ngọt ngào, đủ để gắn chặt Thái tử bên vợ đẹp con ngoan cùng với vương quyền thế lực hùng mạnh.

Sự lo lắng của nhà vua lại khác hẳn với nỗi niềm thầm kín lâu nay của Di Mẫu. Là người trực tiếp nuôi dưỡng Thái tử, bà hiểu rất rõ tính cách của Sĩ Đạt Ta. Xuất thân là một Thái tử quyền quý, nhưng Sĩ Đạt Ta không thích tận hưởng cuộc sống xa hoa giữa chốn hoàng cung tráng lệ mà chỉ tìm đến những nơi thanh vắng để được một mình ngồi trầm tư mặc định. Được nuôi dạy để trở thành người thừa kế ngai vàng, song Thái

tử lại không quan tâm đến vấn đề chính trị thời cuộc dù tài trí năng lực có thừa. Chính cuộc sống có phần khép kín của Thái tử khiến Di Mẫu phải hứng lấy bao lời chỉ trích chê bai. Người ta cho rằng nhân cách của Thái tử là do tuổi thơ sống thiếu vắng tình mẫu tử, là bởi không nhận được sự chăm sóc mặn mà của người kế mẫu. Sau khi Di Mẫu hạ sanh Hoàng tử Nan Đà... mọi người càng khẳng định tình mẹ con của bà đối với Sĩ Đạt Ta đã có ít nhiều sự thay đổi phân biệt.

Bỏ ngoài tai những lời thị phi đàm tiếu, Mahàpajàpati hiểu rõ cuộc sống và tình cảm bà dành cho Thái tử còn sâu xa thăm thiết hơn mọi thứ trên đời. Từ khi Sĩ Đạt Ta còn nhỏ, bà cảm nhận có sự khác biệt qua ánh mắt về nhìn, qua từng lời nói bước đi của Thái tử. Trải qua năm tháng... Sĩ Đạt Ta trưởng thành thì sự cảm nhận của bà càng trở nên xác thực. Cho đến lúc này, khi Thái tử đã yên bề gia thất, vua Tịnh Phạn có thể an tâm hài lòng, bá quan cùng thần dân trăm họ vui sướng về một đấng minh quân trong tương lai. Chỉ có Mahàpajàpati bình tĩnh nhìn sự việc theo chiều hướng khác. Bởi bà hiểu... không có gì, dù đó là những sợi dây thiêng liêng cao cả nhất có thể buộc chặt được trái tim và ý chí xuất trần của bậc đại hùng đại lực.

Kinh Thành Kapilavatthu lại thêm một lần dậy sóng. Đợt sóng lần này cao hơn cả lần Thái tử Sĩ Đạt Ta vượt thành tìm đường

xuất gia học đạo. Đó là một đêm khi mà cả hoàng cung đắm chìm trong giấc ngủ sau bữa tiệc linh đình, Thái tử trở dậy, lén nhìn vợ con lần cuối rồi cùng Xa Nặc và con ngựa Kiền Trắc trốn đi. Sau hơn 7 năm khổ hạnh, Ngài nhận ra con đường trung đạo chính là chân lý diệu mầu đưa đến sự thành tựu đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Sau khi đắc đạo dưới cội bồ đề, bên dòng sông Ni liên Thiển, Đức Thích Ca Mâu Ni rời khỏi Khổ Hạnh Lâm bắt đầu thuyết pháp độ sanh. Chúng đệ tử theo Ngài xuất gia tu tập chứng quả có đến ngàn vị. Hàng phật tử tại gia quy y thọ giáo thì nhiều vô kể, từ giới thượng lưu vua quan hoàng thân quốc thích cho đến kẻ thứ dân cùng đinh trong xã hội. Bấy giờ ai cũng gọi Ngài là Phật, là đức Thế Tôn, là Sa môn Cồ Đàm. Tên Sĩ Đạt Ta chỉ còn là hoài niệm trong tâm tưởng của dòng họ Sakya. Hằng ngày Phật đưa chúng đệ tử đi khát thực. Đây là việc hóa duyên độ sanh của hàng xuất gia, không phân biệt nghèo giàu, không xem trọng thế quyền danh vị ở thế gian. Mỗi ngày ăn một bữa, đêm vào rừng tọa thiền rồi nghỉ lại dưới gốc cây. Lần hồi Sa Môn Cồ Đàm cũng về tới kinh thành Ca Tỳ La vệ.

Người cha già sau bao ngày mỏi mòn đợi chờ, nghe tin con sắp về thì rất vui mừng, trong lòng vua Tịnh Phạn lại thấp lènh chút hy vọng. Bởi vua nghĩ sau nhiều năm thỏa mãn việc tu hành thì Sĩ Đạt Ta lại trở về nhà. Ngai vàng điện ngọc vẫn còn đó. Công chúa Da Du Đà La—



Maha Pajapati Gotami requesting for permission from the Buddha to establish the Order of Nuns (Bhikkhuni Sasana).

người vợ trẻ xinh đẹp bao năm vẫn trung trinh chờ đợi chồng; và đứa con thơ La Hầu La vừa tròn 7 tuổi đang rất nóng lòng gặp người cha vốn chưa một lần nhìn thấy mặt.

Điều làm nhà vua ngạc nhiên là Thái tử không về ngay hoàng cung mà dẫn đoàn đệ tử tuần tự đi vào làng, tay ôm bình bát khất thực xin ăn. Đây quả là một điều si nhục đối với giòng họ Sakya. Không cam lòng thấy con mình hành hạ xác thân như vậy, Vua lệnh cho các quan hậu cần chuẩn bị đầy đủ các món thịt ngon rượu quý để khi thầy trò Thái tử về tới kinh thành sẽ thiết đãi một bữa linh đình. Vua còn cho gọi nàng dâu Da Du Đà La đến dặn dò mọi chuyện. Khi Thái tử về... phải dẫn La Hầu Ha ra gặp cha và bày tỏ niềm nhớ thương ngày đêm mong đợi để Thái tử nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng cha con mà không nở rời xa...

Vừa gặp Phật, vua liền buông lời trách cứ:

- Sao con lại có thể hành xử như thế... thân là một Thái tử lại hạ mình đi ăn xin để sống qua ngày, lại còn tiếp xúc với bọn hạ lưu thì còn gì phẩm giá cao quý của giòng họ nhà ta. Quả thật là một điều si nhục...

Phật trao bình bát cho vua rồi nhẹ lời giải thích:

- Đây là bình bát của Như Lai. Chư Phật quá khứ sau khi chứng đạo đều ôm bát đi xin cơm ngàn nhà để nuôi dưỡng xác thân từ đại này. Nay Như Lai cũng vậy. Tâm Như Lai bình đẳng thì đâu có sự phân biệt giai cấp sang hèn giàu nghèo. Tăng đoàn khất thực với mục đích cao cả là hóa duyên độ chúng. Một bát cơm là một mảnh ruộng để chúng sanh gieo trồng hạt giống phước điền vào đó. Ý nghĩa của việc khất thực là mang lại sự an lạc giải thoát cho mọi người. Đó là hạnh nguyện, là truyền thống cao cả của bậc giác ngộ, sao Phụ vương lại cho đó là điều si nhục...

Vua nghe qua mấy lời

đạo lý sâu xa, trong lòng cũng vơi bớt sự hoài nghi sâu muôn. Suốt mấy ngày, Phật vì vua cha thuyết pháp khiến ông liễu ngộ lý vô thường sanh diệt của đời người, bao nhiêu phiền giận tiêu tan, những điều cố chấp kiêu mạn cũng không còn. Nhờ thiện căn được gieo trồng từ nhiều kiếp, không bao lâu vua chứng sơ quả Tu Đà Hoàn.

Theo lời thỉnh cầu của Di mẫu... Phật vào nội cung thọ trai, sau đó ngài sẽ cùng chư Tăng lên đường tiếp tục cuộc hành trình du phương hóa đạo. Trong 7 ngày lưu lại hoàng cung, Đức Thế Tôn đi thăm viếng các vị hoàng thân quốc thích, thuyết các pháp sanh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã và nhiều người sớm tỏ ngộ xin Phật xuất gia. Nan Đà, con trai của Di mẫu và La Hầu La con của Da Du cũng được Như Lai hóa độ. Điều này khiến vua Tịnh Phạn cảm thấy lo ngại nhưng rồi ông cũng hiểu khổ mà ngăn được dòng thác vô sanh đang tuôn chảy vào những khu rừng bạt ngàn hương hoa tuệ giác.

Từ xa... đoàn Sa môn khất sĩ đang từ từ bước tới, dẫn đầu là đức Thích Ca, hai tay ôm bát, dáng vẻ uy nghiêm mà thông dong tự tại. Bất giác Mahàpajapati - Gotami nghe như có nguồn năng lượng chạy khắp châu thân. Hình ảnh này, dáng vẻ này bà đã nhìn thấy đâu đó... trong tiềm thức, trong giấc chiêm bao, hay trong suy tưởng? Bà có ý tưởng - hay ước nguyện, một ngày nào đó chính mình, với rất nhiều chị em trong hoàng tộc sẽ được Như Lai trao cho chiếc y màu hoại sắc thanh cao thoát tục. Giấc mơ ấy dần hiện thực khi bà đang quỳ đây, dưới chân ánh đạo vàng để nghe những âm từ vi diệu vang lên từ kim khẩu bậc xuất thế:

- Di Mẫu! Xin hãy đứng lên. Người đã lớn tuổi, lại là bậc mẫu nghi thiên hạ. Như Lai dù là thầy của muôn

người, nhưng với Di Mẫu vẫn luôn kính trọng như người mẹ quá cố. Tuy người không sanh thành nhưng ơn dưỡng dục cũng cao như trời bể. Không chỉ trong kiếp này, mà từ vô lượng kiếp trước... người đã là Di Mẫu của Như Lai, đã chăm sóc bảo bọc cho Như Lai từ lúc mới chào đời. Ân đức hạnh nguyện của người cũng sắp đến ngày kết tụ tỏa hương...

Nghe qua mấy lời đạo tình thấu hiểu của Phật, cảm giác của Di Mẫu lúc này thật nhẹ nhàng như kẻ lữ hành vừa trút bỏ hết mọi gánh nặng đường xa bấy lâu đeo đẳng.

- Đấng Đại Giác từ bi trí tuệ! Lời nói của người như cam lồ pháp vị, xóa tan bao nỗi phiền của kẻ trần tục. Làm quyến thuộc với Thế Tôn cũng là duyên lành hội ngộ từ nhiều đời. Nay lại được ngài thương tưởng... nhận lời cùng thỉnh thọ nhận cúng dường và ban bố những lời pháp như đạo tình, thật là phước đức lớn cho Di mẫu cùng tất cả cung tần thị nữ nơi chốn hậu cung này. Nương nhờ thần lực chú nguyện của người mà những đau khổ ràng buộc lâu nay sẽ sớm được dứt trừ buông bỏ...

Tu viện Trùng Các nằm trong khu rừng Đại Lâm cách thành Vaiśālī không xa, là nơi Phật cùng chúng Tăng thường đến an cư thuyết pháp vào mùa mưa. Trong đó có một Tu viện dành cho chư Ni dưới sự hướng dẫn của trưởng lão Mahàpajapati. Đây là Ni đoàn thành lập đầu tiên vào thời đức Phật.

Sau nhiều lần khổ cầu và được Tôn giả A Nan hết lòng trợ giúp, cuối cùng Phật chấp thuận cho Di Mẫu, công chúa Da Du cùng 500 người nữ thuộc dòng họ Sakya và Koliya xuất gia. Giới pháp đầu tiên mà Phật truyền trao mà chư Ni phải tuân thủ suốt đời là Bát Kinh Pháp. Giáo đoàn của Phật từ đó có đầy đủ tứ chúng xuất gia. Sau khi xuất gia, trưởng lão Mahàpajapati-Gotami tinh tấn tu tập và không bao lâu chứng quả A La

Hán, được Phật xác nhận là vị trưởng lão Ni có kinh nghiệm bậc nhất.

Giáo đoàn chư Ni lúc đầu chỉ có các vị vương phi công chúa trong hoàng gia. Sau đó... nhân một mùa hạ tại Kỳ Viên, Phật độ cho một cô gái tiền dân xuất gia. Từ đó những người con gái đức Như Lai góp mặt trong giáo đoàn đầy đủ các giai cấp, từ giới quý tộc cho đến những kẻ nghèo hèn, hàng kỹ nữ hạ lưu trong xã hội. Được Phật cho xuất gia và trưởng lão Gotama hướng dẫn tu tập, rất nhiều người trong số họ đã chứng Tứ quả Thanh Văn, đón nhận niềm tin và sự cung kính của vua quan tín tâm mộ đạo.

Thấm thoát Mahāpajāpati - Gotami đã ngoài trăm tuổi. Là vị trưởng lão Ni có thâm niên tu tập và kinh nghiệm bậc nhất nên Ni giới dưới thời lãnh đạo của Ngài là một tập thể chung sống hòa hợp thanh tịnh. Trong giáo lý Phật đà mọi người đều bình đẳng, không có tâm kỳ thị phân biệt giai cấp sang hèn mà chỉ có sự chứng ngộ để cùng tiến tới con đường giải thoát an vui.

Hạnh nguyện viên thành, sanh tử đến đi tự tại, trưởng lão thấy mình đã tới lúc cần phải từ bỏ xác thân tứ đại này. Tâm nguyện cuối cùng của Thánh Ni là viên tịch trước khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn. Phật cũng đã hứa khả. Sau đó Di Mẫu cùng các vị Ni trưởng lão cao minh đã thi triển thần thông cúng dường Phật và chúng Tăng rồi thân nhập diệt.

Niềm tin về những giá trị chơn thiện mỹ được chứng thực theo thời gian. Trải qua bao cuộc thăng trầm biến đổi, từng trang sử vàng lại được viết tiếp. Công hạnh tu tập chứng ngộ của những người con gái đức Như Lai lại được hậu thế Ni lưu tôn vinh tưởng nhớ. Nhiều thế kỷ đã trôi qua... những bông hoa tuệ giác vẫn luôn nở rộ dưới cội bồ đề, nơi còn lưu bóng bậc Thánh Ni một thời khai sáng./.

LAM KHÊ- TN HẠNH TÂM

The Story of a Man Whose Wife Committed Adultery

Dhammapada, Verses 242 and 243

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verses (242) and (243) of this book, with reference to a man whose wife committed adultery.

Once, the wife of a man committed adultery. He was so ashamed on account of his wife's misbehaviour, that he dared not face anyone; he also kept away from the Buddha. After some time, he went to the Buddha and the Buddha asked him why he had been absent all that time and he explained everything. On learning the reason for his absence, the Buddha said, "My disciple, women are just like a river, or a road, or a liquor shop or a rest house, or a water-pot stand at the roadside; they associate with all sorts of people. Indeed, sexual misconduct is the cause of ruin for a woman."

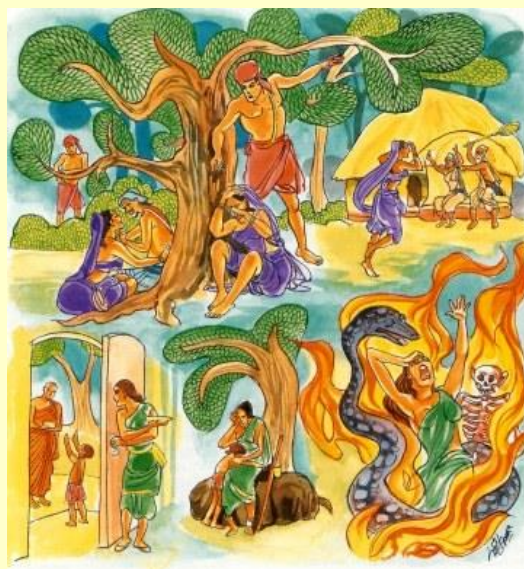
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 242: Sexual misconduct is the blemish of a woman; stinginess is the blemish of a giver; evil ways are indeed damages both being in this world as well as in the next.

Verse 243: A blemish worse than these is ignorance (of the 4 Noble Truths), which is the greatest of all root poisons. O Bhikkhus, abandon this blemish and be taintless.

At the end of the discourse many people attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN: ĐÔNG, TRANG NGHIÊM, RỰC RỠ

Việt Báo

FOUNTAIN VALLEY, CA (VB) – Khoảng 500 chư tôn đức Tăng, Ni cùng với hàng ngàn người, gồm các vị dân cử Việt Mỹ, đại diện các tôn giáo, đoàn thể, tổ chức, cộng đồng, truyền thanh, truyền hình, báo chí, các thân hào nhân sĩ Phật Giáo, các đơn vị Gia Đình Phật Tử, văn nghệ sĩ, và đồng hương Phật Tử đã tham dự Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) và Cộng Đồng Phật Giáo Nam California tổ chức tại Mile Square Park, thành phố Fountain Valley, Quận Cam, California, Hoa Kỳ, trong 2 ngày 22 và 23 tháng 4 năm 2017.

Đại Lễ Phật Đản bắt đầu với Lễ Cát Bể Lễ Đài tại Mile Square Park vào chiều ngày 22 tháng 4 năm 2017 và lễ rước anh linh các Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, thành phố Westminster, cũng như lễ rước hương linh chư đồng bào tử nạn trên đường vượt biển, vượt biên tại Tượng Đài Thuyền Nhân, thành phố Westminster về Lễ Đài Chính để cầu siêu trong 2 ngày Đại Lễ Phật Đản.

Đại Lễ Chính Thức diễn ra vào Chủ Nhật, ngày 23 tháng 4 năm 2017 tại Mile Square Park, với hai vị MC kỹ cựa và lịch lãm là Hòa Thượng Thích Minh Dung, Phụ Tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm kiêm Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNHK; và Thượng Tọa Thích Nhật Trí, Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Nghi Lễ GHPGVNTNHK.

Buổi sáng Chủ Nhật, các đường phố tại vùng Little Saigon bỗng tươi vui và rộn rịp khác thường hẳn lên với đoàn xe Jeep 8 chiếc và 35 chiếc xe mô tô của đoàn xe mô tô do Luật Sư Đỗ Phủ dẫn đầu đã tuần hành để chào mừng ngày Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561.

Trong công viên Mile Square Park, khoảng 9 giờ sáng thì mọi người đã lần lượt hội tụ đông đảo. Những chiếc áo vàng, áo nâu, áo lam bay phất phới với những dãy cờ Phật Giáo Thế Giới ngũ sắc và cờ vàng ba sọc

đỏ dạo bước qua cổng vào khu vực lễ đài được trang trí rất nguy nga và nghệ thuật. Có thể nói, công chính vào lễ đài năm nay được xây dựng thật công phu và đặc sắc đã làm cho nhiều người tưởng như được xây dựng bằng những trụ đá hoa cương thật. Trên Lễ Đài, đức Phật Sơ Sinh đứng trên tòa sen cao ngất nhìn xuống với nụ cười từ bi hoan hỷ và phúc hậu. Hàng chục gian hàng thức ăn chay, đồ lưu niệm, văn hóa phẩm đã bày ra bao quanh một vùng rộng lớn của khu vực lễ đài với nhiều người tham quan, ủng hộ.

Ngày Đại Lễ chính thức bắt đầu với Lễ Cúng Đường Trai Tăng cho khoảng 500 Tăng Ni quang lâm tham dự. Có thể nói rằng đây là lần đầu tiên từ mấy chục năm qua chư Tăng, Ni tụ hội về một trú xứ hành lễ đông đảo như thế.

Nghi Lễ Khánh Đản mừng ngày đức Phật ra đời được trang nghiêm cử hành trên Lễ Đài Chính vào lúc 12 giờ rưỡi trưa sau Lễ Cúng Đường Trai Tăng với phần tụng kinh bằng tiếng Pali và tiếng Việt.

Tiếng tụng kinh trầm ấm của chư Tăng, Ni và Phật tử hòa cùng nhịp điệu của chuông mõ làm cho không gian của công viên thêm trầm lắng và thiêng liêng hơn trong Ngày Đại Lễ qua bài tụng Khánh Đản rất thông dụng mà vào Lễ Phật Đản chùa nào cũng tụng:

"Đệ tử hôm nay

Gặp ngày Khánh đản

Một dạ vui mừng

Cúi đầu đánh lễ

Thập phương Tam Thế

Điều Ngự Như Lai..."

Sau nghi thức Khánh Đản chư Tăng, Ni và đồng hương Phật tử tuần tự xếp hàng để được tắm Phật sơ sinh là một trong những nghi thức được thực hiện trong ngày Đại Lễ Phật Đản để đem lòng thành kính và thanh tịnh chúc tụng sự ra đời hy hữu của đức Phật.





Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, đã dâng đàn thuyết pháp về ý nghĩa trọng đại của sự ra đời của đức Phật. Hòa Thượng nói rằng sự ra đời của đức Phật và cả cuộc đời giáo hóa của Ngài đã để lại bức thông điệp về hòa bình và giác ngộ cho chư thiên và loài người. Đức Phật cũng đã làm một cuộc cách mạng xã hội rộng lớn với tinh thần xóa bỏ giai cấp và thực hiện bình đẳng xã hội. Hòa Thượng nhấn mạnh rằng quá trình lịch sử 2000 năm của Phật Giáo Việt Nam cũng đã truyền thừa tinh thần của bức thông điệp ấy của đức Phật. Hòa Thượng nhắc nhở rằng đức Phật và đạo Phật rất yêu mến môi trường và thương hết thảy muôn loại chúng sinh, bởi vì cuộc đời của đức Phật gắn liền với thế giới thiên nhiên khi Ngài sinh ra, giác ngộ và nhập niết bàn đều ở dưới gốc cây. Cho nên, theo Hòa Thượng, tổ chức Đại Lễ Phật Đản ngoài các hình thức lễ nghi còn phải quan tâm đến việc thực hiện việc bảo vệ môi trường, bảo vệ giá trị sự sống và giá trị làm người. Hòa Thượng cũng nói đến bổn phận giữ gìn sơn hà xã tắc của người công dân đối với đất nước, đặc biệt trước mối đe dọa của thế lực Phương Bắc đối với sự toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải hiện nay. Hòa Thượng nhắc lại lời khẳng quyết của Tướng Trần Bình Trọng, *“Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc.”* Hòa Thượng cũng khuyến tấn người Phật Tử nên tinh tấn tu tập theo lời dạy của đức Phật để báo đáp thâm ân giáo hóa của Ngài.

Hòa Thượng Thích Thông Hải, Đệ Tam Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ kiêm Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNHNK, đã dâng đàn thuyết pháp bằng tiếng Anh cho giới trẻ người Mỹ gốc Việt sinh trưởng ở đây không rành tiếng Việt có thể hiểu được ý nghĩa ngày Đại Lễ Phật Đản. Hòa Thượng giải thích hình ảnh đức Phật sơ sinh tay chỉ lên trời tay chỉ xuống đất vào nói rằng, *“Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”* [Trên trời dưới đất duy chỉ có con người là tôn quý]. Hòa Thượng nói rằng đó chính là sự khẳng định của đức Phật về khả tính giác ngộ thành Phật tôn quý nhất mà tất cả mọi người đều có thể thành tựu. Hòa Thượng cũng nhắc đến hiện tình bất an và khủng hoảng của thế giới và vai trò và sự đóng góp thiết thực của giáo pháp từ bi hòa bình của đức Phật để hóa giải khổ nạn này, mà chính tổ chức Liên Hiệp Quốc cũng đã thừa nhận trong một Quyết Nghị của Đại Hội Đồng LHQ vào năm 1999 để rồi từ đó đến nay hàng năm Liên Hiệp Quốc đều tổ chức Lễ Mừng Đức Phật Đản Sinh tại trụ sở của LHQ.

Cùng thuyết pháp bằng tiếng Anh với Hòa Thượng Thích Thông Hải còn có Hòa Thượng Sutadhara đến từ Ventura Buddhist Center tại Quận Ventura, Nam California.

Lễ Hành Chánh chính thức bắt đầu vào lúc 2 giờ cùng ngày với nghi thức chào quốc kỳ và hát quốc ca

Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ và chào Phật Giáo Kỳ, với một phút nhập từ bi quán để tưởng nhớ đến sự ra đời hy hữu của đức Phật và cầu nguyện cho thế giới hòa bình và chúng sinh an lạc, như chủ đề của Đại Lễ “Phật Giáo và Hòa Bình, Tự Do, Dân Chủ và Toàn Vẹn Lãnh Thổ Cho Việt Nam,” do hai vị MC cư sĩ Nguyễn Phú Hùng và xưởng ngôn viên Minh Phương phụ trách cùng với Ban Hợp Xướng Hải Triều Âm.

Các em Gia Đình Phật Tử thuộc Miền Quảng Đức đã hát cúng dường Đại Lễ Liên Khúc Khánh Đản.

Hòa Thượng Thích Thiện Long, Viện Chủ Chùa Phật Tử, Long Beach, Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh của GHPGVNTNHNK, kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561, đã đọc Diễn Văn Khai Mạc. Hòa Thượng tri ân chư tôn đức Tăng, Ni và hoan hỷ quang lâm tham dự Đại Lễ, và cảm ơn tất cả các vị dân cử, thân hào nhân sĩ, văn nghệ sĩ, các cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, các đại diện tôn giáo bạn, các tổ chức, cộng đồng, đồng hương Phật tử đã hỗ trợ từ bấy lâu và đến tham dự trong ngày Đại Lễ. Hòa Thượng không quên tri ơn các chiến sĩ đã hy sinh để bảo vệ tổ quốc và đồng bào bỏ mình trên đường vượt biên tìm tự do. Hòa Thượng nhấn mạnh rằng sự dẫn sinh của đức Phật là một sự kiện lịch sử trọng đại vì ngày đã xây dựng nền tảng cho thế giới hòa bình. Hòa Thượng nhắc nhở rằng cách xưng tụng và kỷ niệm ngày đản sinh của đức Phật có ý nghĩa nhất là mỗi người phải ý thức về giá trị của sự sống, biết xây dựng thế giới và môi trường sống xanh tươi, nỗ lực không làm việc ác và nguyện làm nhiều việc lành để góp phần tạo dựng thế giới chân thiện mỹ.

Các vị dân cử tham dự Đại Lễ Đản Sinh cũng đã được Ban Tổ Chức mời lên Lễ Đài để lần lượt phát biểu cảm tưởng nhân ngày Đại Lễ Đản Sinh của đức Phật, như Phó Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Quận Cam Andrew Đỗ, Phó Thị Trưởng Thành Phố Fountain Valley Michael Võ và phu nhân, Thị Trưởng Thành Phố Westminster Trí Tạ và Nghị Viên Sergio Contreras, Nghị Viên Thành Phố Garden Grove Nguyễn Thu Hà cũng là người đại diện cho Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal, Ủy Viên Giáo Dục Học Khu Westminster Francis Nguyễn Thế Thủy, Phó Tá Chánh Lục Sự Quận Cam Hugh Nguyễn là Billy Lê, và Hội Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Nam California Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu cũng là thành viên Hội Đồng Liên Tôn tại Hoa Kỳ.

Giáo Sư Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ, Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHNK, Phó Trưởng Ban Điều Hành Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561, đã ân cần giới thiệu Giám Sát Viên Andrew Đỗ và phụ tá là Luật Sư Lê Công Tâm đã hỗ trợ và giúp đỡ rất nhiều cho Ban Tổ



Chức trong trong quá trình tổ chức Đại Lễ Phật Đản tại Mile Square Park.

Trong lời phát biểu cảm tưởng, GSV Andrew Đỗ nói rằng chủ đề hòa bình của Đại Lễ phản ánh ý nguyện hòa bình thực sự của toàn dân Việt Nam khi đối diện trước nạn xâm lăng của kẻ thù phương Bắc là Trung Quốc, và sống dưới chế độ CSVN đàn áp và chà đạp tự do tôn giáo và nhân quyền của người dân. Ông Andrew Đỗ cũng công nhận ngày Đại Lễ này là mở đầu cho mùa Đại Lễ Phật Đản tại Quận Cam. Ông cũng đã trao bằng tưởng lục đến HT Thích Thiện Long và HT Thích Nguyên Trí để ghi nhận và tán dương công đức đóng góp cho cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại đây.

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, đã thay mặt Giáo Hội chúc mừng ngày Đại Lễ. Hòa Thượng nói rằng, *“Hôm nay chúng ta cùng có mặt nơi đây là để tưởng nhớ và tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với sự cống hiến vô tiền khoáng hậu của Đức Phật trong việc chuyển hóa tâm linh, kiến tạo hạnh phúc và an bình trong đời sống thực tiễn của con người, của xã hội, và của toàn hành tinh này.*

“Và để tưởng nhớ, tri ân, không gì bằng tự thân mỗi chúng ta luôn nỗ lực thực hành đúng đắn lời dạy của Đức Phật hầu lợi mình, lợi người; phụng sự con người và chúng sanh với lòng từ bi vô lượng.

“Thay mặt GHPGVNTNHNK, chúng tôi xin đón chào toàn thể quý liệt vị, đồng thời kính chúc tất cả, nhân ngày kỷ niệm Đản Sanh của Đức Phật, được thấm nhuần và tỏa chiếu phẩm tính ưu việt của bậc Đại Giác Thế Tôn.”

Trong Thông Bạch Phật Đản Phật Lịch 2561, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK, dạy rằng, “Trong nhiều năm qua, hàng trăm khóa tu học thường xuyên do các trung tâm, tự viện của Phật giáo tổ chức đã góp phần không nhỏ trong cuộc sống an lành của cộng đồng Việt và người bản xứ. Sự tu tập này là hương hoa cao quý nhất, chúng con xin dâng lên cúng dường Đức Phật trong ngày Đản Sanh. Chúng con cũng thề nguyện rằng, mỗi tự thân người đệ tử, nguyện là đuốc, là nước, là hương hoa của pháp Phật để tưới lên vùng đất Bắc Mỹ này. Do vậy, tổ chức lễ Phật Đản, chỉ hình thức trang lệ không thôi, chưa đủ, cần phải làm rực sáng tâm thức Phật qua đời sống hàng ngày của người đệ tử.”

Hòa Thượng cũng không quên quê hương, dân tộc Việt Nam, khi nói rằng, *“Trong mùa Phật Đản, xin hướng tâm về quê hương nguyện cầu cho dân tộc. Người đói được no, người bệnh được thuốc, người nghèo được việc, không ai hà hiếp ai. Non sông và lãnh hải gấm vóc Việt Nam là của con dân Việt từ bao đời, xin được che chở bởi hồn thiêng sông núi tổ tiên.*

“Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt

Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhất tâm dâng lễ Chư tôn Thiên Đức Tăng Ni đã phụng hiến đời mình vì hòa bình, an lạc mà hoằng truyền Phật Đạo nơi châu lục Bắc Mỹ. Giáo hội cũng xin tán thán công đức của tất cả chư thiện tín đã có đời sống Đạo và hoằng Đạo nơi quê hương này.”

Hai diễn giả Cao Xuân Khải, từ Phong Trào Yểm Trợ Tự Do, Tôn Giáo và Nhân Quyền Việt Nam, và nhà nghiên cứu, biên khảo Phạm Trần Anh đã lần lượt được Ban Tổ Chức mời lên Lễ Đài để thuyết trình về hiện tình đất nước. Cả hai vị đều nhắc nhở những vết son oai hùng của tổ tiên đánh đuổi ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi giang sơn gấm vóc Việt Nam. Hai vị cũng đã trình bày thảm họa độc tài đảng trị cộng sản trên quê hương mang đến sự lụn bại, khủng hoảng và họa mất nước trước để quốc đầy tham vọng phương Bắc. Hai vị cũng đã kêu gọi đồng hương Việt đừng thờ ơ mà hãy tích cực góp phần tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền và toàn vẹn lãnh hải lãnh thổ của Việt Nam.

Tiếp theo cho đến tối là chương trình văn nghệ cúng dường ngày Phật Đản do các MC Đỗ Tân Khoa, Triệu Mỹ Ngân, và Ngọc Châu điều hợp cùng với sự góp mặt của khoảng 40 ca nhạc sĩ. Đặc biệt có trích đoạn tuồng cải lương về cuộc đời đức Phật.

Quang lâm và tham dự ngày Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2561 gồm có, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK; Trưởng Lão HT Thích Chơn Thành, Viện Chủ Chùa Liên Hoa, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT Thích Phước Thuận, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK; HT Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK; HT Thích Nguyên Trí, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK; HT Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ GHPGVNTNHNK; HT Thích Minh Yên, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ GHPGVNTNHNK; HT Thích Thông Hải, Đệ Tam Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ GHPGVNTNHNK; HT Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Chùa Huệ Quang, Phó Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản; HT Thích Minh Hải, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết GHPGVNTNHNK; HT Thích Bửu Lợi trú xứ Chùa Quang Thiện; HT Thích Giác Sỹ, HT Thích Tâm Ngạn và chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, v.v... Giáo Sư Tiến Sĩ Lê Phước Sang, Hội Trưởng Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo; Mục Sư David Huỳnh; Ông Phan Kỳ Nhơn Chủ Tịch Liên Ủy Ban Chống Cộng Sản và Tay Sai, v.v...

(Tin và ảnh của Việt Báo, số ra ngày 25/4/2017)

**HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN CỦA CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠI HOA KỲ—DO GHPGVNTN HOA KỲ TỔ CHỨC
TẠI LITTLE SAIGON, LỄ KHAI MẠC—NGÀY 22.4.2017**



Photos by Dzũng Nguyễn

**HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN CỦA CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠI HOA KỲ—DO GHPGVNTN HOA KỲ TỔ CHỨC
TẠI LITTLE SAIGON, LỄ CHÍNH THỨC—NGÀY 23.4.2017**



Photos by Dzũng Nguyễn

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười lăm

(tiếp theo kỳ trước)

Đêm ấy, không có giờ tọa thiền. Và sau giờ đó, hình như chẳng ai chớp mắt được. Vì là đêm cuối cùng, kỷ luật và nội quy của việc ngủ nghỉ không còn cần thiết nữa. Ai ngủ được thì ngủ. Những người còn thức, muốn làm gì thì làm. Sau khi tuyên bố giải tán Phật học viện, Thượng tọa giám viện buồn bã ngồi im lặng trên chiếc ghế bố nhiều giờ liên tục. Các thầy trong ban giám đốc cũng hòa mình, xuống ngồi trò chuyện với học tăng, chia sẻ nỗi buồn phân ly này. Kể từ ngày mai, những học tăng nào không thuộc về chúng thường trụ (tức là những chú xin xuất gia ở đây làm đệ tử Thượng tọa giám viện) có thể rời viện được rồi. Dù rằng ban giám đốc không lên tiếng yêu cầu học tăng chúng tôi rời viện, chúng tôi cũng phải ra đi. Thứ nhất, trong lúc loạn lạc, ai cũng muốn quay về chùa gốc với thầy tổ, với gia đình; thứ hai, Phật học viện là trường học, nay đã tuyên bố giải tán, không còn là trường nữa thì học tăng không còn có lý do nào để nấn ná ở lại.

Tôi bước lang thang quanh vườn chùa, rồi đi quanh những

hàng hiên, nhìn vào các phòng tập thể. Đêm ấy trăng mờ. Các chú tùm năm tùm ba ngồi nói chuyện to nhỏ với nhau. Có nhóm đun lửa nấu một nồi chè đậu. Có nhóm đang uống trà với nhau. Các chú lớn thường hút thuốc lên lút thì nay cũng đem ra hút công khai. Mấy chú trong nhóm Nha Trang cũng chộn rộn lắm, đang lo thu xếp hành lý. Các chú này có hành lý bèo bộn nhất trong viện, bây giờ phải đem cho bớt những chú ở lại. Mà đồ đem cho cũng có gì quý giá đâu: áo quần, kính sách, tập vở, mùng màn... Ngày mai trở về nguyên quán rồi, chẳng còn gì quý giá đáng giữ nữa. Chúng tôi chia tay nhau không chuẩn bị trước nên chẳng có một buổi liên hoan gặp mặt để nói lời từ giã nhau, vì vậy, những phút cuối này, gặp nhau là ngó sững nhau, như muốn nói cái gì đó mà không nói được. Phải chi chia tay ngày tốt nghiệp thì hẳn có thể cười nói huyền thuyên được! Đàng này, cuộc chia tay đột ngột quá, giống như chia tay với một người chết bất ngờ vì tai nạn. Không kịp nói tiếng nào. Chỉ thấy cái gì nghẹn cứng trong cổ họng. Cũng không hẳn vậy nữa, vì chia tay với người chết thì chỉ ân hận không nói

được lời yêu thương cuối cùng; còn bây giờ, hãy còn sống đầy mà chẳng biết phải nói gì với nhau. Có cái gì đang trở tới, đuổi tới sau lưng, phải chạy. Trò chơi chiến tranh của những người lớn đã tiến tới màn nào trong bi kịch tử biệt đây!

Chẳng ai đoán trước được cái gì.

Những người lính đồn trú trong trại sau lưng chùa chắc cũng đang vội vàng từ giã đơn vị của họ. Một đoàn công-voa, nối đuôi nhau thành một hàng trên con đường nhựa dẫn đến hướng Non Nước - Đà Nẵng. Họ chưa khởi hành. Chẳng nghe la hét hô hoán gì. Chỉ nghe tiếng máy xe nổ rần rần. Đâu chừng nửa giờ đồng hồ sau, đoàn xe bắt đèn sáng trưng, rồi lặn bánh. Từng chiếc, từng chiếc chạy đi. Bên trong trại, xe hãy còn tuôn ra tưởng chừng không bao giờ ngớt. Họ rút đi trong im lặng. Lâu nay họ đóng gần chùa mà chúng tôi hầu như không để ý đến. Có lẽ họ cũng không biết đến sự hiện diện của chúng tôi nơi Phật học viện này. Hội An tương đối yên ổn, trại lính, trường tăng nằm kề bên nhau, chung sống trong hòa bình, im lặng. Cái im lặng tắc nghẽn của những người chưa làm hết, chưa đi hết con đường của mình.

Đâu đó ở xa xa, có tiếng đại bác nổ rền. Vài tiếng súng lẻ tẻ nổi theo. Thịnh thoảng có một góc trời vùng sáng lên. Ai đi trong đêm giữa xóm làng gần chùa mà có tiếng chó sủa dai dẳng. Trăng hạ tuần lặng lẽ chiếu về hướng tây. Những ánh sao mờ nhạt sau những cụm mây dày vẩn vù. Trời đêm u ám. Có chú bỏ đi ngủ trước, thực ra là để khóc rưng rức trên giường.

Hôm sau, trong giờ điểm tâm, học tăng chúng tôi cùng quý ban giám đốc để trở về nguyên quán. Thượng tọa giám viện chỉ nói vắn tắt đôi lời, khuyên chúng tôi dù trong hoàn cảnh nào cũng nỗ lực tu học để mai sau có thể gánh vác được trọng trách hoằng pháp lợi sinh mà tiền nhân giao phó. Thượng tọa còn nói thêm:

“Nếu tình hình yên ổn trở lại, viện sẽ thông báo ngày nhập học cho các chú.”

Chúng tôi lục tục lên đường. Các chú ở các quận lỵ thuộc tỉnh Quảng Nam thì chỉ cần xuống bến xe Hội An là có xe về. Còn lại bao nhiêu chú đều phải đón xe đi Đà Nẵng rồi từ đó mới mua vé xe về nguyên quán. Ở bến xe Hội An bây giờ thực vắng khách. Người ta đã tuôn chạy gần hết từ nguyên buổi chiều và tối hôm qua. Chúng tôi có vẻ như là những người cuối cùng muốn rời bỏ thị xã. Người tài xế thấy chúng tôi lên chat cứng một xe thì mừng rỡ, cho nổ máy chạy đi ngay. Đặc biệt trong chuyến đi này có thầy quản chúng đi theo để lo xe về cho mười hai chú nhóm Nha Trang. Trong mắt ban giám đốc, chúng tôi hãy còn là những đứa con nít. Tốp Nha Trang là tốp tăng sinh ở xa nhất mà lại là tốp tăng sinh do Phật học viện Sơ đẳng Linh Sơn gửi gắm. Năm kia thầy Thiên Đức thay mặt ban giám đốc Phật học viện Linh Sơn đem chúng tôi đến đây thì bây giờ, thầy quản chúng cũng phải mang chúng tôi giao trả lại. Không giao trả tận nơi được thì ít nhất cũng mang ra

bến xe, nhìn tận mắt chúng tôi ngồi an toàn trên xe về Nha Trang mới thôi. Chúng tôi đã gia nhập Phật học viện với tư cách một tập thể thuộc Phật học viện khác chuyển đến nên bây giờ không được đi lẻ tẻ cá nhân. Đi thì cùng đi, về thì cùng về một lượt với nhau. Thầy quản chúng dặn dò chúng tôi đủ thứ, bảo không được phân tán, phải đùm bọc che chở nhau cho đến khi về đến Nha Trang. Ngoài mấy chú tốp Nha Trang, lực lượng hùng hậu nhất của viện, còn có vài chú ở Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Tín, cùng dự định sẽ đi chung một chuyến từ Đà Nẵng.

Bến xe Đà Nẵng là chặng cuối cùng cho cuộc phân ly giữa chúng tôi và một vài chú ở Quảng Trị, Huế, trong đó có chú Tửu. Chú Tửu cùng các chú ở các tỉnh khác đều phải tự túc xuống bến xe liên tỉnh lo mua vé đi. Riêng tốp Nha Trang chúng tôi thì thầy quản chúng không cho đi đâu lộn xộn, sợ lạc mất. Thầy đem gởi chúng tôi ở chùa Tịnh hội Đà Nẵng, bảo ở yên không được đi đâu, chờ thầy đi mua vé. Thượng tọa trụ trì chùa Tịnh hội cho chúng tôi một phòng trống để cất hành lý và nghỉ ngơi. Thầy quản chúng đi xuống bến xe bằng xe thổ sản máy. Vậy mà gần hai giờ đồng hồ chờ đợi, chẳng thấy thầy quay về. Chúng tôi vô cùng sốt ruột. Có chú lầu bầu:

“Chắc phòng vé không chịu bán mười mấy vé cho một mình thầy quản chúng. Tụi mình tự đi mua thì phải hơn.”

“Hay vì thầy quản chúng hiền lành đâu có chen lấn với người ta được!”

Chúng tôi cứ thấp thỏm, đứng lên ngồi xuống, mong ngóng thầy quản chúng quay về. Có hai chú lớn không chờ được, lên đi ra ngoài. Chỉ một lát sau đó thì thầy quản chúng bước vào, nhìn chúng tôi, lắc đầu:

“Chịu thua. Việt cộng đã chiếm hẳn tỉnh Quảng Ngãi, chiếm luôn Tam Kỳ, Quảng Tín. Có đường đâu mà tìm vào Nha Trang. Không có xe vào



trong nữa, chỉ còn xe ra Huế, Quảng Trị thôi.”

Nhưng thầy vừa nói xong, đã có người phật tử đi ngang, nói chen vào:

“Đường bộ đi Huế, Quảng Trị cũng bị cắt luôn rồi. Đà Nẵng đang bị cô lập. Vô không được, ra cũng chẳng xong. Chỉ còn đi được mấy quận gần gần thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng thôi.”

Thầy quản chúng thở dài, đứng im một lúc ra dáng suy nghĩ. Một lúc sau, thầy buồn bã nói:

“Chừ tính sao đây các chú?”

Các chú tốp Nha Trang nhao nhao lên, bàn tán đủ thứ. Chỉ còn đường hàng không và đường thủy nữa thôi. Nhưng ai biết đường nào mà mua vé máy bay hay tàu thủy. Thầy quản chúng cũng mù tịt như chúng tôi thôi chứ có hơn gì. Nhưng lỡ gánh trách nhiệm của Thượng tọa giám viện giao phó, thầy phải ráng ngồi đây mà nặn óc suy nghĩ cái chuyện không thể làm được. Chú Lãm và chú Thiết là hai chú lớn nhất tỏ ý mất mẫn, không muốn bị kiểm soát bởi thầy quản chúng nữa. Lúc này, khi thầy quản chúng đi mua vé chưa về, hai chú ấy đã nói: “Phật học viện giải tán rồi mà thầy ấy còn đi theo kèm tụi mình chi nữa!” Bây giờ, thấy thầy quản chúng bất lực chuyện lo vé đi, các chú càng

manh miệng hơn:

"Tính không được thì thôi, thầy về lại viện đi. Để tụi này tự lo được mà. Lớn hết rồi chứ còn nhỏ nhit gì nữa mà thầy theo hoài."

Thầy quản chúng cũng muốn để chúng tụi tự lo vào phút này nhưng chưa biết ý kiến chung thế nào, nên hãy còn ngại ngùng áy náy, sợ bỏ đi là thiếu trách nhiệm. Thầy ngó tụi như dò ý. Tụi đến gần nói nhỏ với thầy:

"Các chú ấy nói đúng đó. Thầy trở về viện đi. Để tụi con tự tìm cách."

Thầy quản chúng mới gạt gù nói lớn:

"Thôi được, tụi về. Các chú ráng tìm cách đi nghe. Nhớ là đừng bỏ rơi nhau. Phải đùm bọc nhau cho tới nơi tới chốn thì tụi mới yên lòng."

Chúng tụi tiễn thầy ra khỏi cổng tam quan.

Ăn trưa xong, chúng tụi cùng kéo nhau cuộc bộ xuống bến phà Đà Nẵng để tìm đường đi. Dưới bến đã đông nghẹt người và xe cộ. Chúng tụi chỉ đến được phía bên này đường mà ngó qua. Vài chú chen lấn đến sát chỗ neo thuyền, nơi có một chiếc tàu sắt lớn sắp sửa rời bến. Người ta bu lại, đeo bám, leo lên, đông như kiến, dù rằng trên tàu đã chật ních người là người. Tiếng la hét, tranh giành, cãi cọ nhau om sòm. Càng đứng lâu, người từ các nơi đổ xuống bến càng nhiều hơn. Chúng tụi chẳng tiến xa hơn được về hướng chiếc tàu sắt, nên cứ kéo nhau đi dọc theo bờ sông. Có tiếng súng nổ trên tàu. Nhiều chiếc xe của ai bỏ không, nằm choáng cả con lộ mà chẳng ai buồn lái hay dẹp qua một bên. Tụi nói với chú Hưng đứng bên cạnh rằng:

"Tụi mình không thể đi được đâu."

Hưng hỏi lại:

"Sao không được?"

"Vì tụi mình không thể chen lấn với người ta. Tu mà chen lấn tranh giành với người ta coi kỳ cục lắm. Nhìn kia, cái đám đông đó, nếu muốn tiến về phía trước, chắc chắn mình phải đẩy xô người khác qua

một bên. Tu hành đâu có sợ chết mà hoảng sợ chen lấn."

Chú Thiệt nghe vậy thì chen vào, cãi:

"Đâu phải sợ chết mà chen lấn. Mình cũng phải về với gia đình chứ bộ không chen lấn rồi ở đây luôn sao?"

Chú này trước kia ở cùng chùa Hải Đức và Linh Phong với tụi. Lúc ấy chú dễ thương lắm, mà tự đứng càng lớn, càng đối kháng, chẳng có điều gì tụi nói hay làm mà hợp ý chú. Tụi nói:

"Ừ thì mình cũng cần về, nhưng phải nhường thiên hạ trước. Chúng ta bỏ gia đình đi tu rồi thì bây giờ về gặp được thì tốt, không được thì cũng đành chấp nhận. Chúng ta đã chấp nhận chuyện xa nhà, lại không sợ chết, còn người ta sợ chết mà chạy thì mình nhường người ta trước, lý đâu lại đi tranh giành chỗ."

Chú Thiệt đâm bực:

"Vậy thì chú ở lại chứ đi xuống đây làm gì?"

"Không thể nói vậy được. Tụi xuống đây là để tìm đường về quê, y như mấy chú chẳng khác. Nhưng không phải xuống đây để tranh giành với thiên hạ, mất tư cách. Có đường thì đi, không đường thì thôi. Hơn nữa, có chen lấn tranh giành thì cũng được một chú, hai chú, chứ có được mười hai chú đâu. Vậy là rã đám rồi, còn gì là đoàn kết, còn gì gọi là đùm bọc nhau!"

"Đến nước này mà còn nói chuyện đùm bọc với đoàn kết! Cái tập thể mười mấy người này làm tụi cục cựa không được gì hết. Nếu không dính chùm với mấy chú, tụi đã phốc lên tàu từ lâu rồi."

Tụi sửng sờ không ngờ chú ấy có thể nói ra được một câu như vậy. Tụi nghiêm mặt nói:

"Vậy chú nào muốn đi riêng thì cứ đi riêng. Đó là các chú bỏ tập thể mà đi chứ đừng trách là tập thể bỏ rơi các chú là được rồi."

Thế là tốp Nha Trang chia làm hai nhóm: một nhóm chủ trương mạnh ai nấy đi, tự do, không ràng

buộc nhau để rồi chết chùm không ai đi được, đem hết lạnh lợi của mình ra để chen lấn mọi người mà lên tàu; nhóm thứ hai chủ trương cùng sống chết với nhau, đi được thì cùng đi, ở lại thì cùng ở, sẵn sàng chịu phần thiệt về mình để giữ phong cách, bảo vệ màu áo của tập thể. Nhìn qua cũng thấy rõ là nhóm thứ nhất dạn dĩ, khôn lanh, còn nhóm thứ hai thì chậm lụt, khờ khạo. Hơn một nửa số nằm trong nhóm thứ hai đó, gồm có Quỳnh, Tấnh, Sáng, Hưng, Hòa, Sướng, Cửu, Khôi và tụi. Số còn lại gồm mấy chú lớn tuổi hơn, cứ đâm đầu vào đám đông để tìm ngõ thoát.

Khi chiếc tàu sắt lớn kia rời bến rồi, bến tàu mới thưa bớt người. Chẳng thấy dấu hiệu gì khả quan, chúng tụi cùng kéo về lại chùa Tịnh hội. Ở đây, chúng tụi gặp lại chú Cung, trước là chúng phó của chúng Ca Diếp. Chú Cung là người lớn tuổi nhất trong số học tăng của viện. Quê chú ở Quảng Ngãi. Quảng Ngãi bị chiếm rồi, chú chẳng biết đi đâu, tấp vào chùa Tịnh hội xin tá túc. Chú Cung nhập bọn với chúng tụi, ở chung một phòng tập thể của chùa Tịnh hội. Chúng tụi nhờ có chú Cung bên cạnh mà cảm thấy yên lòng hơn một chút. Có việc gì cũng hỏi ý chú như hỏi ý một người anh lớn.

Người ta nói, hiện tại, thành phố Đà Nẵng tập trung từ hai triệu rưỡi đến ba triệu người từ Quảng Trị và Huế chạy vào, từ Quảng Ngãi, Quảng Tín, Quảng Nam chạy ra. Các quận Đức Dục, Đại Lộc, Quế Sơn, Điện Bàn, và thị



xã Hội An đều đã rơi vào tay người cộng sản. Chúng tôi chỉ ngủ qua một đêm tại chùa Tỉnh hội là tình hình đã khác thấy rõ. Buổi sáng bước ra cổng tam quan, thấy ngoài đường không như ngày hôm qua nữa. Xe cộ qua lại nườm nượp hơn. Đồng bào chạy tới chạy lui, kẻ đông người tây, tán loạn như một tổ kiến bị chọc phá. Có chiếc "máy bay bà già" lượn vòng trên bầu trời u ám của ngày ấy, dùng loa phóng thanh lời của tỉnh trưởng, kêu gọi quân nhân, cảnh sát làm tròn trách nhiệm của mình, không bỏ đơn vị, quyết tâm bảo vệ đồng bào và thành phố đang bị cô lập này. Bài phóng thanh từ trời cao cũng cho biết vị tình trưởng sẽ sống chết với quê hương, không bỏ đi đâu, yêu cầu đồng bào bình tâm trở về nhà, chờ quân đội và cảnh sát vẫn hồi trật tự. Nhưng người ta nói, thực ra ông tình trưởng Quảng Nam cũng như ông thị trưởng Đà Nẵng đã cao bay xa chạy rồi. Chuyện vẫn hồi trật tự cũng coi như bất khả. Cướp bóc, hãm hiếp, nổi lên khắp các đường phố, khắp các khu gia cư. Cướp giữa ban ngày. Có vài toán quân nhân xách súng đi cướp. Họ lái một chiếc xe hơi lấy được từ đâu, chạy vòng vòng trong phố. Quân cảnh, cảnh sát thấy họ cũng phải làm ngơ, hoặc bỏ chạy. Sau, có vị thiếu tá Quân trấn đem xe tăng đi dẹp loạn. Nhưng rồi toán quân kia cũng tìm ở đâu được một chiếc xe tăng, sẵn sàng nghênh chiến. Xe tăng của loạn quân chạy xông xộc, hùng hổ như con voi điên trên đường phố đông

ngiht người. Nó chẳng biết thương tiếc bất cứ thứ gì bị cán bẹp dí trên đường đi. Đồng bào trên đường thấy xe tăng từ xa là bỏ chạy tán loạn, kinh hãi. Cũng may không ai bị xe tăng nghiền trước mắt tôi. Chỉ có mấy chiếc xe đạp, xe gắn máy là bị nát ngườu trên đường. Vị thiếu tá Quân trấn cùng các thuộc cấp cũng phải đầu hàng. Vậy là sự náo loạn đi đến chỗ không còn kiểm soát được nữa.

Dù sao thì đường xuống bến phà hãy còn đi được. Chúng tôi lại kéo xuống đó. Chẳng có tàu bè gì nữa. Người ta bảo muốn đi, phải đón ghe nhỏ chạy ra khơi, ngoài đó có tàu lớn chờ sẵn. Các tàu lớn không vào bến được để tránh trường hợp quá đông người chen lên. Chúng tôi chỉ lần quần ở dưới bến mất mấy tiếng đồng hồ, không kết quả. Có một tàu đánh cá đầu ngoài Huế chạy vô, vừa cập vào. Người ta chen nhau nhảy lên chiếc tàu đó trong khi những người trên tàu lại lo xuống bến. Một người lính trên tàu đó gặp chúng tôi thì lắc đầu nói:

"Tôi từ ngoài Huế thoát vào đây. Ngoài bờ biển Thuận An người ta chết như rạ, nằm đầy ngoài bãi. Chiếc tàu đó hư rồi, có chạy xa được nữa đâu mà lên."

Rồi anh xin tiền chúng tôi để mua thức ăn. Anh đã nhịn đói mấy ngày trên tàu. Tôi cho tiền anh ấy rồi kéo mấy chú nhỏ đi tiếp. Đến một khoảng trống bỗng gặp thầy Phước Châu, vị quản chúng của Phật học viện Hải Đức Nha Trang. Chúng tôi mừng quá, chạy theo thầy. Té ra thầy ấy từ Nha Trang về Quảng Trị thăm gia đình rồi bị kẹt. Thầy ấy thuê ghe nhỏ từ đảo Tiên Sa ở Sơn Trà về đây để mua thêm thức ăn. Một người đệ tử tục gia đi theo thầy lo phần mua thực phẩm ấy. Thầy đứng lại bến phà chờ đợi. Chúng tôi hỏi thầy xem chúng tôi có thể đi theo thầy về Nha Trang được không. Thầy nói được, nhưng phải mua thêm bánh trái để ăn dọc đường chứ kéo theo một đám như vậy thầy không lo nổi



thực phẩm. Thầy thúc chúng tôi lo mua thức ăn, thầy sẽ đứng chờ. Tôi bảo các chú nhỏ là Cửu, Hưng, Sáng, Hòa, đứng lại với thầy Phước Châu mà chờ. Tôi và chú Sướng đi quanh cả một khu phố mà chẳng thấy một thứ thực phẩm gì có thể mua được. Phải đánh một vòng thật xa mới thấy một xe bán bánh mì. Chúng tôi mua hết bánh mì mà họ có, rồi tức tốc quay lại chỗ cũ. Vậy mà khi đến nơi, chỉ thấy còn có các chú Cửu, Sáng và Hòa. Thầy Phước Châu và chú Hưng đã lên ghe nhỏ đi mất. Sáng nói là thầy Phước Châu dặn khi nào tôi trở lại thì bảo tập trung chờ ở đây, chiếc ghe nhỏ đó sẽ quay trở lại để đưa chúng tôi ra đảo Tiên Sa. Đêm nay có hạm đội Mỹ vào ngang khơi Đà Nẵng, các ghe lớn nhỏ sẽ đưa người từ đảo Tiên Sa và Sơn Trà ra hạm đội. Nghe rằng có hai chiếc xà-lan lớn sẽ được tàu kéo ra chỗ hạm đội nữa. Chúng tôi đứng chờ mãi, chẳng thấy ghe nào trở lại. Đành về lại chùa Tỉnh hội. Mấy chú nhỏ theo tôi cũng có ý trách tôi và chú Sướng chậm chạp, mua thức ăn gì mà lâu quá để cho thầy Phước Châu đi mất.

Bánh mì mua nhiều quá, tối đó chúng tôi ngồi ăn bánh thay vì xuống bàn ăn chùa Tỉnh hội xếp hàng chờ đợi đến lượt mình. Ở chùa Tỉnh hội bấy giờ không phải chỉ có tốp học tăng chúng tôi đến tá túc mà còn mấy chục tu sĩ trẻ khác từ các tỉnh tụ về nữa. Cũng may là chúng tôi đến sớm, có được một phòng riêng rộng để trú thân qua đêm. Ngoài hành lang của các dãy tầng phòng cũng như hiên chánh điện, đồng bào



đủ mọi thành phần kéo đến nằm ngổ la liệt. Họ cũng là dân tịnh khác kéo về, không có chỗ tá túc, lại khiếp sợ sự hoảng loạn bên ngoài mà vào đây ẩn nhờ ngủ đậu, khỏi cần xin phép ai. Đến giờ ăn, họ xuống bếp chùa lấy cơm. Ăn rồi nằm ngủ luôn ở các hành lang của chùa cho tiện. Nhà bếp nấu cơm và thức ăn liên tục để có kịp mà cung ứng cho cả ngàn người. Một anh quân nhân nào đó có lẽ từng làm hỏa đầu vụ trong trại lính, nay xung phong làm đầu bếp cho chùa, nấu cơm liên tục từ sáng đến tối, nghĩa là không theo giờ giấc ba bữa ăn như thường lệ nữa. Thức ăn thì có mấy dì vải lo liệu. Một số Phật tử theo xe riêng của chùa, đi mua gạo về chất đống ở kho gần bếp. Nghe nói người ta xông vào kho gạo tranh nhau vác gạo mang về nhà. Có người lấy nhiều quá, đem bán bớt, giá rất rẻ. Ở kho gạo ấy, người ta giành giật nhau kéo rút gạo thế nào mà những bao gạo từ trên cao đổ xuống để chết mấy người. Mấy hôm trước, người ta chăm hãm chuyện thoát khỏi Đà Nẵng; bây giờ, chuyện thoát ra e không thực hiện được nữa, người ta đâm nghĩ đến cái gì thực tế hơn. Vậy là, ngoài đường phố, không phải chỉ có người hốt ha hốt hải tìm đường thoát, mà còn nhiều người khác lằng xằng đi kiếm gạo, kiếm thức ăn, bằng cách mua rẻ hoặc đi hỏi của từ những tư gia hay hàng quán mà chủ nhân đã bỏ đi hoặc không đủ sức bảo vệ. Nhiều người vác gạo hoặc vác bao thực phẩm lớn chạy nghênh ngang ngoài đường. Có những toán lính cầm súng bắn nhau loạn xạ trên đường phố để tranh giành thực phẩm, tiền bạc hoặc những ngôi nhà vô chủ. Tình hình thật căng thẳng, tưởng chừng không còn cảnh rối loạn nào đáng sợ hơn.

Chúng tôi đang ngồi ăn bánh mì với nhau bỗng nghe một tiếng nổ thật lớn, vang rền cả thành phố. Tôi chẳng hiểu đó là loại bom đạn gì. Chỉ thấy ở góc trời phía đông vụt sáng lên một màu đỏ rực giữa

đêm đen. Sau đó, nhiều tiếng nổ nhỏ khác nổi theo, cũng ở phía ấy. Thương tọa trú trì Tịnh hội bước xuống bảo chúng tôi tắt đèn vì Việt cộng đang pháo kích. Tôi không hiểu tắt đèn như vậy có kết quả gì không. Tiếng nổ cứ đi đùng vang lên, lúc gần lúc xa, nghe rờn rợn trong da thịt. Mấy ngày nay chưa xảy ra trường hợp đó, người ta la hét chen lẫn lằng xằng với nhau ở mọi ngã đường. Bây giờ, đạn pháo kích tới tấp nổ, tiếng người bỗng như ngưng bật. Tiếng pháo kích nghe như tiếng bước chân khổng lồ của tử thần. Tôi ngồi im trong phòng tối một lúc, bỗng thấy cần một thời kinh cho tâm hồn lắng xuống, đồng thời cũng cầu nguyện cho sự bình an của ba triệu lương dân ở thành phố này. Không nhiều thì ít, trước cảnh hỗn loạn và đạn bom nổ rền, tâm tôi cũng sinh bất an, không định được. Mấy ngày chạy loạn tá túc nơi đây, chúng tôi đã không tụng kinh ngồi thiền như thường lệ mà cũng chẳng nghe ở chùa tụng kinh. Tôi nói chú Cung hãy xin phép Thượng tọa trụ trì cho tụng một thời kinh. Thượng tọa đồng ý ngay nhưng dặn chúng tôi là chỉ thắp chút đèn cây nhỏ thôi, đèn điện tắt hết. Vậy là tổp Nha Trang chúng tôi kéo lên chánh điện làm lễ. Chỉ có chú Cung, tôi và mấy chú nhỏ; còn các chú lớn muốn tách rời tập thể thì đi đâu không thấy về lúc này. Khi chúng tôi tụng kinh, một số đồng bào cũng kéo vào quỳ lạy phía sau. Tiếng kinh cầu nguyện vang lên giữa tiếng pháo kích đi đùng quanh ven thành phố.

Tụng kinh xong, chúng tôi trở về phòng thì được chú Thiệt (vừa đi đâu mới về) cho biết chú Dương và chú Lãm đã lên được một chiếc tàu lớn vào Sài Gòn. Tàu ấy không vào bến Đà Nẵng để bốc người mà cập bến ở đâu đó xa hơn. Vậy mà các chú cũng lần dò tìm ra được, thật tài! Chú Thiệt nói với các chú khác, cố tình cho tôi nghe:

"Thấy chưa, phải tách ra



mà đi mới thoát được chứ kéo cả bầy đoàn thì làm sao mà thoát!"

Chú ấy nói gì thì nói, bọn tiểu khờ khạo chúng tôi vẫn cứ bảo thủ, không rời bỏ nhau.

Trận pháo kích ngưng rồi chúng tôi mới đặt lưng nằm xuống ngủ được một giấc dật dờ. Sáng mai, chú Hưng từ đảo Tiên Sa mò về, hỗn ha hỗn hển nói:

"Hồi tối Việt cộng pháo kích bên đảo. Khủng khiếp thật. Tôi xem chết bên đó rồi!"

Tôi vội hỏi:

"Vậy thầy Phước Châu đâu rồi?"

"Thầy ấy xuống xà-lan, ra hạm đội Mỹ rồi."

"Sao chú không đi theo thầy Phước Châu?"

"Sợ quá không muốn đi nữa. Có một thầy ở Phật học viện Phổ Đà bị trúng mảnh nơi bụng, người ta đưa vào bệnh viện rồi. Một thầy khác, chẳng biết ở chùa nào, bị chết ngay tại chỗ. Tôi nằm kể bên thầy đó chứ đâu. Ôn thiệt! Nhiều người chết lắm. Tôi không dám đi nữa, chạy về đây."

Mấy chú nhỏ lúc đó mới le lưỡi. Một chú nói:

"Nếu chú Khang đi mua bánh mì mau hơn một chút, chắc tụi mình có mặt trên đảo hết, rồi chẳng biết chuyện gì xảy ra nữa há. Ghê thiệt!"

(mời đọc tiếp chương 15, kỳ 2)

Vinh Hào